

Bộ
mới

Trầm Hương

tạp chí văn học nghệ thuật

Trầm Hương



12

năm thứ tám
bộ mới số 12/2014

TRÀM HƯƠNG

Tạp Chí Văn Học Nghệ Thuật

@

Năm Thứ 8 . Bộ Mới . Số 12

Chủ nhiệm: Nguyễn Đức Nhơn

Chủ bút: Túy Hà

Quản lý: Phạm Tương Như

Thông Tin Liên Lạc

tuyha81@yahoo.com

doanthachngoc@yahoo.com

Website: <http://hoiquantramhuong.org>

Tranh bìa : violin/fine art

Phụ bản và minh họa: intersource

Trình bày và layout: Nghi Hà

In tại

Mr.Print Ân Quán

DIỄN ĐÀN VĂN HỌC TRÀM HƯƠNG THỰC HIỆN

Góp Mặt Số Đây

LỜI VÀO / 05

ĐÀM TRUNG PHÁP / Vài Nét Đặc Thù... 08

VŨ TIỀN LẬP / chuyển bèn 14

PHAN BÁ THỤY DƯƠNG/ Trên nỗi tình người 15

NGUYỄN BẮC SƠN/ Tha lỗi cho tôi 17

TRẦN VẤN LỆ / Hoa muồng vàng 18

CHÚC ANH / Tình xuân 19

HOÀNG T. THANH NGÀ / Chìm sa 20

TRẦN YÊN THỤY / Tình nhớ 25

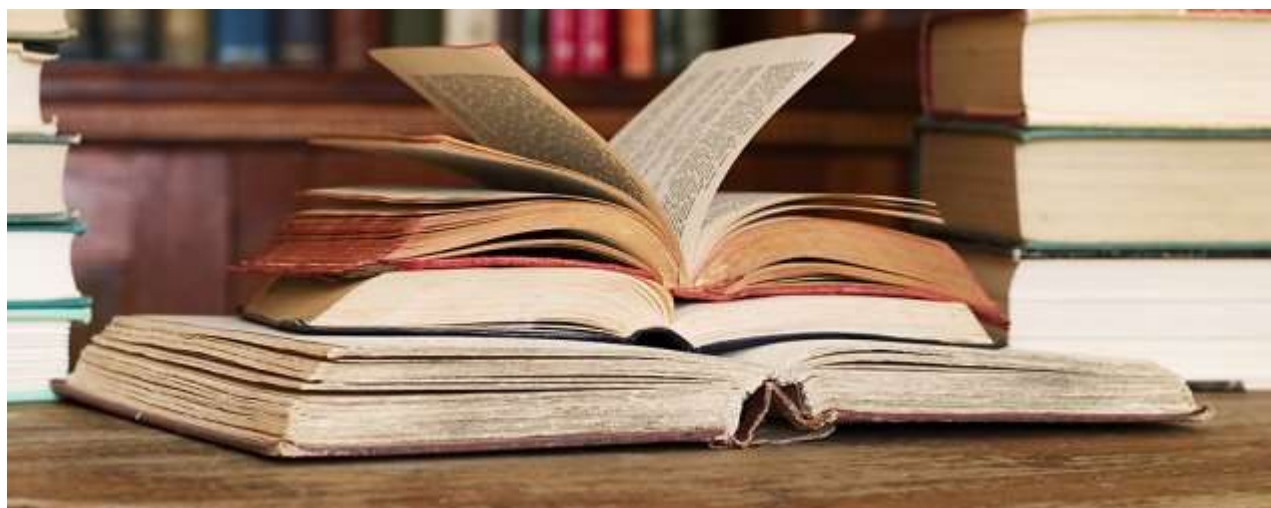
NGUYỄN MẠNH TRINH / Tác giả và tác phẩm 26

ĐÀO LÊ / Trầm kinh 31

TRẦN THIÊN HIỆP / Vui thôi mà 33
HOÀNG XUÂN SƠN/ Đồn bẫy 35
LUÂN HOÁN / Bỏ rượu 36
MINH XUÂN / Lỗi hẹn 38
SONG AN CHÂU / Đêm nghe tiếng hạc 39
LÊ HỮU MINH TOÁN / Chiếc cầu treo 40
THÁI BẠCH VÂN/ Ngộ cổ nhân 41
TIỂU TỬ / Giọt mưa 42
NGUYỄN XUÂN THIỆP / Khúc thơ 52
NHƯ PHONG / Đêm rượt bắt 54
DẠ DUNG VŨ /Thì thầm 56
TRÚC THANH TÂM / Ta say 58
HỒ TRƯỜNG AN / Bình Nguyên Lộc 59
TRẦN HUYỀN NỮ / Đêm và em 86
VÕ THỊ ĐIỀM ĐẠM / Hai má con 87
HẠC THÀNH HOA / Về nhánh sông xưa 100
LÂN CAO / Lửa tắt đêm Xuân 101
ĐỖ BÌNH / Có một ngày 102
PHAN CÁC CHIÊU HẰNG / Thuyền xưa 103
DƯƠNG QUÂN / Thư viết từ miền biển 115
NGUYỄN LƯƠNG VỊ / Ngày nay 117
TRẦN BANG THẠCH / Thả khói 118
QUAN DƯƠNG / Lục bát 128
CÁI TRỌNG TY / Cách một dòng sông 129
DƯƠNG THƯƠNG TRÚC / Sao mùa đông 130
NGÔ NGUYỄN NGHIÊM / Người ép hoa 132
VÕ THANH VẤN / Giấc mơ 137
XUÂN BÍCH / Em về 138
YÊN SƠN / Hỏi em có biết 139
VƯƠNG HỒNG NGỌC / Góc ngọc 140
PHAN XUÂN SINH / Chuyện kể bên ly rượu 141
TRẦN VĂN SƠN / Lá kính 151
TRẦN PHÙ THỂ / Thấy bóng 152
TRẦN VĂN LƯƠNG / Phải chi 153
TRẦN YÊN THẢO / Núi hoa quả 156
NGUYỄN AN BÌNH / Hạ đỏ 157
TRẦN HOÀI THU / Những lời thơ 158
TRẦN DẠ LỮ / Khi vắng em 162
SONG THY / Tiễn em 163
PHẠM NGỌC / Vết tích 164

NGUYỄN ĐỨC NHƠN / Bướm trắng 165
MẠC PHƯƠNG ĐÌNH / Trên đỉnh mùa xuân 168
PHẠM VĂN HÒA / Thăng Năm Cà Dòm 169
TỰ KÝ / Galveston 175
KIM OANH / Chinh nhân 176
Mh.HOÀI LINH PHƯƠNG / Về soi bóng mình 177
NGÔ TỊNH YÊN / Thiếu thừa 178
HOÀNG ÁNH NGUYỄN / Tình Xuân 179
PHẠM THỊ CÚC VÀNG / Giọt mơ vàng 180
TRẦN YÊN HÒA / Người chết hai lần 181
LÃM THÚY / Mưa chiều 187
THIẾU KHANH / Phân vân 188
HẢI PHƯƠNG / Chân dung 189
MÂY NGÀN / Đò đưa 190
PHẠM TƯỜNG NHƯ / Vỡng đưa tóc xoắn 191
TÚY HÀ / Chiều nghiêng 194
TT. HIẾU THẢO / Đom đóm bay 196
HOÀNG NGUYỄN LINH / Đám cưới 197
NGÔ THU HỒNG / Ngày xa Mẹ 204
THÔNG TIN CẦN THIẾT / 205

LỜI VÀO



Tối nay con gái bay nhiều thế?
Những cánh tay trần như cánh chim!

Năm mươi năm trước, Hoàng Trúc Ly đã viết như thế đó. Năm mươi năm sau đọc ra nghe còn thăng thốt, vì mới đêm qua có người lại nhắc

**Hồi tôi, bạn à, có trận mưa đêm. Mưa đêm trước, mưa đêm qua, mưa thêm...Sáng thức dậy, nghe từng bầy chim hót. Chưa bao giờ tôi thấy bình minh rất ngọt. Tôi làm thơ, tôi tạ lại ơn Trời!*

Vâng, tất cả chúng ta người viết và người đọc đều phải cảm khái đề tạ ơn trời, riêng những người cầm bút lại còn phải tạ ơn đời cho ta những buồn vui tiền kiếp xuôi dòng chảy về tận hôm nay. Hải ngoại thương ca, hay bi ca cũng vậy, cũng là rung rung điệu nhớ một thuở thanh bình, sáng mở cửa ra lên nhìn xuống phố ôi thôi chim hót và người bay trong nắng mới, đất trời như ngừng lại ban ơn cho từng giọt sáng đậu nhẹ trên môi trên mắt mỗi người. Niềm vui nở hoa, những loài hoa đại đóa ngát hương đời.

Vui thay vì còn những niềm tin, vì còn tình yêu thiên nhiên và cây cỏ, cũng buồn thay vì cơn gió chướng lại lừng lững trở về. Cơn gió tháng tư, mùa xưa khô khốc, lửa dậy trời, tro than rát mặt, máu và nước mắt chan hòa trong một ngày khổ nạn, cả dân tộc rung rung, triệu triệu người nhỏ lệ. Không ai bảo ai mà như quán tính tất cả đều nhìn về hướng Đông, hướng của Thái Bình Dương không còn êm ả. Biển Đông dậy sóng, người người đập sóng ra khơi, Bao nhiêu người vượt thoát và bao nhiêu người gia nhập *thủy mộ quan*.

Tai ương trùm khắp, cơn gió độc bùng phát tràn lan, mang theo máu lệ cho đến tận hôm nay.

Người kẹt lại lâm than trong nhà tù lớn, người ra đi uất hận thiên thu.

Vậy thì lại tạ ơn đời cho còn hơi thở viết lời tri ân. Và còn biết buồn mưa vui nắng, hân hoan nhìn mùa xuân trở lại sau những ngày đông giá bão tuyết hoành hành, ngăn đường bít lối, bao nhiêu chuyến bay phải trì hoãn, bao nhiêu cơ hội làm việc công ích phải tạm ngừng.

Thế nhưng khi tai trời ách đất qua đi, gió Bắc lại chìm trong phương bắc, thì Đông Xuân cây cỏ lại trở mình. Cỏ cây hóa lá hồi sinh và người gọi người tỉnh thức trước tháng tư vắn nạn sắp về.

Bạn tôi, hãy nói dùm ngôn ngữ của hoa, hãy hát dùm khúc ca của gió, hãy hào phóng chuyển tải nắng trong ngần đến với mọi người. Con đường sau lưng đã rõ con đường phía trước còn dài và vui thay còn nhớ Hoàng Trúc Ly thăng thốt trước một ngày nắng mới. Thăng thốt riêng mình nhưng lay tỉnh nhiều người khi mạch sống vẫn cuộn cuộn dâng lên. Lại tạ ơn trời và tạ ơn người để xin cho những đau thương không trở lại, những oan khiên không có chỗ tự tung, và tình người còn cơ may nối lại, tay nối vòng tay hoan ca cuộc sống để mãi nhớ là Việt Nam ta từng có thuở thanh bình, Việt nam ta không là sắt máu mà Việt Nam ta vốn rất hiền hòa.

Viết thêm, viết nữa bạn ơi!
Viết gì ư! Hãy viết về chân phương cuộc sống, về những đổi thay trong tâm thức, về những ngộ nhận cần xóa bỏ và về tình yêu giữa người với người. Về những giao cảm mật thiết giữa nhân bản và lý trí, trên hết ngợi ca thiên nhiên đất nước và con người đã hào phóng nuôi dưỡng ta trong bầu không khí tự do cho dù đang vẫn ở xa quê nhà vạn dặm.

Người đọc, bạn tôi ơi! Hãy là người đồng hành thân thiết, hãy là bờ vai cho những đời viết nghiêng xiêu, hãy là chai nước mát cho người lữ hành đang khát và đọc để tìm lại chính mình trên từng phần nhung nhó và nuôi dưỡng hy vọng cho một Việt Nam tươi đẹp mai sau.

Còn người viết cho Trần Hương, còn người đọc vì Trần Hương thì cơ may chữ nghĩa vẫn còn nguyên trong nỗi nhớ của những người đi đâu cũng còn đó quê mình.

Để mỗi sáng mai thức dậy còn cảm nhận yêu đời và yêu người.

Trân trọng

Ban Biên Tập

**thơ trần văn lệ*

**Mọi nguồn yểm trợ, đặt mua báo dài hạn hoặc đăng Quảng cáo xin vui lòng xem chi tiết ở trang cuối*



ĐÀM TRUNG PHÁP

Vài Nét Đặc Thù Về Các Ngôn Ngữ “Giả Cây”

Trong thời Pháp thuộc, một nông dân Việt được mượn để làm vườn trong tư dinh viên công sứ người Pháp tại miền thượng du Bắc kỳ. Một hôm, một con hổ lọt hàng rào vào vườn, đập nát các luống hoa, rồi lững thững trở về rừng. Buổi chiều khi viên công sứ về nhà, thấy những vết chân khổng lồ trên các luống hoa, ông không hiểu là trâu bò nhà ai đã dám cả gan vào tận tư dinh công sứ phá phách như thế. Người làm vườn giải thích cho chủ rõ là hổ đấy chứ chẳng phải trâu bò nào đâu, “Lúy tí ti dôn, tí ti noa, lúy gằm, lúy gừ, lúy măng-dê me xừ, lúy măng-dê cả moa” (Nó tí ti vàng, tí ti đen, nó gằm, nó gừ, nó xừ ông, nó xừ cả tôi). Vậy mà ông tây thuộc địa hiểu ngay, rồi há hốc miệng, vung tay lên trời và chỉ nói được hai chữ “Un tigre?” (Một con hổ à?) rồi té xiu. Người làm vườn phải dìu ông chủ vào nhà và trong bụng mừng lắm, vì ông công sứ đầy quyền uy rõ ràng đã hiểu thứ tiếng Tây “giả cây” của mình. Đó là thứ tiếng Tây sử dụng cú pháp và lối phát âm Việt, trong đó ngữ vựng của hai ngôn ngữ phùa phùa giao duyên.

Tác giả bài này xin tạm dùng nhóm chữ “ngôn ngữ giả cây” với giá trị tương đương cho hai từ pidgin và creole trong tiếng Anh. Các loại ngôn ngữ pha trộn và có vẻ kỳ cục này tồn tại nhiều nơi trên thế giới, và là phương tiện truyền thông của đôi chác thương mại, của đời sống đồn điền, và của các cuộc tiếp xúc khác trong đó những người sử dụng ngôn ngữ khác nhau đã cùng nhau thỏa thuận về một tiếng nói mới. Có một sự khác biệt đáng kể giữa pidgin và creole: không ai sử dụng pidgin như một tiếng mẹ đẻ; và khi một pidgin đã trở thành căn cơ, phức tạp hơn, hữu hiệu hơn mà lại có người sử dụng như tiếng mẹ đẻ thì pidgin đó đã thăng hoa thành một creole. Quả thực đã có một số ngôn ngữ giả cây, tuy đôi khi vẫn mang danh pidgin, nay đã trở thành tiếng mẹ đẻ của nhiều người, điển hình là Tok Pisin ở Papua New Guinea và Hawaiian English ở Hạ uy di.

Đại đa số các pidgins thường không thọ, kể cả tiếng Pháp và tiếng Anh giả cây thịnh hành trong thời Pháp thuộc và trong cuộc chiến Việt Nam mà người Việt mệnh danh là “Tây bồi” và “Mỹ bồi.” Nhưng cũng có những creoles đã trở thành ngôn ngữ quan trọng, như Haitian French Creole được hơn 4 triệu người sử dụng tại Cộng Hòa Haiti, một thuộc địa cũ của người Pháp; Gullah, với trên 200 ngàn người sử dụng dọc miền duyên hải đông nam Hoa Kỳ, là một ngôn ngữ lấy tiếng Anh làm căn bản, pha trộn với nhiều sắc thái ngôn ngữ Phi châu; và Jamaican Creole English được trên 2 triệu người sử dụng tại Cộng Hòa Jamaica.

Về nguồn gốc chữ pidgin thì không ai dám cả quyết. Có người cho rằng đó là cách người Trung Hoa phát âm chữ business, lại có người cho rằng pidgin phát xuất từ

chữ Do thái pidjom (có nghĩa là đổi chác), cũng lại có người cho rằng chữ pidgin và chữ pigeon (có nghĩa là chim bồ câu, thường được huấn luyện để đưa thư) chắc chắn có liên hệ mật thiết! Còn chữ creole thì do chữ crioulo trong tiếng Bồ đào nha (có nghĩa đen là một người da trắng sinh ra và lớn lên tại một thuộc địa) mà ra.

Lúc mới xuất phát, các pidgins chỉ có một công dụng rất hạn chế, như để đổi chác hàng hóa giữa người Tây phương và người bản xứ Phi châu hoặc Á châu. Trong thế kỷ 19, các đồn điền do người Tây phương làm chủ thường có một số nô lệ nói vài ngôn ngữ khác nhau làm việc. Những nô lệ nào cùng nói một thứ tiếng thường bị chủ nhân không cho liên lạc với nhau, e rằng họ có thể cùng dùng ngôn ngữ đó để mưu mô trốn thoát đồn điền hoặc làm phản. Thành ra khi các nô lệ phải nói chuyện với nhau hoặc với chủ nhân, họ phải đồng ý phát minh ra một thứ tiếng nói mới với bản chất giả cây.

Thoạt đầu, một ngôn ngữ loại này chỉ có một cấu trúc giản dị tối đa và một số từ vựng nhỏ nhoi. Các hình dạng đề diễn tả số nhiều (như “books” và “houses” trong tiếng Anh), các tiếp vĩ ngữ để phân biệt nam và nữ (như “alumno” có nghĩa là nam sinh và “alumna” có nghĩa là nữ sinh trong tiếng Ý pha nho), các bảng chia động từ đều biến mất trong ngôn ngữ giả cây này. Về từ vựng thì chỉ có từ 50 đến 300 chữ cho nên người nói tiếng này phải vận động tối đa lối nói quanh co, bóng bẩy. Chẳng hạn, khi muốn diễn tả ý nghĩ “Tôi đói bụng” thì tiếng Tok Pisin (do “talk pidgin” mà ra, lấy Anh ngữ làm chủ lực) phát ngôn thành “Bụng thuộc về tôi đi tản bộ dài dài” tức là Belly belong me plenty walk about. Pidgin là sản phẩm của cả hai phe nói tiếng khác nhau. Trên lý thuyết thì cả hai thứ tiếng đều đóng góp về âm thanh, từ vựng, và yếu tố ngữ pháp. Tuy nhiên, ngôn ngữ có uy tín hơn (thường được coi là “thượng tầng” như tiếng Anh, Pháp, Tây ban nha, Bồ đào nha, Hòa lan) hầu như cung cấp phần lớn từ vựng, và ngôn ngữ kia (thường bị coi là “hạ tầng” như tiếng Tàu, tiếng Tolai, tiếng Hạ uy di, và các tiếng Phi châu) có ảnh hưởng lớn hơn về ngữ pháp. Điển hình là trong Tok Pisin 80% từ vựng là Anh ngữ, và ngữ pháp chịu ảnh hưởng lớn của Tolai là một thổ ngữ quan trọng trong gia đình ngôn ngữ Papuan.

Các pidgins khi trở thành creoles cần phải có chữ viết. Lối viết tốt nhất, theo ý kiến các nghiên cứu gia về ngôn ngữ giả cây, là theo cách phiên âm với mẫu tự la-tinh (thay vì dùng chính tả quy ước của các ngôn ngữ thượng tầng xuất phát từ Âu châu). Vì vậy mà tiếng Tok Pisin viết “too much” là “tumas” và mouth là “maus,” vì trong ngôn ngữ này âm “ch” và âm “th” đọc lên như âm “s.” Các thí dụ về Tok Pisin trong phần còn lại của bài này đều được viết theo lối phiên âm đó. Với Anh ngữ đóng vai trò thượng tầng, Tok Pisin là ngôn ngữ chính thức của khoảng 1 triệu người dân nước Papua New Guinea nằm trong Thái bình dương, phía bắc Úc châu. Ngôn ngữ này đã có một ngữ pháp chính thức và một từ vựng dồi dào. Hoàng tế Philip, phu quân của Nữ Hoàng Anh Cát Lợi, đã có lần thử nói Tok Pisin nhưng bị thất bại vì dùng sai ngữ pháp! Khi nghe ông diễn tả “hoàng tế” là “fella belong

Mrs. Queen” thì dân chúng Papua New Guinea cười bể bụng vì ngữ pháp Tok Pisin của họ đã bị vi phạm một cách ngoạn mục. Phải nói “man belong kwin” mới đúng là Tok Pisin chính hiệu, vì trong ngôn ngữ này chữ “fella” (đọc và viết là “pela”) không có thể được dùng ở vị trí trong cụm từ của hoàng tế Philip với nghĩa “đàn ông” hoặc “chồng.” Trong khi đó, chữ “pela” (thoát thân từ chữ “fella”) chỉ dùng làm tiếp vĩ ngữ để đánh dấu tính từ hoặc số từ trong Tok Pisin, thí dụ “tupela blakpela pik” có nghĩa là “hai con heo đen” và “yupela” có nghĩa là “các anh.” Đây cũng là dấu hiệu cho thấy Tok Pisin đã trở thành một creole, tiến bộ hơn giai đoạn khởi thủy rất nhiều. Cùng trong tiến trình này, tiếp vĩ ngữ “im” được dùng để biến một tính từ thành động từ, như trong các thí dụ sau đây: “bik” (big, large) + “im” = “bikim” (to enlarge); “nogut” (no good) + “im” = “nogutim” (to spoil). Và sự thu gọn hoặc hoán chuyển vị trí các chữ trong câu cũng cho thấy Tok Pisin hiện đại mỗi ngày một thăng tiến hơn, chẳng hạn “kot bilong ren” (raincoat) = “kotren” hoặc “renkot.”

Nhưng có lẽ cách ghép những chữ căn bản vào với nhau một cách đầy ấn tượng để tạo ra những chữ mới trong Tok Pisin mới thực ngoạn mục, như các thí dụ sau đây: “mausgras” (cỏ mồm) = râu mép; “gras bilong fes” (cỏ mặt) = râu; “gras bilong hed” (cỏ đầu) = tóc; “gras antap ai” (cỏ trên mắt) = lông mày; “gras nogut (cỏ không tốt) =

cỏ

dạ

Trong cuốn sách mang tên Experiments in Civilization của tác giả H. I. Gogbin, xuất bản tại Luân đôn năm 1939, người đọc được thưởng thức một bài thơ rất cảm động viết bằng tiếng Tok Pisin bởi một nhà thơ khuyết danh, với lời lẽ giản dị bộc trực. Chỉ vì miếng cơm manh áo mà nhà thơ ấy phải bỏ quê nhà ra thành thị làm việc, nhưng trong lòng lúc nào cũng rộn lên một niềm thương nhớ quê xưa, người cũ:

Ples bilong mi i namerwan

Mi laikim im, tasol

Mi tink long papa, mama tu

Mi krai long haus bilong ol

Quê tôi hạng nhất trên đời

Tôi yêu nó, có vậy thôi

Tôi nghĩ đến cha và mẹ nữa

Tôi xót thương cho mái nhà chung

Mi wok long ples i longwe tru

Mi stap nogut, tasol

Brader, susa tu

Long taim wetim mi

Ol tink mi lus long si

Vì miếng ăn tôi xa nhà thực

Mà bỏ làm thì khó, thể thôi
Anh và chị thân yêu tôi nữa
Ngóng tôi về từ bấy lâu nay
Giờ chắc nghĩ tôi chìm sâu đáy biển

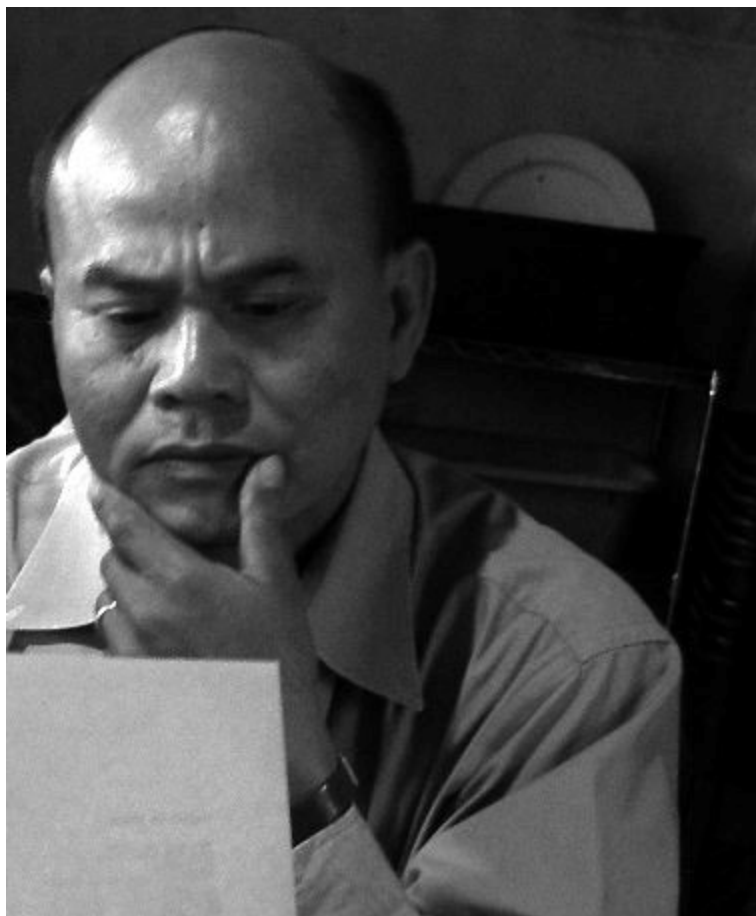
Nau mi kirap, mi go long ples
Mi nokin lusim mor
Ples bilong mi i namerwan

Phút này đây tôi đứng dậy, trở về
Vì không thể cách xa nơi ấy nữa
Quê hương tôi hăng nhất trần gian

Mặc dù nhiều người vẫn còn coi nhẹ các loại tiếng giả cây – người Pháp còn gọi loại ngôn ngữ này ở Phi châu là petit nègre (mọi đen con) vì nó ít từ vựng và dùng ngữ pháp thô sơ như con nít – các loại ngôn ngữ rất đặc thù này đã thành công trong sứ mệnh truyền thông giữa người với người, và đó là mục đích chính của bất cứ một ngôn ngữ nào. Chúng cũng chứng minh hùng hồn được khả năng sáng tạo của bộ óc con người khi nhu cầu truyền thông đòi hỏi. Đã đến lúc chúng ta phải nhìn những ngôn ngữ giả cây của nhân loại dưới một ánh mắt độ lượng hơn

Đàm Trung Pháp

VŨ TIẾN LẬP



Chuyển Bến

Với những ngày tháng trải thêm lãng du và hương thơm của mùa đông đang nghi ngút trên đôi tay trống vắng như cây cối không trở ra hoa quả. Tình yêu và sự trống vắng không thể dung thứ lẫn nhau giống như sự lựa chọn giữa hai con đường đi tới. Một phía ngoài đòi hỏi đối tượng để đạt tới ước muốn và một hướng bên trong bằng chính tâm thức cho hạnh phúc bắt đầu. Khi khép kín tâm hồn là tự đầy đoạ trong thế giới chật hẹp, những bám víu âm thầm sẽ len lỏi như cỏ tranh mọc um tùm trong ký ức. Đời sống phải nương tựa nhau để tồn tại, để cảm nhận sự hẫng nhiên của kiếp người cùng đất trời phổ độ vươn lên khỏi thân phận mong manh đến cuối tận trời không.

Nhìn sợi nắng soi mình qua kẽ hở từng sợi buồn rơi rụng xuống nhân gian, nhịp cầu nào lộng gió hương trần chở về từ hoang sơ man dại. Tình yêu đã điểm hương sắc lên dòng thời gian để mở toang cánh cửa hiện hữu như xác quyết ngày trở về chốn cũ.

tìm một chỗ bắt đầu

đôi môi đầy ắp nhớ
những ngón tay thướt đượ
cần mẫn dựng mùa xuân
núi đá gặt tan ngày băng lạnh
hư ảo chấp chùng thoát cánh bay.



PHAN BÁ THUYẾT DƯƠNG

Trên Nỗi Tình Người

1.

*mấy ngàn dặm hai khung trời cách biệt
em một phương
và ta ở một phương
trăng tuyết ở đây sao cũng dị thường
như khơi động nỗi niềm người viễn xứ*

*lỡ mai một em về qua xóm cũ
ta lạc loài từ thuở dấy đao binh
đường xưa em đi cô lẻ một mình
ôm khắc khoải thân thờ trong dư ảnh*

2.

*mưa bên ấy -
chắc làm em thấm lạnh
gió Hạ buồn có làm tóc em bay
trời đất mang mang sông bể voi đây
ai đếm được con nước ròng, nước lớn*

*thôi nhé em -
góp chi từng sợi nắng
nuối tiếc gì bụi khói đã trôi xa*

*nhớ nhung nào năm tháng chẳng phai pha
mà chợt khóc, chợt cười trong ảo mộng*

3.

*đốt lửa lên em -
đốt lửa lên em, hâm thêm rượu nóng
để mình say quên bão táp vô tình
sao mắt em buồn như giọt sương đêm
tìm đôi bàn tay -
tìm đôi bàn tay, cũng chưa thấy ấm*

*biết về đâu ta nửa đời phiêu lãng
giấu u tình trong cổ mộ hoang vu
có còn chăng bèo bọt với mây mù
và ử áp bóng người trong lặng lẽ*

4.

*sóng biển hồi - xin vỗ về thật nhẹ
cát vàng ơi - thôi xóa dấu hài hoa
sỏi đá nào dòng nước đã trôi qua
sao heo hắt muộn phiền như rêu cỏ*

*gác chuông Bắc ta treo hồn trên đó
đợi em về hong tóc gọi đêm Thu
cho mưa nguồn giăng lá thắm sa mù
và em cất tiếng, ru ta ngàn kiếp.*

*thuyền đã đưa em về chốn hư vô
nên ráng chiều mây biếc cũng bơ vơ
và hiu hắt muộn phiền trong cô vắng
dấu gom góp từng giọt sương rơi nắng
cũng âm u như lời hát chiêu hồn
em ơi em -*

*ở bên này hay bên đó buồn hơn
ta thao thức dỗ từng cơn ngủ muộn.*

Phan Bá Thụy Dương



NGUYỄN BẮC SƠN

Tha Lỗi Cho Tôi

Tiệc mày không gặp tao ngày trước
Ta cho mày say quất cần câu
Rượu bia bốn chục chai đồ bỏ
Uống từ chạng vạng suốt đêm thâu

Thành phố giới nghiêm ta ngắt ngưỡng
Một mình huýt sáo một mình nghe
Theo sau còn có vàng trắng lạnh
Cao tiếng cười buông tiếng chửi thề

Thời đó là thời ta chấp hết
Lững lơ hoài trên chiếc đu quay
Đời mình như ly rượu cạn
Hắt toẹt đời đi chẳng nhú mảy

Thời đó là thời ta bất xá
Sẵn sàng chia khổ với anh em
Hơi cay, đạn khói, dùi ba trắc
Bước cũng không lui trước bạo quyền

Bây giờ ta đã thành ti tiểu
Uốn vào khuôn khổ cuộc đời kia
Loanh quanh trong chiếc chuồng vuông chật
Sống đủ trăm năm kiếp ngựa què.

Nguyễn Bắc Sơn



TRẦN VĂN LỆ

Hoa Muồng Vàng Nha Trang

Tôi nhớ quá hoa muồng vàng Nha Trang / cứ sắp Hè thì hoa muồng đua nở. Hoa có mùi thơm tôi gọi là Mùi Nhớ. Hoa có Màu Vàng tôi nợ áo dài em...

Hồi đó mình nghèo, em không ao ước gì thêm / chỉ ao ước có áo dài màu hoa thương nhớ...anh đi phép về em mặc khoe anh...

Hồi đó chiến tranh. Tôi đốt tuổi xanh những đêm lửa hồng trên núi. Dãy Trường Sơn tôi đi từ đầu đến cuối. Hoa muồng vàng, nhớ quá Nha Trang...

Hồi đó em vội vàng / tại sao em vội vàng / đi về Huế không chờ không đợi? Ở rất xa xôi tôi không nghe em nói / chỉ sáng tối tôi nghe tiếng đạn xoáy trong rừng...

Hoa muồng vàng chín năm rung rung. Trên đường Cải Tạo, tôi đi ngang thành phố cũ. Những hàng cây đứng rũ.
Hoa muồng vàng, tôi nhớ héo hon...

Tôi lại đến với Trường Sơn. Xứ Phú Yên đèo cao núi cả. Hoa sim tím nằm trong chùm lá, tôi hái nhìn, nước mắt tuôn tuôn...

Em ơi tôi nhớ hoa muồng – hoa chưa thấy ai đem vào thi sử, chỉ mình tôi...chỉ vì tôi nhớ, nợ tình em chiếc áo dài hoa...

Trần Văn Lệ



CHÚC ANH

Tình

Xuân

Quà Xuân viển xứ tặng anh
Tình Xuân thấm thiết lòng thành chẳng phai
Tang bồng hồ thỉ chí trai
Vầy vùng bốn bể miệt mài giữ quê
Thương anh, chung thủy lời thề
Yêu anh, một dạ đam mê cứu người
Ly hương đất khách đơn côi
Hồn anh hoang nát nhìn đời nhiều nường
Còn đâu đạo lý Tam cương
Nho phong hủy hoại, Ngũ thường tiêu tan
Tha hương se thắt tâm can
Dối nhìn quê mẹ điêu tàn bủa vây
Sương khuya che kín ngàn mây
Lấp che đời mộng chuỗi ngày âm êm
Dấu anh trôi lạc "giòng đen"
Tương lai mờ tối màn đêm chân trời
Em nguyên chung bước sánh đôi
Cùng anh dời núi san đồi xây quê.



HOÀNG T. THANH NGÀ
Chim Sa Xuống Đất

Năm tôi vào lớp đệ tam, cũng là lúc anh hai vừa thụ huấn xong khóa học bay ở Mỹ về. Bạn mới còn bỡ ngỡ chưa quen, bạn cũ tản mác các phân ban khác, chỉ có tôi và nhỏ Liên “văn hay chữ tốt” theo ban C, ôm ấp mộng làm... zăn sĩ. Nhỏ này “chế” thơ tình rất hay, dù nó chưa có mảnh tình nào... vất vai.

Khi biết tôi có ông anh là Pilot, “cọng giá” của tôi vươn cao hẳn. Mấy đứa bạn vừa quen bỗng trở nên thân thiết lạ lùng. Chiều nào tan trường về tôi cũng được rủ đi ăn hàng vặt ở mấy xe gỏi khô bò, chúng nó thay phiên nhau đãi đằng, chưa kể lúc ngồi trong lớp ăn vụng me dốt me ngào, cóc ỏi nhai mỗi miếng. Tôi biết tổng ý đồ của chúng, trong mắt... tai mũi họng của tụi nó bây giờ chỉ có “ngài” Pilot nhà tôi là sáng giá. Mấy anh chàng Võ Trường Toàn quần xanh áo trắng làm sao cân sức được với chiếc áo bay của Pilot, nên đành ngậm ngùi hát: “anh có theo hàng trăm cây số, em vẫn không thêm quen anh đó....”

Ăn “chùa” mãi cũng kỳ. Vả lại tôi phân vân không biết chọn đứa nào trong cái đám quý cô nương nhí nhỏ này để... gá nghĩa cho anh hai, nên đành tiếc rẻ từ chối bớt những “cuộc vui”. Chỉ giữ lại một nhỏ Liên làm “thân chủ”, dù sao nó cũng là bạn lâu năm từ hồi đệ nhất cấp, lại hiền lành nhu mì, sau này có “tiến thân” làm... chị dâu của tôi cũng được, đỡ lo anh hai vợ phải một bà chẳng đem về áp đảo con em, vì thế tôi lên kế hoạch “gài” nó cho chàng anh.

Anh tôi lọt vô được Không Quân vì chiều cao thuyết phục và sức khỏe tràn trề chứ diện mạo chàng hơi... xí, nói té nhị hơn là không đẹp trai mấy, khác xa lời đồn thổi về huyền thoại KQ :”không đẹp trai, không phải Pilot”.

Chàng hiền lành và còn hơi “cù lằn lửa”, dù đã được mấy bậc niên trưởng tận tình chỉ vẽ cho nhiều chiêu bay bướm, nhưng xem ra không cải thiện được phong cách chàng là mấy. Vậy mà bạn tôi, nhỏ Liên xinh xắn, thùy mị, mảnh mai và... thấp thấp đúng model “người em bé nhỏ”, say tình chàng quá Trời!... Từ sau ngày gặp gỡ anh, mồm nó lúc nào cũng lẩm bẩm bài “Tuyết Trắng” như thầy pháp niệm chú. Mặt mày

ngơ ngẩn như người mất tiền, cổ... rần rẩy vằn thờ. Nó còn siêng năng chăm chỉ học nữ công, (lúc trước nó thường rửa tô coupe giờ này) tập thêu thùa. Nó thêu đôi chim liền cánh, đôi trái tim lồng vào nhau, đôi bông hồng đỏ thắm, chờ cơ hội tặng chàng anh hai. Tôi thương cảm quá, hỏi một câu... lảng xẹt:

- Anh... có gì đâu mà bà khoái dữ dzậy?

Nó cười lỏn lén.

- Tui thích cái... tướng mặc đồ bay của anh và giọng... Bắc kỳ ngọt lịm.

Trời mẹ ơi!!!... Tôi ngạc nhiên quá đỗi. Tôi cũng là “cô em Bắc kỳ nho nhỏ” đây, sao không thấy ai khen tôi có giọng “ngọt lịm”???

Chờ anh “dù” về nhà, tôi phỏng vấn chàng.

- Anh hai thấy bạn em thế nào?

Chàng ngơ ngác.

- Thấy gì... bạn nào?

Tôi thất vọng.

- Chời ơi!... nhỏ Liên hôm bữa anh gặp đó, anh thấy nó thế nào?

Chàng ngớ ngẩn.

- Anh... có thấy gì đâu, bạn em bị gì à?

Tới phiên tôi ngớ ngẩn.

- Anh không thấy gì thật sao!? Anh không thích nó à!? Anh không muốn có người yêu à!?

Tôi hỏi một hơi “anh... không à” làm chàng càng... không hiểu.

- Sao em hỏi nhiều thế, bạn em thì mắc gì tới anh?

Nhỏ Liên không lọt được vô mắt anh tôi. Chàng anh “cù lằn lử” vậy mà quá lạnh lùng, tim cứng như cục sắt!

Chờ đợi khá lâu, không thấy tôi đem lại tin tức tốt lành hay một cuộc hẹn hò nào. Nó chán nản quay sang làm “em gái hậu phương”, viết thư cho các anh “thiên thần” mũ đỏ, “cọc biển” mũ xanh, mũ nâu ngoài tiền tuyến, không thèm mơ tưởng đến chàng Pilot nhà tôi nữa.

Ngày “giải phóng” anh đang ôm chiếc trực thăng, có thể vù một mạch đến Thái Lan, nhưng không nỡ bỏ mẹ và tôi, nên đành ở lại. Mẹ bắt anh trốn ở vùng biển Phước Tỉnh, nơi có người quen làm dân chài, để mặc cho mẹ đối phó với “bộ đội giải phóng” dai dẳng hạch hỏi: thằng giặc lái trốn đâu rồi?

Nhờ diện mạo hơi xấu, đen nên anh sống lẫn với dân ngư phủ an toàn và có cơ may vượt biên bình an tới đảo Bì đông. Tại đây anh bất ngờ gặp lại Liên, nó mừng rỡ nhận ra anh, anh cũng vui mừng không kém, vì bơ vơ nơi xứ lạ đất người, tâm trạng hoang mang chao đảo. Liên trở thành người thân, vì là bạn của em gái mình.

Gần gũi hằng ngày khiến hai người yêu nhau thấm thiết và làm đám cưới ngay trên đảo. Mẹ và tôi vui mừng khôn xiết, từ nay nơi xứ lạ, anh tôi có người thương yêu sớm hôm cận kề chăm sóc. Quả là trời già nên mắt kém. Rõ ràng hai người có tên

trong sổ nhân duyên, lần trước chắc “cụ” quên đeo kiếng nên không thấy, suýt chút nữa làm lỡ làng mối duyên tốt lành này.

Sau gần chục năm định cư ở Mỹ, anh lãnh mẹ tôi sang. Tôi ở lại vì kẹt chồng con. Những cuộc điện đàm viễn liên với mẹ, thỉnh thoảng nghe tiếng mẹ thở dài. Tôi băn khoăn hỏi:

- Mẹ ở bên có vui không?

Mẹ ngập ngừng.

- Vui ...vui mà cũng... buồn, anh con... nề vợ quá.

- Nề là sao mẹ?

Mẹ nói nhanh.

- Nề là... nề, thôi con đừng hỏi nhiều.

Tôi hơi hốt mau quên nên không nhớ đến chuyện này nữa!

Thời gian lại trôi qua mấy chục năm. Vợ chồng anh không một lần về thăm VN. Tôi có đứa con gái lớn lấy chồng Việt kiều, may mắn ở cùng tiểu bang với anh, khi vừa có điều kiện, nó vội báo lãnh tôi ngay. Tôi muốn ở gần nhà anh để “chạy qua chạy lại” cho vui và gần mẹ. Ngày đầu tiên gặp lại con bạn cũ mà cũng là chị dâu, sau ba mươi mấy năm cách biệt, tôi bị choáng...

Ôi thời gian!!!... Thời gian là liều thuốc nhiệm màu chữa lành những vết thương lòng đau đớn, nhưng cũng là liều cực độc hủy diệt tàn bạo dung nhan, vóc dáng con người. Bạn tôi ngày xưa xinh xắn, nhỏ bé, yêu kiều là vậy. Nay trở thành một bà béo bệu bạo! Ngồi thừ trên sofa với nét mặt lạnh tanh, nhìn nó tôi ngán ăn... mỡ suốt đời.

Thời gian và hoàn cảnh làm thay đổi mọi thứ. Ngày xưa tôi với nó thân thiết như chị em ruột, chia nhau từng viên xí muối, miếng ổi chát, miếng cóc chua, kể lể với nhau những mẩu tâm sự vụn vặt ngây ngô thời mới lớn, vậy mà bây giờ nó nhìn tôi như người xa lạ. Cảm ơn trời! nếu không bị kẹt lại ở nước VN nghèo đói khốn khổ mấy chục năm, chắc giờ này tôi cũng to “bành trướng đế quốc Mỹ” và tâm hồn lạnh lẽo như nó.

Vì ở gần, hay chạy qua nhà anh, tôi mới hiểu được tiếng thở dài và câu nói ngập ngừng của mẹ ngày trước. Không biết từ lúc nào, bạn tôi đã tận dụng cái ưu thế “lady first” của nước Mỹ văn minh, yêu chuộng phụ nữ. Từ một người con gái dịu dàng thùy mị, nó thay đổi thành một “lady” lăm mồm, riết róng. Mọi việc trong ngoài, một mình nó quyết định, anh tôi chỉ là người thừa hành, kiêm nội trợ, chờ lệnh sai phái. Anh đã trở thành một người hoàn toàn khác.

Ngày xưa anh tuy hơi “cù lùn” nhưng cũng có phong độ nam nhi. Oai hùng liệng cánh trên những trận địa, làm quân thù khiếp hãi. Bạn bè đồng đội thương mến vì tính hiền và nụ cười luôn nở trên môi. Bây giờ nụ cười trở nên hiếm hoi trên khuôn mặt đăm chiêu nhẩn nhục. Anh chịu đựng sự cảm râm ca cẩm của vợ riết thành quen. Nó xéo xắt anh vì cái tội nó... mập, rồi ghen tuông vu vơ với những người không mập như nó. Có lần tôi ái ngại hỏi:

- Chị cứ than mận hoài mà sao không chịu khó tập thể dục? (không biết từ lúc nào tôi lẽ phép gọi nó bằng chị)

Liền bị nó lườm cho một cái dài ngoằng.

- Đào ơi !... cô khéo vẽ chuyện, tôi làm gì có thì giờ mà tập với chả... hạp.

- Chị cứ để thân hình... tròn trịa thế này, rồi cuối tuần lại đi chơi với bạn, mặc kệ anh ở nhà một mình, không sợ ảnh có... người khác sao?

Nó nhìn tôi như nhìn sinh vật lạ, cười rung mấy thớ thịt dưới cằm.

- Xời... cô cứ đùa? Cho kẹo lão cũng không dám.

- Sao chị tự tin thế?

Nó cao giọng ngạo nghễ.

- Chị... mà có tình báo khắp nơi, lão hó hé là chết ngay.

Tôi phục nó sát đất, phục luôn cả nước Mỹ nữa. Nước Mỹ giỏi thật, đào luyện được những người phụ nữ VN ngày xưa hiền lành dịu dàng, giờ trở nên “thần thông quảng đại, hô phong hoán vũ” như ngày nay.

Những lúc cuối tuần rảnh rỗi, anh tha thân ra vườn chăm sóc, cắt tỉa mấy khóm hoa, nhổ mấy cây cỏ dại, ngắm vài con chim bay lên cành xào xạc, lượm nhặt những chiếc ly nhựa, ống hút, giấy kẹo mà vợ con, bà cháu xả ra bừa bãi. Cặm cụi cần mẫn. Hình như những lúc đó tôi mới thấy anh vui, nét mặt tươi, thỉnh thoảng cười mỉm một mình, nụ cười không bao giờ thấy ở trong nhà, bên cạnh nó. Tôi thất vọng quá, tra gan.

- Anh có gì vui mà cười một mình vậy?

Anh chối phắt.

- Đâu có gì.

- Mình chỉ có hai anh em với nhau mà anh không tin em sao, nói cho em nghe với.

- À... à, anh coi sách báo, đọc truyện ngắn truyện dài, có những chuyện vui vui, nhớ lại buồn cười thôi mà.

Tôi không tin, nhưng không tra gan nữa, hỏi một điều để mãi trong lòng, lâu nay chưa có dịp:

- Em thấy nó quá nạt, ăn hiếp anh quá trời mà sao anh không nói gì?

- Anh nhìn cho rồi, khỏi àm nhà, có nói cũng không lại bả !

Tôi xót xa.

- Anh sống vậy không thấy buồn sao?

Giọng anh chùng xuống, buồn xuôi.

- Buồn hay vui cũng vậy thôi, rồi cũng qua ngày.

Tôi đau nhói trong lòng, tiếp tục khai thác tâm tư ông anh thân yêu.

- Có bao giờ anh nghĩ đến chuyện... ly dị không?

Anh khẽ lắc đầu.

- Không em ạ... âu cũng là số phận! Với lại anh quen rồi, cũng chẳng có gì ghê gớm lắm.

Một lần nữa tôi lẫn ra đất phước ông anh, như đã từng phước chị dâu. Lại cũng câu nói: Ôi!!! nước Mỹ giỏi quá, tôi luyện được những chàng trai kiêu hùng, một thời tung mây lướt gió, oai phong oai dũng ngày xưa, trở nên những ông chồng nhẫn nhục, cam chịu ngày nay.

Không Quân có khẩu hiệu: không bỏ bạn bè...

Bây giờ có thêm về sau: không care vợ... nữa.

Hoàng Thị ThanhNga



TRẦN YÊN THỤY

Tình Nhớ

Còn đây thoang thoảng mùi hương
Tình Thu năm ấy miên trường vút qua
Nhắn người biên biệt nơi xa
Có khi nào nhớ mùa hoa năm nào

Hoàng hôn nắng úa nhạt nhòa
Điệu ru năm cũ dạt dào nên thơ
Buồn tênh một mối tình mơ
Trăm thương ngàn nhớ thẩn thờ ngóng trông

Người đi bến đợi chờ mong
Kẻ về mê tỉnh hư không vô thường
Tìm đâu một nửa yêu thương
Buồn riêng gói mộng tơ vương đêm dài

Men tình đầy cốc rượu cay
Mềm môi chưa uống đã say ngập lòng
Rời đây người cũng sang sông
Nợ trần ai trả mà trông mong hoài

Bao giờ sẽ có ngày mai
Tình còn hay đã phôi phai muôn c chiều

Trần yên thụy



NGUYỄN MẠNH TRINH
Độc Thơ Hải Phương

Có một người làm thơ đã viết một vài câu thơ tình cò để tặng một tập thơ đọc cũng rất tình cò của một nhà thơ mà cuộc gặp gỡ cũng thật... tình cò vô định trong cõi đời này:

*“ghé chơi qua chốn mịt mù
thấy ngôn ngữ quanh thiên thu ngõ gần
một bước chân thấy phân vân
thấy trang sách triết tàn ngàn cõi xa
hai chân bước chợt nhạt nhòa
vần trên câu sáu nở hoa nụ đầu
về sau câu tám ở đâu
lạc vào cõi sắc mấy màu tình không
soi gương râu tóc bành bông
hỏi chàng thi sĩ có trong mộng hò?*

*câu vắn câu đáp lửng lơ
thấy trường giang cuộn mấy bờ dương gian”*

Đọc thơ Hải Phương, thấy ngôn ngữ thơ như vờn quanh chúng ta một điệu khiêu vũ mà thân thể dường bất động đứng yên một chỗ. Sao lại đứng yên mà khiêu vũ được ? Bởi vì, trong tâm tư, hình như cái có và cái không trộn lẫn, chân đi mà tưởng như đứng, óc nghĩ mà tưởng như không mấy may suy tư và cảm giác là những nổi băng khuâng của mê hoặc bất định. Tôi đã nghĩ như thế và chợt giật mình, tự hỏi. Tôi đọc thơ theo kiểu nào? Phạm Công Thiện hay Bùi Giáng...? Và tôi có giả vờ làm người khách lạ đi tìm thi tứ...

Không, tôi đọc theo kiểu của tôi, không làm cho khác đời và cũng chẳng cầu kỳ bí hiểm. Thấy gì nói nấy, cảm gì bộc lộ nấy. Ở thơ Hải Phương, tôi thấy thơ có lúc bằng bạc phân cách giữa chữ và nghĩa. Nhưng, ở phần cảm xúc là những bước chân kéo đi xa, thật xa đến mịt mù. Mỗi một thi sĩ có phương cách diễn tả riêng. Cái riêng ấy lột tả cái phong thái để thành một căn cước cho thi sĩ. Đọc câu thơ đầu, đã có cảm giác của một danh tánh, đọc câu thơ thứ hai đã thấy một chân dung. Ở Hải Phương, là ngôn ngữ cũ nhưng hình tượng mới, là ngôn ngữ có phần son nhưng trang điểm nhẹ nhàng. Thơ là những nét vờn của cuộc sống, của những cảm giác thoáng qua trong những giây phút tình cờ tìm kiếm được những mơ mộng đã từ lâu tích chứa. Như bài thơ "Chân dung mùa xuân và biển".

*“Tóc xao vừa độ nắng hong
gió hiu hiu đủ phiêu bồng mái hiên
liềm trăng lục bát nghe thềm
trâm hương cỏ mượt môi em dậy thì
nét mày vẽ một đường thi
tuyệt chiêu em nước cò đi qua thành
mềm môi cắn một lần ranh
nụ hôn vỡ vụn tan nhanh miếng sầu
thấp lòng tỉnh lặng trước sau
đường cong biển dội trộn màu chân dung
bỗng đứng lại bỗng không đứng
bỗng đứng bỗng nữa lưng chừng nhớ em
mở trang vô tự ra xem
thấy trong lá biếc biển đêm dịu dàng “*

Đọc xong những câu lục bát trên, có người hỏi tôi. Thơ nói gì vậy? Tôi ngó ra và chỉ biết nói thơ không bao giờ giải nghĩa được. Tôi chỉ yêu thơ, khoái thơ nhưng bình thơ thì đành chịu. Bởi vì tôi thấy bất lực để dùng ngôn ngữ là một thứ hữu hình để

phác họa cái cảm giác là một loại vô hình và ai hiểu sao thì hiểu. Thế thì, cảm giác của tôi khi đọc những câu thơ trên ra sao? Chỉ là những liên tưởng nối tiếp nhau, từ một hình dáng người nữ, có nét thực mà cũng có nét ảo, gợi lại một không gian nào kỳ bí và một thời gian nào có thể gần mà có thể là vạn dặm để trong bỗng dưng nổi nhớ thấy từng trang vô tự của lá biếc biển đêm. Đó là cảm nhận của riêng tôi, mà người khác có thể không cảm nhận ra. Những câu thơ, tả người nhưng để phác họa tình cảm, để trong những đường nét như có như không ấy, ngầm chứa một thế giới riêng của những nỗi niềm yêu thương bàng bạc.

Và, trong một sát na "bỗng dưng lại bỗng không dưng / bỗng dưng bỗng nữa lung chừng nhớ em / mở trang vô tự ra xem / thấy trong lá biếc biển đêm dịu dàng". Dù là trang vô tự, vẫn thấy biển dịu dàng của bóng đêm...

Hải Phương thường viết về biển. Ở biển, có cuồn ca. Ở biển, có tháng giêng xanh tình cỏ biếc. Ở biển, có nghe vời vợi vỗ khuya. Ở biển. Tiếng em vọng âm rền tiền thân. Những bài lục bát liên tiếp nhau, đề biển cả thăm thẳm nỗi niềm, để trùng dương cứ thăm thì một điệu ngữ ngôn của thuở nào đất trời còn hoang sơ của cuộc nhân sinh còn nhiều gót chân đi lạc.

Thơ Hải Phương từ : "mùa xuân em biển hư vô / triều con sóng vỗ bờ xô cát bầy" của "Cuồn ca biển và em" đến: "Biển buồn trời cũng mây bay / cơn mưa tình thể đất say điệu mình / đất trời cứ mãi làm thinh / mà sao cỏ biếc xanh tình tháng giêng" của "Mà sao cỏ biếc xanh tình tháng giêng" rồi: "Màu trắng động vỗ càn khôn / môi em động vỗ nụ hôn dậy thì / thiên thu động vỗ có khi / tóc em gió rồi chân đi lạc lìa / nghe vời vợi biển vỗ khuya / hồn ta động vỗ còn chia bãi bầy" rồi: "qua đây thấy lạ con đường / hai vai quấy gánh vô thường mộ xưa / mùi trắng động vũng cơn mê / bước chia cô xứ nẻo về mình ên / tiếng khô đá nẻ nhẹ tênh / tiếng em biển vọng âm rền tiền thân". Rồi: "Bỏ ta ơi bỏ người ta / bỏ mây tứ xứ em tà áo bay / bỏ hôm trước bỏ ngày bay / rừng phôi lá nỏn biển bầy biện em".

Những câu thơ mở ra những hình ảnh. Ý và tình, tình và ý, chen lẫn nhau để gián tiếp nói với ngôn ngữ của những sợi đàn cảm xúc, văng lên nhẹ nhàng và như chứa chan ở trong những dung lượng vô bờ của nỗi niềm dằn trải. Biển có nói gì đâu / ngoài điệu sóng ru, ngoài màu xanh thăm thẳm của chiều sâu tận cùng chẳng bao giờ đọng đáy...

Có người nói thơ sao mơ hồ và đầy những ngôn ngữ ít có âm hưởng đời thường trong thi phẩm Hải Phương. Có thể đó là một lời phê phán với người này nhưng lại là biểu tỏ khen ngợi với người kia. Ở trong những từ có thể gọi là sáo ngữ ấy trong cảm nhận này lại là những vọng âm mở ra những mảnh trời u hiễn với tâm thức kia. Riêng với tôi, tôi cảm nhận được trong sự mơ hồ một đời sống nào gần cận lắm, lãng mạn và đầy thiết tha của những trái tim dòn dã nhịp đập thương yêu. Chẳng sao, nếu có ai tô son điểm phấn cho ngôn ngữ. Chỉ xin một điều, có cảm nghĩ thực của cuộc

sống thực chứ chẳng phải là một màn kịch mà người thủ vai cứ hững hờ trong lớp áo vô hồn...

Thơ lục bát, đã có một quá trình sáng tạo từ bao nhiêu thế kỷ, đã qua những khuôn khổ như một gấn bó vô hình làm thành những cũi thơ khuôn mẫu. Rất khó cho những dụng công đổi khác. Câu sáu câu tám, mở ra và khép lại. Câu tám câu sáu, khép lại và mở ra. Thi sĩ, như người chọn lựa một cuộc thách thức. Làm sao để tạo cho riêng mình một vóc dáng. Không phải của Nguyễn Du nàng Kiều, không phải của Tú Xương “Sông lấp”. Mà cũng không phải Cung Trầm Tưởng, Trần Đức Uyển, Hoài Khanh,... thuở nào. Mà phải riêng vóc dáng Hải Phương. Trong cố công ấy, tôi đã thấy trong ngôn ngữ và vần điệu. Những chủ ý để bắt người đọc chia sẻ với người làm thơ những tâm tình, có thể là chung của những người đam mê và nhiều mộng ước. Thơ như những ngọn củi, nhen vào bếp lửa nhân sinh để trong hơi cuộc đời chia với nhau niềm thiết tha nồng ấm...

Người thơ nói với người thơ? Có phải là những chung mang của nghiệp duyên phải gánh. Đọc thơ bạn, để thấy gần gũi hơn những câu lục bát, để thấy không gian gần lại một vòng tay. Hải Phương đọc thơ Hoàng Xuân Sơn:

*“Đất buồn đất hỏi han cùng.
Trời buồn trời lại bão bùng hao hư
Đọc câu lục bát tàn dư
Đêm qua mất ngủ còn như ngó ngày
Phiên đời vụn nhỏ lòng tay
Trái tim âm bản vàng bày lửa nung
Đất trời lục địa nhớ nhung
Con chim nhỏ hát tiếng khùng điên rong
Vì em bữa trước ra bông
Bữa nay ra nụ phiêu bồng tiền thân.”*

Trời buồn đất buồn nên câu lục bát cũng tạo thành đêm mất ngủ. Vì sao? Bởi vì: “vì em bữa trước ra bông / bữa nay ra nụ phiêu bồng tiền thân”. Câu trả lời đơn giản mà phức tạp, tưởng lời cạn mà ý sâu. Thơ mở ra những liên tưởng nhưng cũng đóng lại những luận cứ. Thơ như bơi trong dòng nhân sinh mà tưởng như chân dẫm trên bờ cạn rong chơi. (Không hiểu thi sĩ có chủ ý diễn tả như thế không? Tôi không rõ. Nhưng là người đọc tôi đã cảm thấy như vậy)

Hải Phương làm thơ cho những người bạn Phan Thiết, những người đã sinh ra ở bên sông Cà Ty, núi Cú và Tà Dôn. Thơ gửi Hoài Khanh:

*“ngày về mở cửa phù vân
cải then thiên cổ mưa gần nắng xa
bút hoa hứng trận phong ba
miếng môi ngậm cứng vành tà huy không
mở trang vô tự phiêu bông
mái hiên ngôn ngữ mái lòng thênh thanh”*

Thơ gửi Đài Nguyên Vu:

*“người về cỏ rỗi dưới chân
chén thình không cạn bước ngàn ngại qua
sông Cà Ty trận mưa và
phố lâu Phan Rí rộng tà áo bay
thiên sư thả con diều mây
tràng kinh niệm đến đoạn này dứt giây”*

và thơ gửi Từ Thế Mộng;

*“biển xưa sóng vỗ còn bày
bến bên kia bãi bên này rộng rinh
biết đâu rượu uống một mình
môi cay nhin gỏi ngọn tình ra roi
mở trang vô tự ra coi
môi khuya thấp ngọn lửa cời bếp xanh.”*

Dù thơ viết cho mình hay gửi cho người, Hải Phương vẫn là một người tự may cho mình một tà áo thơ để khoác lên tâm tư những nỗi niềm dằn trải từ cuộc sống. Tôi đọc thơ ông, như những bước chân đi tìm lại những bóng nắng rơi xưa cũ, những tâm tình của một thuở nào tưởng đã quên mà gọi nhớ đến lạ lùng. Nếu có ai thấy tôi viết như trong cơn đồng thiếp thì cũng bỏ qua cho, bởi khi đọc thơ có khi mình đã quên lãng cả chính mình, thân phận mình. Đọc thơ Hải Phương, là để du hành vào một cuộc lữ mà hai chữ có không, cũng như mê và tỉnh chỉ là những ý niệm mơ hồ của ngữ ngôn phù ảo...

Nguyễn Mạnh Trinh



ĐÀO LÊ

Trâm Kinh... Nhớ Người

(cảm tác, tặng phạm tương như)

Đóa hoa ản lá cây vườn
Hoa ơi có biết tôi thương nhớ người
Chim bay lẻ bạn lưng trời
Về đâu chim hỡi khi đời vắng tên

Nhìn mây tôi sợ gió lên
Mây trôi viễn xứ bỗng bênh áo xưa
Mây mù gió giạt hàng mưa
Nỗi đau ray rức ai vừa khóc tôi

Tim ơi sao cứ bồi hồi
Tình ơi duyên nợ lỡ rồi biết không?
Nhớ chi con sáo sổ lồng
Thuyền tình người nữ sang sông, đắm đò

Đường đi cách trở quanh co
Sáu câu vọng cổ dặn dò chi em
Vỡ rồi mặt nước sông đêm
Trăng thê thuở ấy chết chìm đáy sâu

Hàng cây oằn trĩu nhánh sầu
Ôm đàn khải khúc “phượng cầu hoàng” xưa
Bến tình Tư Mã Tương Như
Trác Văn Quân hỡi tạ từ đành sao?

Khuya rồi sương rụng hư hao
Lá đêm khóc gió lao xao giọng tình
Phật ơi ! Tôi ở một mình
Nghe chuông thức trâm kinh ...nhớ người

Đào Lê

24/03/2014



TRẦN THIÊN HIỆP

***Vui Thôi Mà,
Ban Ta Oĩ!***

Nghề gì cũng kiếm ra tiền
Làm thơ chỉ được bạn hiền, rượu cay
Thơ với thần suốt tháng ngày
Vợ phiền, vợ giận khi say rả rời

Thế mà mê mải cuộc chơi
Thất ngôn, lục bát thả lời văn hoa
Chuyện mình lẫn chuyện ta bà
Thực, hư ẩn hiện nhạt nhòa khó phân

Rọi soi từ, ý xa gần
Chập chờn bóng dáng căn phần nhân sinh
Tình yêu, thân phận, nhục vinh
Thoảng như tiếng gió phong linh chuyển vần
Nhưng khi tranh đấu cùng dân
Vung bút như kiếm bắt căn nguy nan
Chữ nghĩa gây dội tiếng vang
Quyết tâm xóa sạch trái ngang, bất bình

Làm thơ bạn đọc hiểu mình
Cái vui tuyệt diệu, cái tình bao la

Nhà thơ ở với thi ca
Tên tuổi được nhắc. Nhưng mà nghèo xơ

Lời này gửi đến bạn thơ
Đúng, sai tùy định. Nghi ngờ cũng xong
Riêng tôi lòng vẫn nhủ lòng
Nghiep thơ là vậy. Đèo bồng mà vui

Trần Thiện Hiệp

Linh Đông thôn

11/2013



HOÀNG XUÂN SƠN

Đòn Bẫy

thơ.	ráng	bẫy	lên	đòn	chí	tử
những	đòn	thù	quang	quác	muôn	xưa
cái	đám	tay	chỉ	là	dấp	dừ
chữ	nghĩa	đuôi	nheo	một	dúm	cờ
phát	phát	phát	phát	mối	buồn	đại
vô	địch	ngồi	thù	ngắm	nghĩa	dung
con	chim	ngoài	rừng	kêu	bài	hãi
ngoái	lại	huơng	hoa	chẳng	có	gì
có	trắng	tàn.	bay	lượn	một	chóc
rồi	đậu	xuống.	tuyệt	nhiên	hạn	kỳ
như	thơ.	như	áo	cởi	ngàn	xuất
ở	tam	tòa	một	đóa	uy	nghi
bám	viu	đầu	loay	hoay	phóng	trục
roi	bết	xuống	thời	gian.	lũy	pha

<i>những</i>	<i>ngọn</i>	<i>tóc</i>	<i>căng</i>	<i>kéo</i>	<i>mãi</i>
<i>sương</i>	<i>hát</i>	<i>khuya</i>	<i>rồi</i>	<i>biển</i>	<i>già</i>
<i>những</i>	<i>lợn</i>	<i>sóng</i>	<i>kỳ</i>	<i>cùng</i>	<i>muối</i>
<i>ngậm</i>	<i>môi.</i>	<i>ngậm</i>	<i>suốt</i>	<i>về</i>	<i>chưa</i>
<i>rủ</i>	<i>rê</i>	<i>tâm</i>	<i>tâm</i>	<i>xuống</i>	<i>núi</i>

cuộc diện thơ quyền lực chiêu hàng

Hoàng Xuân Sơn



LUÂN HOÁN

Bỏ Rượu

**Tặng Lê Vĩnh Thọ, Bình Dương*

Ngày xưa uống rượu làm thơ
 bây chừ bỏ rượu nhưng thơ vẫn làm
 trái tim một cõi hồn mang
 nên thơ vẫn cứ tằm xằm như xưa

ngày xưa rượu như nước mưa
 uống ngọt cổ họng đong đưa tiếng đời
 chừ rượu có hạng, có ngôi
 uống nâng cao cái chỗ ngồi phù du

say rượu, xưa mắt lừ đừ
 như ông hiền triết gập gù cao minh
 chừ say, một là làm tỉnh
 hai là, tùy tiện một mình ba hoa

đời bảo: rượu vào lời ra
 riêng tôi say rượu như là người câm

muốn nằm mà thật khó nằm
muốn đi sợ chẳng được nhằm phòng em

nhớ toàn những chuyện đáng quên
quên chuyện đáng nhớ có em ở nhà
ừ thì tại rượu thôi mà
bỏ rượu giữ lại thơ là người... ngu

ngu thì ngu, mặc xác tôi
ai khôn cứ uống còn tôi để dành
hơi ông bảy bó ngon lành
đêm em nguyệt rạng mây xanh lòng trời

nhờ không nát rượu đầy thôi
câu thơ nếu nhạt có hơi em bù
chỉ thiên hí hoáy vẫn cừ
hơn mê rượu bỏ hương từ thiên thai.

Luân Hoán



MINH XUÂN

Lỗi Hẹn

Năm mươi năm trở về
Những lối mòn ngày xưa
Hai ta cùng chung bước
Giờ mình ai đón đưa???

Năm mươi năm qua rồi
Lòng buồn như đêm mưa
Người xưa nay vắng bóng
Ôi! thời gian thoi đưa...

Năm mươi năm cách biệt
Tình mình vẫn còn đây
Lòng vẫn đầy nhung nhớ
Hỡi người! Người có hay?

Năm mươi năm trôi qua
Cuộc tình đã chia xa
Mộng ngày xưa đã hết
Lòng vương vấn thiết tha!

Năm mươi năm **LỖI HẸN**
Cuộc đời như bóng mây
Tình yêu xin... giữ lại...
Buồn này... có ai hay???

Minh Xuân



SONG AN CHÂU

***Đêm Nghe
Tiếng Hạc Lưng Trời***

Đêm nghe tiếng hạc lưng trời
Thương thay cánh hạc lạc lời trong đêm
Đường xa tổ ấm cánh mềm
Trời đêm mưa gió càng thêm u sầu

Nay thân chiếc bóng về đâu
Đêm đen lạc bước đường nào về đây
Thâu đêm đã mỗi cánh bay
Tìm đâu đúng hướng đêm nay về nhà
Gió đưa đôi cánh bay xa
Lạc lòi bóng tôi về nhà đêm nay
Như tôi thân ở chốn này
Tạm dung xứ lạ đêm ngày nhớ quê
Mong cho có một ngày về
Thăm vùng sông nước của quê hương mình*
Sau ngày chinh chiến điêu linh
Tôi đi biệt xứ linh đình xứ người
Như thuyền trôi giữa biển khơi
Nên lòng cảm thấy cuối đời buồn hiu.

Song An Châu



LÊ HỮU MINH TOÁN

Chiếc Cầu Treo

Bi kịch đời người
Hai sợi dây
Hai bờ sống chết

Chiếc cầu treo- chênh vênh
Lắc lư buồn
Sóng nhỏ

Người đàn bà tuyệt vọng
Sợ sống
Chưa muốn chết
Hờ hững bày cuộc chơi
Đám đông hiếu kỳ
Người đàn bà
Nhỏ toét
Cười
Nhìn đám đông
Dưới chân
Hun hút vực sâu- đáy sâu
Oan hồn uổng tử
Bên kia bờ
Cội sống

Người đàn bà bịt mắt
Dò dẫm từng bước chân
Vòng quay định mệnh
Sống
Chết
Chọn lựa khác thường
Chiếc cầu treo...

Lê Hữu Minh Toán



THÁI BẠCH VÂN

Ngộ Cổ Nhân

*Khúc khuỷu tương giang mấy phiến sầu
Ai ngồi giữa mặt hứng mưa ngâu
Người đi... mỗi đợi bên thêm vắng
Lặng tiếng lạc rung vọng bên cầu*

*Cô đơn một cõi nhìn trăng khuyết
Chéch chéch rèm khuya bóng khuê lâu
Núi trắng quanh co triền mây trắng
Nhành liễu cam lồ ngộ cổ nhân*

*Ngày tháng trôi trôi dòng miên viễn
Vỏ câu rong ruổi lạc lối về
Cuộc tình vô khứ đâu bến đợi
Tương Giang cuộn cuộn sóng lê thê*

Có phải tình xa thiên niên tuế

*Và cả tình sầu vạn kiếp mê?!
Hạc vàng đâu tá , chàng Thôi Hiệu?!
Hoàng lâu rêu phủ cạn ước thề*

Thái Bạch Vân



TIỂU TỬ
Giọt Mưa Trên Tóc

Đường Hai Bà Trưng. Chiều. Một trai một gái tuổi độ 17, 18, đạp xe về hướng Tân Định, đi song song. Bỗng, trời nổi gió ào ào rồi mây đen kéo về vùn vùn. Mọi người đều hồi hã, đi như chạy, để tránh mưa. Đứa con trai giục:

- Đạp lẹ lên Kim! Qua khỏi đoạn này mới có chỗ dụt.

Đứa con gái gật đầu, chồm lên nhấn mạnh bàn đạp, nhưng chỉ vài phút sau mưa đã rơi lác rác xuống hai đứa làm chúng nó cười lên hăng hắc, cái cười hồn nhiên thanh thoát khi thấy mình bị mưa đuổi kịp, cái cười còn nguyên nét trẻ con trong trò chơi “cút bắt”! Chúng nó vội tấp vào mái hiên một tiệm giày. Sau khi dựng xe đạp lại ngay ngắn, Kim nhìn bạn, hơi ân hận:

- Tại Nghĩa đợi Kim mới bị mưa ướt đó. Phải hồi nãy Nghĩa đạp đi trước thì đâu có sao?

Đứa con trai tên Nghĩa vừa nhìn quanh vừa trả lời, người hơi lắc qua lắc lại giống như cành cây đong đưa trong cơn gió thoảng:

- Mình đi chung mà Kim.

Nghe bạn nói, Kim yên lặng nhìn ra mưa mà nghe lòng thật ảm cúng. Sự nhạy cảm của người con gái ở tuổi đó đã giúp Kim nhận thấy một tình yêu nho nhỏ đang nhen nhúm giữa hai đứa, một “cái gì” vừa nhẹ nhàng vừa tinh khiết, mà lại vừa thật là rung động. Một “cái gì” cứ bắt phải cần có nhau; một “cái gì” cứ bắt phải nghĩ đến nhau. Một “cái gì”... Một “cái gì”... Không biết nữa! Kim cảm thấy nóng hai vành tai. Kim nhìn xuống chiếc áo bà ba trắng đang dán vào người từng mảng nhỏ. Tự nhiên, Kim khoanh tay lại che ngực, rồi tự trách thầm: “Phải nghe lời má đội nón thì

bây giờ đã có cái gì để ôm cho đỡ ngượng. Con gái gì mà đi đâu cũng đầu trần! Cho đáng...”. Thật ra, Kim thấy đội nón bực bội quá, cứ nghe ngứa ngáy trên đầu như mấy ngày chưa gội và sau đó khi lấy nón ra tóc cứ như bị dán keo nằm nhẹp xuống coi thật chướng mắt. Cho nên, thẳng hoặc có đi đâu với má thì Kim cầm theo cái nón lá cho khỏi bị rầy, kỳ dư là đi đầu trần – dù đi học hay đi lao động cũng vậy. Thành ra, tóc Kim bông lên thật đẹp, đen huyền xõa xuống ngang vai, chao qua chao lại khi Kim nghiêng đầu và lúc nào cũng tự do phát phơ theo chiều gió. Mấy thằng bạn cùng lứa – như là Nghĩa – thường hát ghẹo: “Nắng lên, gió lên cho tóc em bông...” Và Kim thấy hãnh diện với “mái tóc em bông” đó.

Cơn mưa thật lớn. Vía hè, mặt đường... đều lai láng nước. Làm như là nước từ dưới đất dâng lên!

Bên kia đường là nhà thờ Tân Định với bức tường cao kéo dài. Bên này, chỗ nào có mái hiên là có người đứng đợi. Cách chỗ hai đứa đứng vài căn phố là tiệm nước mà phía trước là chiếc xe mì với hàng ghế đầu đứng trong mưa chờ khách.

Mái hiên chỗ hai đứa đứng bỗng nghiêng triền qua một bên, đổ ào nước xuống như một dòng thác. Không bảo nhau mà cả hai đứa cùng nhảy lùi vào trong và cùng đứng về phía mái hiên không đổ nước. Khoảng trống không bị ướt dưới mái hiên bây giờ thu hẹp lại chỉ còn một góc nhỏ vừa đủ cho hai đứa đứng. Không đứng sát vào nhau, nhưng đứng thật gần nhau...

Nghĩa quay nhìn phía sau: cửa lưới sắt tiệm giày đóng im lạnh ngắt. Bên trong tủ kiềng, kệ hàng trống bấc, bụi đầy. Nhìn sang Kim, Nghĩa nói:

- Kim biết không? Ông chủ tiệm giày này đã đưa gia đình vượt biên cách đây ba bốn tháng...

- Sao Nghĩa biết?

Kim ngạc nhiên, bởi vì nhà Nghĩa ở xóm Chi Lăng, còn đây là chợ Tân Định.

Nghĩa chỉ tay sang nhà thờ:

- Con nhỏ em của Nghĩa học ở trường nhà thờ bên kia. Chiều nào Nghĩa cũng tới đón nó. Trong khi chờ đợi, nghe mấy anh xích lô nói chuyện với nhau mới biết.

- Họ đi thoát không?

- Không biết nữa. Mà không phải có tiệm giày đi thôi đâu. Cả dãy phố này đều lần lượt chui hết. Cho nên nhà nào nhà nấy đóng cửa im ỉm, Kim thấy không? Nhà Nước tịch thu lâu rồi sao không thấy cấp cho ai hết.

Kim nhìn ra mưa, băng khuâng:

- Không biết họ đi có thoát không?

Im một lúc, bỗng Nghĩa ngập ngừng hỏi nhỏ:

- Gia đình Kim có định... có định... đi không Kim?

Kim nhìn bạn, nửa ngạc nhiên, nửa dò xét. Rồi khi thấy không có gì khác lạ trên gương mặt của người bạn trai, Kim thờ dài nhìn ra mưa:

- Gia đình Kim mà đi đâu, Nghĩa! Chạy gạo hằng ngày thì lấy vàng đâu mà đi chui?

Nghĩa bối rối, người hơi lắc lư:

- Thì... hỏi là hỏi vậy thôi, chứ Nghĩa cũng biết...

Ba của Kim làm thầy giáo. Hồi thời “ngụy”, bị động viên, rồi chạy chọt được biệt phái trở về đi dạy học – để khỏi đi đánh giặc. Qua trào Việt Cộng, hai chữ “biệt phái” đã làm cho họ nghi là CIA nên bắt đi học tập từ đó đến giờ. Ở nhà, má và chị Hai của Kim chạy ngược chạy xuôi lãnh đồ về may để nuôi năm miệng ăn và góp nhóm chút đỉnh để lâu lâu đi thăm ba của Kim một chuyến. Cho nên, nói chuyện “lo đi vượt biên” cũng như chuyện xuống biển mò trăng...

Bên gia đình Nghĩa cũng không hơn. Ngày xưa, ba Nghĩa làm kế toán ngân hàng, bây giờ đan giỏ chằm nón ở tổ “Mây Tre” Phú Nhuận với má Nghĩa. Hai ông bà sáng đi tối về, đèo nhau trên xe đạp. Nghĩa và con nhỏ em đi học, tối về dán bao giấy bỏ mỗi cho mấy bà ngoài chợ gói hàng. Bữa cơm gia đình thường là tương chao hoặc ba cái trứng luộc dầm nước mắm. Chuyện “vượt biên” đúng là chuyện mò trăng đáy biển!

Bỗng Kim nhìn Nghĩa, một thoáng tinh ranh nằm trong ánh mắt:

- Còn Nghĩa? Có tính đi không?

Nghĩa phì cười, miệng rộng huệch:

- Kim trả thù hả?

Kim cười bằng mắt, nhái lại câu của Nghĩa khi nãy, người cũng nhẹ lắc lư:

- Thì... hỏi là hỏi vậy thôi.

Không bảo nhau mà cả hai cùng phá lên cười, cái cười che giấu sự sung sướng bên trong của mỗi đứa, cái cười của những người cùng cảnh ngộ gặp nhau, cái cười không phải của niềm vui mà là của sự an ủi. Rồi chúng nó nhìn nhau một thoáng, trước khi quay nhìn đi nơi khác để cảm thấy thật gần gũi nhau vô cùng.

Mưa thôi ồ ạt nhưng vẫn chưa dứt hột thì nửa vùng trời đã hé nắng ở đằng kia. Ánh nắng xiên xiên thật sáng, thật trong làm như vừa được mưa lau sạch bụi! Nắng chiều mà giống như nắng sáng.

Nắng xuyên mưa đổ xuống chỗ Kim và Nghĩa, giống như vệt đèn pha sân khấu. Nghĩa nhìn Kim đứng trong vùng ánh sáng đó bỗng nhớ tới vở kịch thần thoại Liên Xô mà hai đứa đóng trong trường cách đây mấy tháng, trong đó Nghĩa làm người cùng khổ còn Kim là bà tiên áo trắng, mái tóc đầy kim tuyến lấp lánh như kim cương. Bây giờ, những giọt mưa đọng lại trên tóc Kim cũng lấp lánh như kim cương trong tia nắng chiều nghiêng chụp xuống. Đẹp quá!

Kim chợt bắt gặp cái nhìn ngây dại của bạn, nóng bừng hai tai.

- Nhìn gì kỳ vậy Nghĩa?

Nghĩa giật mình, người hơi lắc lư:

- Nghĩa đang nhìn mấy giọt nước trên tóc Kim. Nó... Nó...

Kim mỉm cười, lắc mạnh đầu mấy cái rồi đưa hai tay vuốt tóc tèm vào ót. Tóc được gom lại, dính vào nhau thành một cái đuôi cong cong.

Nghĩa tiếp:

- Nó giống như kim cương. Thật giống kim cương. Uổng quá!

- Cái gì uống?

Kim ngạc nhiên hỏi. Nghĩa đang tiếc rẻ hình ảnh đẹp của Kim khi nẩy với những giọt mưa trên tóc, bất ngờ bị hỏi vặn, không biết phải trả lời làm sao. Nghĩa đưa tay gãi ót, chặc lưỡi:

- Thì...

Mắt Nghĩa bỗng sáng lên, mặt hí hửng. Một ý nghĩ vừa thoáng qua trong đầu, Nghĩa chụp lấy như người sắp chết đuối chụp lấy cái phao:

- Uống quá chớ! Nếu là kim cương thiết thì Kim dư sức đưa gia đình đi vượt biên rồi.

Rồi Nghĩa cười lên ha hả, cái cười của người vừa thoát nạn. Kim cũng cười theo bạn, nhưng cười vì cái ý nghĩ ngộ nghĩnh bắt nguồn từ những giọt mưa trên tóc.

Trời cũng vừa hết mưa. Đường phố khi nẩy vắng tanh, bây giờ đầy người trở lại. Làm như mưa ngừng cho nước rút xuống để rừng người mọc lên! Nghĩa và Kim nhập vào đoàn người đạp xe về ngã Phú Nhuận. Không khí sau mưa mát rượi. Hai đứa đều có cảm giác như mặt mũi mình vừa được rửa sạch trong cơn mưa.

Đến ngã tư Phú Nhuận, Nghĩa vẫy tay chào bạn:

- Thôi, “bye” nghe Kim.

Rồi cầm đầu đạp nhanh về hướng Gia Định trong lúc Kim quẹo sang trái để về công Phi Long.

Sau bữa cơm tối, ba gọi Nghĩa và con nhỏ em vào buồng, kéo ngồi xuống chiếc chiếu trải dưới đất, vẻ nghiêm trọng, thấp giọng nói:

- Hôm rày ba má giấu tụi con. Bây giờ, tới lúc phải cho tụi con biết. Khuya nay mình vượt biên.

Nghĩa cảm thấy choáng váng mày mặt, mồ hôi đổ ra như tắm. Trước mắt Nghĩa bỗng là một khoảng trống không mơ hồ. Nghĩa không còn thấy ba. Nghĩa không còn thấy em. Nhưng Nghĩa còn loáng thoáng nghe tiếng ba nửa xa nửa gần:

- Ba sẽ chở má. Nghĩa chở em. Mình đạp xuống cầu Kinh, bỏ xe ở nhà bác Tám rồi băng ruộng ra bờ sông cách đó chừng năm trăm thước. Ghe chờ ở đó. Tụi con đừng đem gì theo hết. Cứ đi tay không như mình đi thăm bác Tám vậy. Hiểu chưa?

Nghĩa gật đầu như người máy, nhưng Nghĩa không hiểu. Thật tình không hiểu! Ba má vẫn hay than vãn thở dài: “Phải chi nhà mình có chút đỉnh gì để liêu một chuyến vượt biên như thiên hạ coi ra sao”. Khi gặp bạn bè, ba thường chép miệng: “Tôi mà biết bị kẹt lại như vậy, tôi đã đưa gia đình di tản cha nó hồi bảy mươi lăm rồi! Bây giờ thì thôi. Đành muôn năm ở lại với Bác!”. Vậy mà bây giờ... bây giờ... Nghĩa không hiểu! Thật tình không hiểu! Mới hồi nãy đây, còn đứng đụt mưa chung với Kim, còn đùa nhau về chuyện vượt biên – lý do để hai đứa thấy gần nhau hơn nữa – còn đạp xe song song trên đường dài – dù đường dài có dài thăm thẳm chắc hai đứa lúc nào cũng đạp xe song song... Vậy mà bây giờ... bây giờ... Sao nó giống như ngã tư Phú Nhuận, mỗi đứa đi về một hướng, hai hướng ngược nhau trên một đường thẳng, nghĩa là chẳng bao giờ gặp lại nhau dù có kéo mãi về vô tận. Và những giọt

mưa trên tóc. Ồ... những giọt mưa trên tóc! Những gì hồi nãy mới thấy đây, mới hiện diện đây, những rung động, những cảm nhận thật rõ ràng mới đây, hồi nãy, khi đứng đụt mưa với Kim dưới mái hiên tiệm giày... bây giờ sao giống như giọt mưa trên tóc, chỉ một cái lắc đầu đã rơi mất trong không gian! Còn Kim?... Kim?... Kim sẽ làm sao? Một câu hỏi thật ngớ ngẩn nhưng nói lên chiều sâu của tình yêu vừa chớm, thứ tình yêu chưa rõ nét như bước chân chập chững của trẻ thơ, thứ tình yêu còn thơm mùi giấy mực học trò, còn thật thà như đọc cửu chương hai! Nghĩa bỗng thấy cần phải gặp Kim. Gặp ngay bây giờ. Không biết để làm gì, nhưng phải gặp. Không biết sẽ nói cái gì, nhưng cứ gặp trước cái đã. Có một cái gì thúc đẩy từ bên trong. Có một cái gì kêu gọi từ bên ngoài. Nghĩa không hiểu nữa. Cảm thấy thật cần thiết, thật cấp bách!

Nghĩa bước ra phòng khách, với tay lên kệ lấy đại hai quyển sách gì đó rồi nói với ba đang soạn giấy tờ trên bàn:

- Con đem trả sách cho thằng Tuấn.

Khi thấy ba nhìn mình soi mói, Nghĩa tiếp:

- Trả cho nó học.

Ba gật đầu:

- Ồ... Nhưng ba cấm con nói “chuyện đó” với bất cứ ai, dù là bạn thân cũng vậy. Nghe chưa?

Nghĩa gật đầu, đẩy xe đạp ra sân. Ba nói với theo:

- Trả rồi về ngay nghe con, Nghĩa.

Nghĩa "dạ" rồi phóng lên xe, đạp thật nhanh. Trên đường Phan Đăng Lưu (Chi Lăng cũ), Nghĩa ném hai quyển sách vào một đồng rác rồi đi thẳng.

Nhà Kim ở xóm cổng Phi Long. Nghĩa vẫn quen lui tới. Vậy mà bây giờ sao thấy nó xa thăm thẳm. Mặc dù xe đã lao nhanh nhưng Nghĩa vẫn có cảm tưởng như hãy còn quá chậm. Nghĩa vừa nhún mạnh bàn đạp vừa nghĩ miên man: “Không biết phải nói làm sao đây? Ba đã cấm thì mình làm sao nói? Mà không nói làm sao Kim hiểu? Không biết mình đi có thoát không? Rồi cuộc đời sẽ ra sao? Không có Kim mình sẽ ra sao? Còn Kim? Kim sẽ ra sao? Ra sao?... Ra sao?...”. Thật nhiều câu hỏi để không có được một câu trả lời. Người con trai đó cảm thấy thật chơi vơi, tất cả đều vượt khỏi tầm tay, tất cả đều vượt khỏi tầm suy

l luận của nó, nó không hiểu được gì hết, không chủ động được chuyện gì hết! Lần đầu tiên, người con trai đó nhận thấy cuộc đời này quá nhiều rắc rối chớ không đơn giản như những bài toán ở trong trường, mà mình thì giống thằng học trò dốt nhìn tấm bảng đen thấy nó rộng bằng cái sân banh...

Khi Nghĩa vừa thẳng xe trước cổng nhà Kim thì con chó chạy ra sủa mấy tiếng rồi chồm lên cửa sắt vẫy đuôi mừng. Có tiếng má của Kim hỏi vọng ra:

- Ai đó?

- Dạ thưa cháu.

Nghĩa trả lời.

- Nghĩa hả? Đi đâu tối vậy?

Rồi đèn dưới hiên được bật lên, một bóng đèn nhỏ xú tủa ánh sáng vàng vọt như ánh sáng cây đèn dầu. Má của Kim bước ra mở cổng:

- Cháu ngồi chơi. Em nó tắm rồi ra bây giờ. Bác còn phải vô may tiếp mớ đồ để mai giao...

Nghĩa “dạ”, rồi dựng xe vào tường rào. Con chó chạy lại quẩn quýt mừng rồi chạy vào trong sủa mấy tiếng như để báo là nhà có khách! Nghĩa nhìn quanh: nhà vắng teo, chỉ nghe có tiếng máy may xành xạch đều đều. Nghĩa nghĩ: “Chắc mấy đứa nhỏ về dưới quê hết rồi. Chớ không thì đã chạy ào ra mừng như mọi khi”. Sân nhà Kim tuy nhỏ nhưng tráng xi măng sạch sẽ. Ở góc sân có cây mận khá lớn, tàng gié ra phủ lấy sân như cây lọng. Dưới gốc mận, có mấy gộc củi to đặt đứng để làm ghế ngồi. Trên thân cây mận, hãy còn treo mấy giỏ phong lan mà ba của Kim trông hồi đó.

Khi Nghĩa vừa ngồi xuống cạnh gốc mận thì Kim cũng vừa bước ra hiên nhà. Tóc Kim chải ngược về phía sau, để lộ khuôn mặt đều đặn với đôi mắt ngồi tinh anh. Kim dừng ở hiên một chút... như để định hướng, rồi mới bước tiếp ra sân. Chỉ trong một thoáng đó thôi – một thoáng dừng lại của Kim – Nghĩa bỗng thấy không gian chìm mất chỉ còn lại gương mặt của người bạn gái là hiện hữu, là sinh động, là rạng rỡ... Nghĩa thấy gương mặt đó thật rõ, thật sáng. Thấy mái tóc hãy còn lóng nước, tóc mai còn dán vào má vào tai. Thấy vàng trán rộng, thấy đôi mày dài. Thấy ánh sao trong mắt, thấy nét cười phớt nhẹ làn môi... Chỉ trong có một giây thật ngắn ngủi – như một chớp mắt – mà sao ngàn đó nét, ngàn đó chi tiết được Nghĩa nhìn thấy hết, thấu nhận rõ hết. Phải chăng đó là hình ảnh của Kim mà Nghĩa muốn ghi lần cuối cùng vào tim vào óc? Ghi lấy để giữ lấy mãi mãi, bởi vì, sẽ không còn có lần nào khác nữa để Nghĩa được nhìn Kim như bây giờ...

Kim vừa bước về hướng Nghĩa, vừa hỏi:

- Ủa? Đi đâu mà tối vậy Nghĩa?

Yên lặng. Từ cái thoáng dừng lại khi nãy của Kim, từ cái thoáng đặt hết tâm tư vào gương mặt của người bạn gái, Nghĩa không còn cảm nhận được sự hiện diện của mình. Tiếng của Kim, Nghĩa nghe loáng thoáng như trong chiêm bao.

Nghĩa chỉ sực tỉnh khi Kim đã ngồi đối diện. Người con gái đó có dáng ngồi thật thẳng, thật ngoan, thật dễ thương với hai bàn tay đặt nằm thoải mái trên đầu gối. Ở Kim, toát ra một cái gì vừa tươi mát vừa tinh khiết, lại vừa trầm lặng với sức sống căng đầy. Nghĩa cảm thấy bối rối, không biết phải nói cái gì, nói làm sao, rồi miên man nghĩ: “Chắc Kim sẽ buồn lắm khi nghe mình nói. Chắc Kim cũng sẽ... cũng sẽ đau khổ lắm khi biết mình đi. Bây giờ còn ngồi đây với nhau chớ lát nữa đây, rồi ngày mai, rồi mãi mãi sẽ không còn gặp nhau nữa. Vĩnh viễn không gặp nhau nữa. Vĩnh viễn... Vĩnh viễn...”. Nghĩa thấy thương Kim. Nghĩa thấy thương Nghĩa. Nghĩa thấy thương hai đứa. Nghĩa muốn khóc! Nghĩa không dám nhìn thẳng mặt Kim. Nghĩa nhìn đôi bàn tay thon nhỏ của Kim, đôi bàn tay ngoan hiền nằm trên đầu gối. Đôi bàn tay đó đã từng vẫy gọi Nghĩa trong đám đông, đã từng vỗ vào nhau thành

nhịp khi Nghĩa đàn, và một hôm, đã từng kết lại giùm Nghĩa cái nút áo, sau một lần vật lộn với bầy em của Kim. Đôi bàn tay đó, rồi đây, suốt cuộc đời về sau, Nghĩa sẽ không còn được cầm lấy, nắm lấy, hay nhìn thấy, dù là trong giấc mộng. Không tự chủ được, Nghĩa nghiêng người tới cầm lấy hai bàn tay của Kim. Một cử chỉ thật đột ngột làm Kim sững sốt định rút tay về, nhưng khi thấy Nghĩa chẳng có nét gì sỗ sàng nên để yên. Nghĩa giữ tay Kim trong tay mình như giữ một vật gì đẹp nhút, quý nhút của cuộc đời này. Như hơi thở. Như nhịp tim. Như tình yêu... tình yêu... tình yêu...

Yên lặng. Nghĩa ngồi như pho tượng. Lưng khom khom, đầu chúc xuống, cúi chỏ chống lên đùi làm hai vai nhô lên. Kim không nhìn thấy mặt Nghĩa, nhưng Kim “nhìn” thấy tâm tư của Nghĩa trong đôi bàn tay và trong dáng ngồi của bạn. Đôi bàn tay muốn nắm thời gian ngừng lại và dáng ngồi nói lên niềm thống khổ vô biên...

Yên lặng. Rồi có tiếng Kim hỏi, thật trầm tĩnh: "Nghĩa đi hả?"

Không có tiếng trả lời. Nhưng Nghĩa gật gật đầu, cái đầu đã ở sẵn tư thế cúi thấp xuống của một người nhận chịu số phận! Rồi vai Nghĩa bỗng run run, Nghĩa gục xuống tay nấc lên khóc. Bây giờ – và chỉ bây giờ – những ngón tay của hai đứa mới đan vào nhau, tự nhiên đan vào nhau, giữ lấy nhau, giữ chặt lấy nhau. Không biết tại sao? Không biết để làm gì? Mà cần gì phải biết, khi tất cả đều vô nghĩa? Vô nghĩa! Yên lặng. Không gian không còn nữa. Thời gian không còn nữa. Vũ trụ bây giờ nằm trọn trong lòng tay hai đứa, một vũ trụ rách nát, đau thương. Ở đó, giữa những ngón tay đan chặt vào nhau, tình yêu vừa mới sinh ra, còn măng non nhưng sao đã thấy già nước mắt....

Yên lặng. Kim không khóc. Kim vẫn ngồi thẳng, nhìn thẳng, tuy tâm hồn đã tê dại. Phải một lúc lâu sau, thật lâu sau, Kim mới trở về với chính mình để nhận thấy rằng bỗng nhiên mình già đi mười mấy tuổi! Kim nhìn xuống Nghĩa, chỉ thấy cái đầu tóc ngắn, cái ót gầy gầy, đôi vai nhô cao. Hình ảnh cuối cùng của Nghĩa là đây chăng? Người con trai có đôi mắt xéch xéch, có cái cười rộng huých làm cho một bên má lúm đồng tiền, người con trai đã làm Kim rung động, người con trai đã làm Kim xao xuyến, người con trai đó, bây giờ, Kim chỉ nhìn thấy được có cái ót và đôi vai thôi! Rồi mai một... mai một... Một chua xót đang trào trực dâng lên. Kim cắn môi kềm lại. Yên lặng...

Một lúc sau, Kim hỏi, giọng lạc đi:

- Chừng nào?

Nghĩa ngồi thẳng lên, tay vẫn không rời tay Kim, mặt còn đầy nước mắt, giọng cũng lạc đi:

- Khuya!

Kim nhìn gương mặt méo mó vì đau khổ của Nghĩa bỗng nghe xúc động dạt dào. Kim muốn chồm tới ôm lấy Nghĩa, ôm lấy gương mặt đầy nước mắt đó áp vào má mình, ôm thật chặt, xiết thật chặt, để mọi niềm đau được cùng chia sẻ, để mọi nỗi hận được cùng xé đôi. Nhưng Kim gượng lại, gượng lại vì lễ giáo, và gượng lại vì sợ không rời nhau ra được nữa... Trào lòng dâng dậy miên man, Kim nhắm nghiền

mắt lại, siết những ngón tay của Nghĩa, siết với hết sức mình, siết thật mạnh, siết thật đau, siết như để nén một trời thông khổ, siết như để bóp vỡ một cái gì uất nghẹn trong tim, siết như đang cố gắng nuốt một liều thuốc đắng, siết như... siết như để chia tay lần cuối trước khi lìa đời... Kim cắn răng để đừng bật khóc!

Yên lặng. Lâu sau, Nghĩa buông tay Kim đứng lên, lùi thui lại lấy xe đạp. Kim bước theo, nhẹ như một cái bóng. Kim mở cổng, tiếng cổng rì sét rên lên. Nghĩa dẫn xe ra, không dám nhìn lại cũng không dám nói một lời, chỉ phóng lên xe đi thẳng. Kim đóng cổng, cổng sắt lại rên lên trước khi kêu cái rầm khô khan. Kim có cảm tưởng như mình vừa bị nhốt trong tù. Ngoài kia, đã là một thế giới khác.

Khi Kim bước lên cầu thang để lên gác – cái gác lửng ba làm cho Kim ngủ và học riêng một mình trên đó – Kim bỗng nghe hai chân mình yếu đi, chẳng còn chút sức lực nào hết. Kim cố bám từng nấc thang, mồ hôi đổ ra như tắm. Lên đến bên trên, Kim chỉ còn đủ sức gieo mình xuống giường, úp mặt xuống gối, khóc ngất... Bao nhiêu nước mắt trần gian xin gởi hết cho Kim, người con gái mang tâm trạng người góa phụ.

Trời mưa Paris. Ở đây không có “mưa rồi chợt nắng” như ở Sài Gòn. Ở đây, mưa không ngập tràn cống rãnh, mưa không đưa rác trôi quanh phường phố. Cũng không có trẻ con cời trường chạy giỡn trong mưa. Cho nên, chẳng có gì để gọi nhớ như mưa Sài Gòn...

Nghĩa ngồi một mình uống cà phê trong một bar ở khu Maubert. Hai cô đầm tránh mưa kéo vào ngồi bàn trước mặt. Những giọt mưa trên mái tóc vàng gợi nhớ những giọt mưa trên mái tóc đen của Kim hồi đó. Hồi đó, nghĩa là đã hơn bảy năm. Bảy năm không một tin tức gì hết của Kim, mặc dù đã gởi không biết bao nhiêu thư, đã nhắn không biết bao nhiêu lời qua bạn bè của hai đứa! Cứ im lìm trống rỗng, làm như những chuyện gì đã xảy ra hồi đó chỉ là một ảo ảnh, một giấc mơ...

Những giọt mưa trên tóc hai cô đầm trước mặt vẫn lấp lánh dưới ánh đèn trong bar càng gợi lại hình ảnh Kim trong lần đụt mưa hồi đó với những giọt mưa trên tóc, rõ ràng như Nghĩa đang nhìn bây giờ. Vậy mà bây giờ....

Nghĩa đốt điếu thuốc. Hít một hơi dài bỗng nghe khói thuốc thật đắng và làm cay chảy nước mắt!

Tiểu Tử



NGUYỄN XUÂN THIỆP

Khúc Thơ

Sáng Mùa Đông

Trời Không Có Nắng

buổi sáng trời không có nắng
ngồi một mình. với tách trà. và nhớ
như sông
collage từ những mảnh vụn. thời gian

chợt thấy lại
con bướm vàng. trên hàng đậu. thuở ấu thơ
tiếng còi tàu
sân ga. không đóm lửa
cây cầu. như cánh con albatross sa trên dòng nước
tôi không về nữa
chỉ có mái ngói màu nâu. vương phủ. và cây bàng thức đợi
chim én ơi
còn bay lượn trên những cột buồm. bến bạch đằng
và mái lầu hotel du parc
tôi đi
mang trong hồn. gầy. những cánh bay. chớp xé
đường chiều
vía hè gạch xám. người đứng đợi người. bao năm
tiếng kèn thê thiết

biệt ly. ngàn dặm. nghiêng nghiêng qua trời. sóng chao
những chiếc lá thông khô. dưới chân. mùa thơm cỏ tích
th oi. th oi
mặt trời treo cổ. trên nóc nhà thờ con gà
ngước nhìn. thời gian. collage hồn. lưu xú
bay. bay
những cụm tuyết. trưa qua. còn đọng trong hồn
trên khung cửa sổ
chợt thấy
cây sồi
bóng quạ

tôi đi. qua lưù ðày. với áo rách vai
hồn du thủ
nửa ðêm. tìm bóng. dưới mái gòì
khóc nghẹn. bát cơm chiều. trộn sắn. và muối hột
tôi về
sài gòn chết
vàng trắng. rũ tóc. trên con sông. cầu kinh
mùa hạ
tiếng ve kêu. ôi tuổi nhỏ của tôi
hát lên ði ve
dù bụng đói
như tôi vẫn hát. lời vô ngôn
với cuộc đời. với người. hư ảo ngày trôi qua trong ngôi nhà gỗ rừng hoa fuki
hư ảo. như giấc mơ nơi thành phố biển. với hàng cọ. và căn phòng mặt trăng
và giấc mơ. về lại trên sân nhà
đốt lên ðống lửa. lá bàng. sương ẩm
tôi
hồn lãng du. collage thời gian. của gỗ. và đá

Nguyễn Xuân Thiệp



NHU' PHONG

Đêm Rượt Bắt Hư Không

Đêm thức trắng
ngõ ðời sao hoang vắng
đường trần gian
sỏi đá cũng rong rêu
ta lãng tử bước chân ðời ðã mỏi

đêm mù khơi ngồi hoá đá ven đường
em chợt về giữa cơn mơ huyền hoặc
ta vươn tay chớp bắt bóng hư không
đêm trắng xóa một màu tang trắng xóa
người với người phút chốc hóa hư vô
gió giao mùa ru buồn hồn phiến lá
xanh xao gầy trên đỉnh gió cô đơn
còn nỗi nhớ nào thoi thóp từng cơn
đêm hoang vu nghe hồn quên réo gọi

bước chân hoang lạc loài riêng nỗi nhớ
lạnh nhân gian mù mịt cõi đi về
cuộc tình sâu tương tư dài lê thê
ta trú thân giữa trần đời oan nghiệt
thờ phượng em một tình yêu bất diệt
trái tim ta vừa quán mảnh tang buồn
đêm sâu thăm ngòi nhớ em rất nhớ
gọi hồn nhau ròn rợn tiếng vô hồn
bước chân nghiêng nghe trái tim thổ huyết
tình yêu nào bất chợt hóa cơn điên
đi về đâu giữa đêm tàn oan nghiệt
hơi thở xanh xao giữa cõi u mien.

Dấu Ấn Tình Yêu

Có cánh gió chở hồn ta qua đó
có phiến lá mang tình thư em đến
có hạt sương long lanh như giọt lệ
khóc tình mình ướt đầm vũng trời sâu

tiếng mưa đêm ru canh tàn lạnh buốt
tiếng gôi chẵn trần trọc thức thâu đêm
em bỗng về từ trăm năm hoang dại
đóng khố đi quanh khắp chốn địa đàng
lời tình ca vang lên trên đỉnh đời dốc đứng
làn môi em hoang vu trên ngàn năm băng giá
giữa trần gian sao thiếu vết chân người
em nghe không có tiếng rên của đá
lời đá ăn năn

lời đá trời trăn
lời đá rong rêu ru tình tuyệt vọng
lời ru ngàn đời khóc tình yêu ly tan
ta độc hành mang trái tim hành khát
những giọt máu vỡ tung trên suối nguồn em
món quà đức chúa trời ban cho nhân thế
đêm ma quái bắt hồn ta khờ dại
em bắt hồn ta mãi mãi khó quay về
thịt da em huyền hoặc những đam mê
cho trái tim ta suốt đời mang dấu ấn

vẽ chân dung em giữa đêm dài vô tận
rờn rợn bàn tay rượt bắt một linh hồn
tình yêu là trò chơi cho trái tim rướm máu
ta như người chết hóa oan hồn đi giữa nhân gian

Như Phong



DẠ DUNG VŨ
Thì thầm

Thì thầm cùng người,
Hôm nay em dành thời gian để cùng người thì thầm, thầm thì,
Chẳng biết người có nghe được tiếng lòng em chẳng; nhưng kệ, em cứ thầm thì thì
thầm.....
Thế là, lẽ tình nhân đã trôi qua trong yên lặng, người đã quên em? em đã quên người?
Yên lặng lặng yên giữa muôn ngàn đóa hồng người người trao nhau. Nở nụ cười
buồn để nhìn thấy chút xót xa tình người. Nhìn người dạo quanh nô nức nôn nao đi
tìm mua hoa, tặng thiệp cho nhau mà thấy mình lẻ loi lạ. Cũng người..... cũng

đời..... mà em chìm đắm trong vũng tối đất trời. Người ở đâu? Có ngồi trong góc vắng trầm tư nhìn khói thuốc nhẹ quện trong hư không bên ly cà phê đắng mà gặm sự đời hay không? Hay lại đang ồn ào vui vẻ bên những đóa hồng tình nhân sinh nhật.....

Ừ! thế đấy, sinh nhật người trong ngày lễ yêu thương tràn ngập những dấu yêu, hoa khoe sắc để người đã quên đi nơi phương trời xa có người dõi hồn trông chờ tin... NHỚ, nhưng có ngăn lòng để rồi buồn vơ vẩn vì người đã thực sự không màng, thế nên sinh nhật em lại trôi qua thật êm, thật phẳng lặng, không ồn ào ly tách, không chén bát khua vang, không lời thơ chúc tụng...không và không, trống không tỉnh lặng như bầu trời đêm thanh vắng êm êm dịu dịu với ánh trăng non lung linh trải dài, hài hòa ôm trùm vạn vật trong đó có em đang ngồi trầm tư chờ thời khắc trôi qua, trôi qua đánh dấu ngày em thêm tuổi đời mà mọi người đã quên hẳn em.....

Lễ tình yêu sinh nhật ai
Năm xưa vui đó ai hoài hôm nay
Soi trong đáy cạn tình cay
Buông vãn thơ nhả lá lay tình thừa
Bông hồng đỏ thắm hôm xưa
Hôm nay tím lịm song thưa đợi chờ
Một khoảng trống vắng ơ hờ
Bâng khuâng hồn dỗi bơ vơ dấu hằn
Mười Bốn Mười Sáu bản khoăn
Ở kia nhịp lối gió trăng sẽ sàng
Ngõ ngàng âm vọng bàng hoàng
Tỉnh say một giấc mộng vàng tình thơ
Rằng thì mộng rằng thì mơ
Mà sao đau đau ngẩn ngơ buông lời
Tuyết rơi lộng gió lã lơi
Người ơi trống vắng tả tơi tình sầu
Trăm năm rồi sẽ về đâu
Nhịp cầu ô thước ngàn sau vẫn hoài.....

Dạ Dung Vũ



TRÚC THANH TÂM
Ta Say Cùng Em

Cá lóc nướng rơm và rượu đế
Cũng đủ ta say với em rồi
Trăng ghen nửa đời trăng chênh choáng
Sáu phần buồn có bốn phần vui !

Ta áp sát tai nghe em thở
Nhịp nhàng dòng máu chảy về tim
Cho đêm trần thế hiu hiu gió
Hai đứa mình tình cứ lênh đênh !

Rót nữa đi em đầy ly cạn
Tri kỷ mà, em cứ đưa cay
Để thấy thủy chung là quý hiếm
Cuộc sống này còn lại những ai !

Ta say rồi nữa ta quên hết
Quên những thù xưa, quên thói đời
Nhưng ta không thể quên em được
Sợ đường trần lạc lõng, em ơi !

Ta muốn địa cầu bùng sắc nắng
Cho tình người kết trái đơm hoa
Cho hương ân ái còn muôn thuở
Rượu với thơ và em với ta !

Trúc Thanh Tâm



HỒ TRƯỜNG AN

Bình Nguyên Lộc

Tổng Quan Văn Chương Vùng Đất Đồng Nai

Đất đai man rợ, rừng rú hoang vu càng làm cho những cây bút văn chương thêm khởi hứng. Và từ đó, những tác phẩm viết về quê hương đất nước của họ bỗng sáng lên cảm hứng kỳ diệu bất ngờ, khả năng sáng tác của họ thêm sắc thái lộng lẫy tinh khôi. Vào thời Phục Hưng, dưới triều đại Đế Nhị Đế Quốc của Hoàng đế Nã-phá-luân Đế Tam, nữ sĩ George Sand là ngôi tinh đầu rực rỡ trong văn giới qua các cuốn tiểu thuyết đồng quê như "La Petite Fadette", "La Mare Au Diable", "François Le Champi"... Tuy nhiên quê hương Nohant thuộc vùng Perry của nữ sĩ chỉ là một vùng quê đầy huyền thoại thần bí và truyền kỳ ảm đạm mà không phải là vùng đất mới khai phá trước khi bà mở mắt chào đời. Nhưng vùng Cà Mau mà Sơn Nam đã có một thời gian cư ngụ, vùng Tân Uyên Đất Bái là nơi sinh quán của Bình Nguyên Lộc trái lại có nhiều hoang địa, chưa có gót chân dân khai phá đặt đến. Những nơi đó dĩ nhiên có nhiều cái huyền bí thật quyến rũ, nhiều nếp sống lọt xa tầm ánh sáng văn minh. Chúng đem lại biết bao vận sự kỳ thú cho hai nhà danh sĩ đất nước Nam Kỳ kia, để gây cho họ sự nghiệp văn chương đồ sộ nguy nga.

Văn chương của anh Sơn Nam lẫn của anh Bình Nguyên Lộc hào hứng tuyệt vời, vạm vỡ sức sống của tiên nhân trong cuộc khai hoang lập ấp và bưng bưng khí phách và anh linh của dân tộc thời xa xưa. Hai anh đẩy lui nữ sĩ George Sand vào lãnh vực nhỏ trong bóng trắng thơ mộng và ánh nắng trữ tình của tiểu thuyết tâm lý ái tình dùng đất quê làm bối cảnh. Còn hai nhà văn đồng bào đồng chủng của chúng ta trái lại biến ngôi bút mình thành lưỡi đao thiêng hay thanh kiếm thần để vạch cho độc giả đô thị một chân trời tráng lệ bao la trải dài tới miền Cực Nam của đất nước.

Văn chương biểu dương bản sắc thuần túy của Bình Nguyên Lộc là những truyện ngắn được đưa vào các tập truyện "Nhốt Gió", "Ký Thác", "Mưa Thu Nhớ Tầm", "Cuống Rún Chưa Lìa"... Đó là những tác phẩm chất lọc cái tinh hoa quý giá của thần trí sáng tạo của anh. Văn chương trong đó nồng nàn tình yêu quê cha đất mẹ. Đôi khi cái nồng nàn đó lên tới mức độ sôi nổi nên anh không làm chủ được ngôi bút của mình. Do đó văn chương ấy trở nên bộc tuệch, trống trải, cường điệu, bộc lộ cá tính Nam Kỳ. Cái bộc lộ ấy chưa chắc là cái khuyết điểm hay nhược điểm gì. Trái lại, nó làm cho sự diễn đạt tình ý của anh thêm minh bạch, thêm tươi rói và cực kỳ quyến rũ. Anh để mặc cho tâm sự mình phơi bày hờ hang, trần trụi, không nguy trang, không úp mở. Độc giả đa số không cần ở văn chương anh cái mảnh khảnh tiềm ẩn hay cái phong niêm tinh xảo để làm cho sự diễn tả được hàm súc và ý nhị. Họ chỉ cần tấm lòng tươi son bền sắt của anh đối với quê hương của anh. Có như thế, họ mới vui dưới lớp tro tàn của thời gian cái tình cảm nồng cháy và đượm đà của họ

như mẻ than ngùn lửa hồng không bao giờ tắt đối với nơi chôn nhau cắt rún của họ. Tấm lòng anh cũng có thể tượng trưng qua những loại cỏ thụ chẳng hạn như cây đa, cây gò, cây bồ đề, cây thù dương, cây hoàng lan cắm rễ sâu xuống mảnh đất để giao tiếp với lớp nước trong mát bất tuyệt để cành lá chúng mãi mãi tươi xanh dù gặp cơn nắng lũ đi nữa. Ôi là mảnh đất đã từng chứng kiến cái thời kỳ chúng chỉ là mầm cây nhỏ chưa bén đất!

Truyện ngắn viết về tình yêu đất trong sự nghiệp văn chương và trong cuộc bút trình của Bình Nguyên Lộc nổi bật lên, như trên nền trời hồng ánh bình minh in rõ nét rặng núi duyên dáng với sắc thùy màu lam êm dịu.

Đây là tâm sự người thiếu phụ lấy chồng Pháp về thăm quê hương vào dịp cận Tết trong truyện ngắn "Chiêu Hồn Nước" trong tập truyện "Cuống Rún Chưa lia" do Văn Nghệ

(California, Hoa Kỳ) tái bản. Về Sài Gòn sau bao năm lìa quê theo chồng dị chủng, nàng chẳng còn người thân thuộc nào nên nàng mượn một căn phòng ở khách sạn để dọn bàn thờ và tranh ảnh đón xuân. Tuy nhiên, vào tối hăm chín tháng chạp, nàng gặp một nhà thơ để có dịp phơi bày nỗi niềm của mình:

... Năm đó em học ban Trung học Pháp Việt ở Sài Gòn. nhơn kỳ nghỉ hè, em về quê, một làng hẻo lánh kia, rồi bị một nhóm quân nhân Pháp hiếp.

Sợ gia đình em thưa kiện, chúng nó phao vu em rồi bắt em đi. Ra tỉnh bị giam một thời gian thì em được thả, nhưng có còn gì nữa đâu mà quay về. Vừa lúc ấy thì một sĩ quan Pháp phải lòng em và bao em.

Em bằng lòng theo nó, vì cũng chẳng thiết làm lại cuộc đời, và một năm sau, đạo quân viễn chinh rút lui, em theo y về bên ấy, và được y cưới luôn, rồi em xin vào Pháp tịch.

Hai năm đầu, em vui với được vài cảnh lạ, nhưng khi hay tin cha mẹ em qua đời, em bỗng chạnh nhớ quê nhà.

Ban đầu chỉ là nỗi nhớ nhung nhẹ nhàng thôi. Nhưng càng ngày lòng sầu xức càng sâu đậm, em không chịu nổi nữa nên vào cuối năm 1958 ấy, em có dư chút ít, xin thông hành với tư cách du khách về đây, cũng là cuối tháng chạp như năm nay.

Không thể nào mà anh tưởng tượng nỗi sự thèm khát quê hương của một kẻ viễn viễn không hy vọng trở về như em. Thèm như là thèm món cá nướng chấm mắm nêm, thèm hương bưởi, thèm tiếng chuông chùa ngân nga vào buổi hoàng hôn, thèm cảnh cấy mạ vào đầu mùa lúa. Thèm chết đi được là vào lúc gần Tết, tức là khoảng đầu năm dương lịch. Nhớ Tết như nhớ nhà, nhớ nước, bởi vì Tết là sum họp gia đình.

("Chiêu Hồn Nước", trang 48)

Tình yêu quê hương của Bình Nguyên Lộc càng rõ rệt hơn, như vàng trắng rằm sáng nguy nga treo trên nền trời đêm màu thùy lam tối đậm. Xin đọc tâm sự một bà già nhà quê vì ly loạn nên phải ra sinh sống ở tỉnh thành, phải xài bếp dầu để nấu

nướng. Đây là đoạn trích trong cuộc mạn đàm giữa bà cùng con gái, chàng rể và con bé cháu ngoại của bà :

...rồi má tôi chậm rãi tuyên truyền cho tôi nghe:

-- Nè, củi mỗi thứ mỗi khác đó nghe. Củi bắp phơi khô để làm củi, thì ngọn lửa xanh như lửa đèn cầy. Vỏ măng cụt phơi khô, chụm nó nổ lách tách y như than Cà mau. Củi nhánh sao chết rụng trên vệ đường, nó cháy rồi tỏa ra cái mùi thời tiết gió bắc về. Còn mày biết củi gì thơm ngát hay không? Đó là dăm tiện.

-- Dăm tiện là gì má? Chồng tôi hỏi.

-- Muốn làm những vật dụng tròn như kiệu chơn bàn, chơn ghế kia chẳng hạn, thợ tiện họ đưa cây vào máy tiện, cây nó mới tròn trịa đều đặn được, chớ thợ mộc tài nào mà trau giồi cho nó tròn. Các món tiện, luôn luôn là vật dụng quý mến nên được làm bằng thứ gỗ quý: trắc, cẩm lai, huỳnh đàn, cho nên dăm tiện nó thơm dữ lắm, thơm cái mùi hỗn hợp đủ loại gỗ mắc tiền. Loa củi đã thơm mà hình thù nó cũng hay lắm. Nó cháy lên, mình thấy được, chớ vô hình như loa đèn dầu. Nhìn ngọn loa cũng ngộ, nhìn màu loa còn ngộ hơn...

("Loa Tết", các trang 66, 67)

Về bút pháp, Bình Nguyên Lộc dùng phần nội đồng bình đàm để làm món trang sức. Còn về ngôn ngữ, anh áp dụng ngôn ngữ vùng miền Nam Kỳ Lục Tỉnh tôi đa. Thỉnh thoảng, anh đệm những chữ uyên bác nhưng thông dụng vào ngôn ngữ mộc mạc căn bản dành cho khẩu khí và ngôn ngữ của thị dân, còn thứ ngôn ngữ thuần túy quê rít quê rang thì dành cho thôn dân. Trong khi đó, Lê Xuyên gán vào miệng cho các nhân vật đủ mọi lứa tuổi (nam phụ lão ấu), đủ mọi tánh nết (dữ, hiền, ôn nhu, kiêu mạn, lẳng lơ...), hoặc đủ thành phần trong xã hội (hạng lương gia, hạng dân tứ xứ, hạng trưởng giả, hạng đảng điểm) cái ngôn ngữ tràn đìa ngữ pháp, thô âm, tiếng lóng đặc biệt Nam Kỳ. Cả hai trái hẳn cách sáng tạo ngôn ngữ của Nhất Hạnh: Đức Phật hay một vị Hiền Thánh Tăng nào hoặc một đạo sư nào, một bậc tử quan hay một kẻ lê dân nào... một khi chui vào quyển "Đường Xưa Mây Trắng" của đương sự là họ trôi lờ ỉn ỉn của nàng sủng phi dùng để nhõng nhẽo với đấng quân vương. Cái ông Thiền sư này không chịu nhập vào vai trò qua cách ăn nói. Đương sự không bao giờ thoát khỏi cái lưới làm dáng làm duyên trong khi viết đối thoại trong văn chương.

Ở bài viết về nhà văn Bình Nguyên Lộc cho quyển "Náo Nức Hội Trăng Rằm" này tôi xin trích bài "Tổng Quan Về Sự Nghiệp Văn Chương Của Bình Nguyên Lộc" của tôi đã đăng trên nguyệt san Văn Học số 18 (tháng 7 năm 1987) và dùng cái tựa: "Bình Nguyên Lộc, Tổng Quan Văn Chương Vùng Đất Đồng Nai" cho toàn bài. Tuy nhiên tôi nhuận sắc và gia giảm mắm muối vào một vài chỗ theo nhu cầu suy tư và cảm nghĩ hiện thời của tôi.

Nhà văn Bình Nguyên Lộc chết vào ngày 7-3-1987, mãi một tuần sau Nguyễn Hữu Nghĩa ở Gia-nã-đại và chị Vi Khuê cùng anh Cho Bá Anh ở Hoa-thịnh-đôn mới

cho tôi hay. Tôi thành thật tiếc thương anh cũng như tôi giận cho cái số phận đen đui của mình. Tôi muốn hỏi anh về tin tức của các nhà thơ gốc người Nam đã từng viết văn làm báo với anh, hiện còn kẹt ở quê nhà như các anh Dương Tro La (nhà văn), Trương Đàm Thủy (nhà văn), Hà Liên Tử (nhà thơ), Anh Tuyền (nhà thơ), Anh Việt Thanh (nhà thơ). Những nhà văn, nhà thơ đó vào thập niên 50, tôi đã từng mến mộ, dù văn tài, thi tài của họ chưa đủ sức thoát ra khỏi sự thờ ơ của độc giả để đăng vào văn đàn, thi đàn. Trên Văn Học số 15 (tháng 4/1987); a truyện ngắn "Chiêu Hồn Nước"), Bình Nguyên Lộc có trích vài đoạn thơ của Hà Liên To, có lẽ thơ của Hà tiên sinh không hợp thời, không hợp sa thích với khách yêu thơ nữa, nhưng đó là tiếng vọng thời mới lớn của tôi, vào năm 1952, 1953 thì phải. Chưa kịp hỏi thì anh Lộc đã từ trần!

Tôi đọc văn của Bình Nguyên Lộc từ năm 1948, khi tôi vào ngưỡng cửa trung học tỉnh Vĩnh Long (trường Collège de Vĩnh Long, dạy chương trình Pháp). Rồi vào năm 1956, tôi đọc một vài truyện ngắn của anh trên tạp san Văn Hóa Ngày Nay do Nhất Linh chủ trương như "Bàn Tay Sáu Ngón", "Hồn Ma Cũ"...

Giữa lúc tôi mê xem truyện của bà Tùng Long, bà Tú Hoa, Dương Hà, Ngọc Sơn, Thanh Thủy, Trọng Nguyên, Nguyễn Ngọc Mẫn thì truyện ngắn của Bình Nguyên Lộc cho tôi một vài ý niệm mới: thế nào là một tác phẩm nghệ thuật? Người Nam Kỳ thua đó viết được truyện dài, truyện ngắn, nhưng chưa hề biết viết văn, họ chỉ biết kể chuyện. Trừ Bình Nguyên Lộc, chỉ có Phi Vân là có thể viết truyện ngắn có tính chất nghệ thuật mà thôi: đó là tập truyện "Đồng Quê". Sau "Đồng Quê", Phi Vân viết thêm vài truyện dài như "Cô Gái Quê", "Tình Quê" lại... hồng. Đó chỉ là những cuốn tiểu thuyết dùng để giải trí mà thôi.

Cũng thế, Bình Nguyên Lộc rất thành công về truyện ngắn hơn là truyện dài. Chính ở truyện ngắn, anh có thể biểu dương văn tài của anh. Chỉ có truyện ngắn mới tạo cho anh một chỗ đứng vững chắc và sáng sủa trên văn đàn. Chính nhờ âm vang và ảnh hưởng tốt đẹp của tập truyện "Nhót Gió", ở vài truyện ngắn đăng trên Văn Hóa Ngày Nay, độc giả mới ưu ái anh, sẵn sàng đón tiếp nồng nhiệt quyển truyện dài "Đò Dọc" ra đời vào năm 1959 và cuốn truyện dài "Gieo Gió Gặt Bão" ra đời vào năm 1960.

Tôi đã từng theo dõi hành trình các tác giả gốc người miền Nam trước Bình Nguyên Lộc sát nút. Họ kể truyện dài, truyện ngắn phom phom, trơn láng, duyên dáng tuyệt vời, quyến rũ rất nồng đượm. Kể truyện là thuật lại sự việc, chứ không dựng được một cảnh sống. Người kể truyện chỉ nói trực tiếp sự việc, thí dụ: Buổi sáng, cô Lan đi chợ. Người viết văn thì không thể lười biếng như vậy. Ông ta dựng ngay cái khung cảnh buổi sáng từ nhà cô Lan đến chợ. Ông ta còn tả chân dung cô Lan, dáng điệu, co chỉ cô Lan và ông ta lại còn tả cảm nghĩ của cô Lan về buổi sáng, về khung cảnh chợ nữa. Nhà văn là kẻ đi chậm hơn người kể chuyện rất nhiều. Ông ta là kẻ rì rọ cũng như người thợ kim hoàn trong việc chạm trổ các món nữ trang. Ông ta dựng cảnh sống chưa đủ, còn phân tách tâm trạng nhân vật song song với

công trình phân tích sự việc. Chính ở "Đò Dọc", độc giả miền Nam đã thấy Bình Nguyên Lộc đã có viết văn. Anh viết lưu loát, ngon ơ cũng như các bà Tú Hoa, Tùng Long, Lan Phương cùng các anh Việt Quang, Ngọc Sơn, Thanh Thủy, Trọng Nguyên, Dương Hà, Nguyễn Ngọc Mẫn, Ngọc Linh, Sĩ Trung, kể chuyện tuồn tuột, trơn như mỡ, láng như dầu.

Đã 27 năm qua, trong ký ức tôi như in rõ nét cảnh anh chàng Long và cô Hồng trong "Đò Dọc" hẹn hò nhau, ngắm sao băng trên nền trời đêm để cùng thề ước nhau. Và tác giả còn tả tỉ mỉ hơn lúc cô gái tên Quá cầm mấy viên thuốc ngủ để quyền sinh. Anh phân tích tâm trạng cô ta chi li sắc bén... Lúc đó, tôi còn là học sinh tỉnh lẻ. "Đò Dọc" là cảnh sống cô đơn của bốn chị em Hương, Hồng, Hoa, Quá tại một vùng noa chợ noa quê nằm bên quốc lộ từ Sài Gòn xuôi về Biên Hoà. Vậy mà nhờ tai nạn xe cộ của một chàng tên Long, trừ cô Hương yên phận gái già ra, ba chị em kia bắt đầu yêu đương liều lĩnh, tuy sự liều lĩnh kia vẫn ngoan ngoãn nằm yên trong khuôn nếp lễ giáo... Cảnh ghen tương, ầu ẩu, thất vọng xảy ra sau lưng ông cha bà mẹ cho tới khi cô Út tên Quá quyền sinh và được cứu sống. Sau hết, truyện kết thúc bằng ba cuộc hôn nhân của ba cô Hồng, Hoa, Quá với 3 cậu thanh niên thuộc giai cấp trung lưu trong đó có chàng Long. Chàng vốn là nạn nhân của tai nạn xe cộ, đã từng gây sóng gió trong lòng ba cô em của cô Hương... Nhưng sau rốt, chàng kết hôn với cô Hồng, kẻ mà chàng yêu đương chân thành. Tác giả chỉ chừa cô chị lớn cô Hương) để cô a lại nhà săn sóc cha mẹ.

Tiếp theo truyện "Đò Dọc" là truyện "Gieo Gió Gặt Bão" cũng chỉ là cuốn tiểu thuyết tâm lý ái tình, cảnh chung sống của bộ ba, một ông hai bà... Cuốn đó không thể thấp sáng văn tài Bình Nguyên Lộc được. Phải đợi tới tập truyện "Ký Thác" với hai truyện "Rừng Mắm", "Ba Con Cáo" mới làm rúng động văn giới. Truyện ngắn "Rừng Mắm" rất sâu sắc trong công việc nêu cao tình đất, chẳng những ma cho đất nước một chiều dài thênh thang mà còn nuôi ngọn lửa hy vọng về tương lai huy hoàng của những kẻ khai hoang khẩn đất. Truyện "Ba Con Cáo" thấp sáng thiên lương và tình người, gây niềm tin yêu cho độc giả về khía cạnh tích cực và tốt đẹp của con người dù xã hội và hoàn cảnh đẩy đưa nhân vật vào hành vi phản phúc, dối trá, lọc lừa.

"Bóng Ai Ngoài Song Cửa" là cuốn tiểu thuyết phỏng theo ba va kịch "Marius", "Fanny" và "César" của Marcel Pagnol. "Xô Ngã Bức Tường Rêu" là cuốn đả phá giai cấp và đề cao tình yêu. "Uống Lộn Thuốc Tiên" là cuốn tiểu thuyết mô tả cuộc sống lứa đôi giữa người vợ trẻ măng và người chồng luống tuổi, qua bao chứng nghiệm đau thương cả hai yêu nhau chân thành. "Hoa Hậu Bò Đào" mô tả cô gái đẹp lẫn xả vào cuộc đời phồn tạp quá sớm.

Thành công về truyện ngắn (phương diện nghệ thuật), Bình Nguyên Lộc lại cho trình làng tập truyện "Tâm Trạng Hồng". Ở đây nồng độ nghệ thuật bị pha loãng vì đây là chỉ là những chuyện hài hước qua những truyền thuyết của kẻ trà dư tửu hậu hoặc của những bà ngồi lê đôi mách, xen vào đó là những vở hài kịch ngắn, chứng

tỏ khiêu trào lộng bèn nhảy nhưng không thâm thúy của tác giả. Lại nữa, anh không gây một dư âm, một chút suy nghĩ nào cho độc giả sau khi họ xếp quyển sách ấy lại.

Những truyện dài của Bình Nguyên Lộc hết 99% đều đăng theo thể thức từng kỳ (feuilleton) trước khi đăng thành sách. Khi xuất hiện từng kỳ trên báo, tác giả không tránh khỏi theo thói viết đối thoại cù nhây cù nhằng, tức là anh kéo dài lời ông qua và lời bà lại một cách thừa thãi và vô bổ. Khi in thành sách, anh cắt xén bớt những câu đối thoại vô thưởng vô phạt lẫn những câu nhì nhằng. Nhưng quyển sách vẫn không sạch sẽ gọn gàng, vẫn như mảnh đất hầy còn những bụi hoang đầy cành lá rườm rà, những cỏ dại bụi gai, không để cho những hoa thơm ý tuang không có thêm chỗ đất trống để trở sắc tung bừng hơn và tỏa hương ngào ngạt hơn. Những Ngọc Linh, Sĩ Trung, Dương TrửLa đã theo bước chân anh thì chẳng nói làm gì vì họ là những cây bút đứng bên ngoài văn học sử. Nhưng Túy Hồng, Thụy Vũ, Văn Quang, Thanh Nam cũng làm những gì Bình Nguyên Lộc đã làm thì họ hy sinh quá nhiều nghệ thuật tính. Càng kéo dài đối thoại, họ càng pha lợt pha loãng cái phẩm chất của quyển sách. Nhưng Lê Xuyên thì khác, càng kéo dài cuộc đối thoại, anh càng thấp sáng cái mãnh lực mẫu nhiệm ngôn ngữ đất Nam Kỳ Lục Tỉnh, càng khơi bừng bừng ngọn loa thiêng của những kẻ yêu ngôn ngữ trên đất nước quê hương được khai phá do cuộc Nam Tiến của dân tộc.

Viết fauilleton là phải nhắm vào tâm lý và thị hiếu của quần chúng. Giới bình dân Nam Kỳ vốn thích chuyện nhơn quả, chuyện oán trả ơn đền, chuyện ngòi lê đôi mách, chuyện hài hước theo kiểu hề giễu trên sân khấu ca kịch cải lương, chuyện tôn vương hòa hiệp của các nhân vật chánh diện sau bao phen hoạn nạn tai ương. Vì vậy, Bình Nguyên Lộc có hai loại độc giả: nhóm thức giả có kiến thức trên trung bình và nhóm độc giả thuộc giới bình dân dùng văn chương để giải trí. Cả hai loại độc giả đều ủng hộ truyện dài của anh hết mình.

Tôi cần nhấn mạnh kéo quý vị độc giả hiểu lầm. Không phải mỗi truyện dài của Bình Nguyên Lộc hoàn toàn là truyện giải trí, loại mua vui cũng được một vài trống canh đâu. Anh viết truyện dài với tất cả ý thức của một nhà văn chân chính song song với việc nuông chiều thị hiếu của quần chúng độc giả. Đó là điều khó khăn nhất cho người cầm bút. Vì sao? Thị hiếu quần chúng hầu như không đi đôi với nghệ thuật. Viết mà chú trọng nhiều về nhân sinh quan, về tâm lý nhân vật, luôn cả nếu tác giả tả cảnh, tả người, tả sự việc quá chi ly tỉ mỉ thì đương sự sẽ làm cho độc giả không có sa tri phong phú về văn chương đâm ra mệt hóc hác khờ khạo. Còn viết ướat át, lâm ly, phi thực tế để nâng niu giấc mơ lố bịch hoặc o bế hoài bão cả chón của giới độc giả hoang tư?ng ? tầng lớp hạ lưu trong xã hội tức là tác giả nếu không cưỡng dâm nghệ thuật thì cũng xưxlãng trì ngòi bút của mình không chút xót xa. Vậy mà Bình Nguyên Lộc vẫn nắm vững lối viết đầy nghệ thuật tính, vẫn chiều theo khiêu thư?ng ngoạn của độc giả để tên tuổi mình vẫn vừa sáng vạng vạc trên văn đàn vừa đi sâu vào quảng đại quần chúng. Trong bán thập niên cuối của thập niên 50

và trong suốt thập niên 60. Bình Nguyên Lộc là một nhà văn "populaire" (phổ thông) nhất. Đừng ai đồng đánh cho rằng những nhà văn "populaire" là nhà văn nếu không thuộc loại viết tiểu thuyết ba xu (như loại tiểu thuyết Harlequin) thì cũng là thứ nhà văn xoàng xĩnh, tài năng chai cứng và sượng ngắt. Điều này hoàn toàn không đúng với Bình Nguyên Lộc, nhất là với nhà văn Georges Simenon của nền văn chương nước Pháp. Ông này đã cho xuất bản trên 400 tác phẩm, đa số là loại trinh thám (những cuộc điều tra án mạng của ông Cò Maigret). Nhưng bên số lượng phồn thịnh của tiểu thuyết trinh thám thuộc loại siêu cấp đó, ông ta vẫn viết những tác phẩm văn chương, thí dụ như cuốn tiểu thuyết tâm lý "Chỉ Là Những Cây Hạnh Đào" ("Il n'y avait que les noisetiers"). Đã đành Bình Nguyên Lộc viết truyện ngắn cho những người sành điệu văn chương, nhưng anh đâu phải viết truyện dài chỉ dành riêng biệt cho dành cho giới bình dân? Truyện dài của anh đã dựng được những cảnh sống (hoạt cảnh, phong cảnh, cảnh ngộ) lại còn vẽ được những nhân vật sống thực, và hơn nữa tác phẩm truyện dài của anh còn chứa đựng nhiều nhân sinh quan sắc sảo, rất cận nhân tình. Ngồi bút anh vì chiều theo độc giả bình dân cho nên trong các truyện dài của anh hầu như không có bối cảnh đồng quê, không có những nhân vật thôn dân, mà lại có khung cảnh thị thành, khung cảnh noa chợ noa quê với các thị dân từ bậc trung lưu tra lên. Giới độc giả bình dân lam lũ vốn nhàm chán cảnh nghèo hèn của họ. Đọc quyển sách có khung cảnh đồng quê, có khung cảnh xóm chòi lá vách đất với những nhân vật cày sâu cuốc bẫm hay các nhân vật mua thúng bán bung thì họ đâm ra nản lòng vì họ phải nhìn sâu vào hoàn cảnh sẫm buồn của họ. Còn khi đi xem hát bội hay hát Hồ Quảng, họ cốt ý muốn được xem tuồng tích có cảnh trí huy hoàng với lầu đài tráng lệ, cung điện nguy nga, có y quan lộng lẫy, có các nhân vật quý tộc như hoàng đế vương hầu, hoàng hậu quý phi, tể quan khanh tướng, công nương quận chúa... Họ đâu muốn cảnh đời hiện tại của họ hiện rõ trên trang sách phơi ma hay được dựng trên sàn gỗ sân khấu khi bức màn nhung chẻ đôi và vén ra. Bình Nguyên Lộc khi viết truyện dài biết đưa họ lạc vào cảnh giàu sang của giới thượng lưu hay cảnh đầm ấm thoải mái của giới trung lưu được ánh sáng văn minh soi đến, nhưng đáng quý nhất là anh nếu không viết được truyện dài xuất sắc thì cũng giữ cho cái phẩm chất của chúng vào bậc trung, chớ không để chúng rớt xuống loại tiểu thuyết ba xu hạ cấp.

Bên cạnh những truyện dài "Ái Ân Thâu Ngắn Cho Dài Tiếc Thương", "Nhện Chờ Mối Ai", "Trâm Nhớ Ngàn Thương" (Trâm chớ không phải Trăm, ở đây cô Trâm và cậu Ngàn thương nhớ nhau), Bình Nguyên Lộc viết một truyện dài thuộc về bệnh lý hồn chứng (l'amnésie) mô tả chuyện một người bị tai nạn xe hơi quên hẳn quá khứ trong đó có gia đình mình. Anh ta xây dựng một cuộc đời khác, có vợ con khác. Rồi một tai nạn khác xảy đến: anh ta bị một kẻ cướp đập vào đầu một cú đau điếng. Anh ta vụt nhớ lại quá khứ cũ, gia đình cũ nên tìm về vợ con cũ. Họ đều trang anh đã chết trong tai nạn xe hơi hồi trên 20 năm trước; người vợ trước đã đi lấy chồng khác, các con dòng trước đã trưởng thành. Họ nhìn anh ta ngỡ ngàng xa lạ, không

thể cùng anh ta ráp lại những mảnh tan vỡ cũ để tái lập một gia đình đầm ấm và nguyên vẹn như xưa. Sau cùng, anh ta tra về gia đình hiện tại, sống trong cảnh hạnh phúc hiện tại. Truyện dài này có vẻ đặc sắc hơn mọi truyện dài khác.

Bình Nguyên Lộc trong những năm 1965, 1966, 1967 cộng tác với những tạp san văn nghệ đứng đầu trong đó có tạp san Văn (do Nguyễn Đĩnh Vượng làm chủ nhiệm, do Trần Phong Giao rồi tới Mai Thảo làm chủ bút) bằng những truyện ngắn mà anh viết cho anh để hoài niệm quê hương, để sống trong tình yêu đất. Trên tạp san Hương Quê, truyện ngắn của anh đưa độc giả tra về từng vùng quê, từng cảnh ngộ dân quê một cách thích thú... Những truyện ngắn đó được anh lần lượt đưa vào các tập truyện "Mưa Thu Nhớ Tầm", "Tình Đất" và "Cuống Rún Chưa Lìa".

Truyện dài của Bình Nguyên Lộc gặt thêm một thành công khác. Vào năm 1972, điện ảnh gia Lê Dân chọn truyện "Một Nàng Hai Chàng" của anh để quay thành phim "Hồng Yên" với các tài to Kiều Chinh, Tâm Phan và Trần Quang. Nhưng điều đó chưa gây tiếng vang ỏi và sâu rộng trong văn giới bằng cuốn phóng sự của anh nhan đề "Những Bước Lang Thang Trên Hè Phố Của Gã Bình Nguyên Lộc". Anh đã đổi thực đơn cho độc giả vào năm 1966, nhưng vẫn tiếp tục viết feuilleton. Mãi đến năm 1973, Bình Nguyên Lộc bắt đầu tung ra hai cuốn biên khảo là "Nguồn Gốc Mã Lai Của Dân Tộc Việt Nam" và "Lột Trần Việt Ngữ". Đó là kết quả công trình do nhiều năm anh cặm cụi sưu tầm tài liệu và là kết quả công việc nghiên cứu một cách say mê.

Ai cũng vậy, hễ cầm bút viết về một nhà văn tiền bối nào, hoặc về một cây bút trượng thượng nào là đương sự thích tế sống hơn là tế chết người được viết. Thiết tình, trong vài bài đăng ở Văn, Làng Văn, tôi đã từng tế sống anh Bình Nguyên Lộc. Tôi có dè dặt chưa đầy một năm, tôi lại phải viết một bài tuang niệm vong linh anh coi như một nén nhang đốt tiễn đưa anh về bên kia thế giới.

Dù tôi có thay đổi nhiều lượt, nhiều phen về quan niệm văn chương, nhưng sự nghiệp văn chương của anh và công trình sưu khảo của anh đã đóng góp cho văn hóa dân tộc biết bao món trân bảo ngoạn mục. Và khi đọc truyện "Ký Thác" của anh, tôi như sống lại cái thời thanh xuân rực rỡ nhất của tôi, cái thua mà song song với niềm say mê quyền sách ấy, tôi theo dõi những truyện dài mà anh đã đăng trên các nhật báo để rồi thực hiện thành hai cuốn tiểu thuyết "Đò Dọc" (mà anh đã đoạt Giải Thương Văn Học Nghệ Thuật Toàn quốc vào năm 1960) và "Gieo Gió Gặt Bão"... Đây là lần đầu tiên các độc giả miền Nam được đọc một tác phẩm văn chương đúng nghĩa dưới hình thức quyền tiểu thuyết của một tác giả gốc Nam Kỳ. Vậy tiểu thuyết là gì, nếu không là phản ảnh đời sống của một nhóm nhân vật có những sợi dây liên hệ tình cảm trời buộc với nhau? Đời sống đó được tác giả nhìn ngắm, tư duy và phơi bày cho độc giả thưởng thức qua cái nhân sinh quan cá biệt của tác giả, qua cả niềm rung cảm của ông ta. Các tác giả như các bà Tú Hoa, Tùng Long, Lan Phương, các anh Ngọc Sơn, Thanh Thủy, Nguyễn Ngọc Mẫn, Dương Hà, Trọng Nguyên, Dương

Tro La, Ngọc Linh, Sĩ Trung... đa số đều viết truyện tình cảm gay cấn, éo le với những nhân vật được mô tả sơ sài về mặt tâm lý. Trừ bà Tú Hoa, bà Lan Phương, các anh Thanh Thủy, Dương Tro La, Ngọc Linh, Sĩ Trung chịu khó sáng tác, còn các tác giả kia thường phóng tác tiểu thuyết và phim ảnh ngoại quốc. Bà Tùng Long và anh Ngọc Sơn đa số phóng tác các loại truyện tiểu thuyết ba xu như *Nous Deux*, *Harlequin*. Anh Dương Hà phóng tác các danh phẩm của Emily Bronte, Margaret Mitchell, nhưng anh Dương lại giản lược những đoạn tả cảnh, tả tình, tả nhân sinh quan. Anh Nguyễn Ngọc Mẫn phóng tác theo các cuốn phim Ý-đại-lợi thuộc loại thương mại nổi tiếng ăn khách trong hai thập niên 40, 50 với các tài to Âu Châu hạng B vang danh như Marta Toren, Gianna Maria Canale, Eleonora Drossi Drago, Yvonne Sanson, Nadia Gray... (nữ), Amedéo Nazzari, Ettore Manni, Jacques Sernas, Pierre Croisoy... (nam). Anh Trọng Nguyên phóng tác các cuốn phim Tàu được hãng Việt Hoa Văn Hóa Hợp Tác Công Ty Điện ảnh lồng tiếng hoặc các cuốn Tàu phim do hãng Mỹ Vân và hãng Mỹ Phương chuyển âm. Đó là các cuốn phim gây tên tuổi chói rục của các tài to Vương Nguyên Long, Vương Hảo, Nghiêm Tuấn, Hoàng Hà, Bình Phàm, Trương Anh, Trương Dương, Lôi Chấn, Triệu Lôi, Tăng Giang... (nam), Lý Lệ Hoa, Bạch Quang, Lý Mi, Trần Vân Thường, Hồng Tuyền Nữ, Tô Thu, Lưu Kỳ, Lưu Luyến, Âu Dương Sa Phi, Bạch Dương, Hạ Mộng, Cát Lan, Trần Quyên, Trương Trọng Văn... (nữ). Độc giả không tìm được trong tác phẩm các nhà văn Trọng Nguyên, Nguyễn Ngọc Mẫn, Dương Hà, Ngọc Sơn và bà Tùng Long một cảnh sông linh động nào, một quan niệm sống nào mới mẻ, tươi rói. Do đó chúng ta thành những tác phẩm dành cho quần chúng giải trí để rồi họ quên long trong các cuộc mưu sinh phồn tạp.

Miền Nam vào thời chiến tranh Đông Dương có 3 nữ tiểu thuyết gia, nổi tiếng nhất là bà Tú Hoa, bà Tùng Long và bà Lan Phương. Bà Tú Hoa trước đó, vào thời tiền chiến đã đoạt giải Tự Lực Văn Đoàn qua cuốn tiểu thuyết "Bóng Mơ". Sau đó, bà viết thêm vài cuốn tiểu thuyết nữa cũng khá ăn khách, tuy nhiên không hiểu sao bắt đầu từ năm 1964, bà ngưng viết luôn. Rồi đó, vào thua cuộc chiến tranh Đông Dương bùng nổ, sự xuất hiện của bà Tùng Long (gốc người Quảng Nam, nhưng sinh sống lâu năm trong Nam) qua các quyển "Lầu Tỉnh Mộng", "Nhị Lan", "Giang Sơn Nhà Chồng" gây náo nhiệt trong quần chúng thuộc giai cấp trung lưu Nam Kỳ hơn. Nhưng bà Tùng Long vốn ưa văn dĩ tải đạo hơi nhiều, làm cô giáo bất kỳ khi viết tác phẩm nào nên thét rồi độc giả hơi nhàm. Đúng lúc đó tên tuổi bà Lan Phương vụt sáng lên. Bà viết rất có ý thức, các nhân vật bà rất người, có tánh tốt trà trộn tánh xấu. Đặc biệt nhất bà viết về tánh ghen tương ganh ghét của đàn bà thiên hình vạn trạng nên văn chương bà rất hấp dẫn. Còn cô Hoàng thị Như Mai qua quyển "Hai Dòng Con", cô Thanh Tùng vốn là tác giả các quyển "Sống Trên Nhung Lụa" và "Một Tâm Hồn Trong Sương Lạnh", Tô Hằng Nữ Sĩ với quyển "Ái Tình và Sắc Đẹp" đều không không phải là đào chính cống, mà là thứ đào lộn hột, chu choa oi, lộn tới hai hột, trời ạ. Cho nên trong một sớm một chiều họ chuồn êm ra khỏi làng văn

trận bút. Cũng như các nhà văn Ngọc Sơn, Thanh Thủy, Dương Hà, Trọng Nguyên, hay nhóm nhà văn vào thua Nam Bộ Kháng Chiến, ba nữ sĩ Tú Hoa, Tùng Long, Lan Phương viết văn bằng giọng văn Bắc Nam pha trộn, nhưng rất mềm dịu du dương với ngôn ngữ dân đô thị lúc viết nhật ký hay lúc viết thư tâm sự hay thư tình. Thế có nghĩa dù viết văn không có chêm những tiếng nhi, nhé, ư, ạ, eo oi, thảo nào, thế à... nhưng ngôn ngữ được xo dựng rất trung tính (neutre), không phảng phất sương khói ngôn ngữ Bắc Kỳ, không vết điêu khắc giọng văn Huế, không đậm đặc ngôn ngữ Nam Kỳ.

Tiểu thuyết của Bình Nguyên Lộc không kén độc giả bao giờ. Văn phong anh dí dỏm, tương đối khá Nam Kỳ (thứ ngôn ngữ Nam Kỳ a đô thị). Ý tình anh trong sáng, ít có dấu vết khách sáo qua nét thù thừa chạm khắc; thế có nghĩa là ý tình trong các tác phẩm của anh xuề xòa, bộc trực được diễn tả bằng thứ ngôn ngữ tượng thanh lẫn tượng hình. Cái cái ma khả ái đó, chúng ta có thể thấy trong truyện ngắn "Ba Con Cáo", ở cảnh nhà cửa lần vào đất nghĩa trang.

Người sống còn biết đau lòng khi phải dẫm lên những gò mả còn mới rành rành (nhiều mộ bia thánh giá đề năm chôn 1951) nhưng ác thay, họ cũng biết lạnh. Cho nên họ cất nhà trên những nấm đất ấy, nhưng người chết thứ lỗi, miễn là có chỗ núp mưa, thế thôi.

Không bao giờ kẻ sống và người chết lại sát cánh nhau đến thế. Ông đã chết rồi, ông choán đất làm chi cho nhiều, trong khi tôi không có một vuông đất nhỏ mà cắm cột gỗ, vậy ông thứ lỗi nhé. Rồi ngày sau tôi hoàn đất lại cho ông vậy mà; trần gian này chỉ là cõi tạm thôi, tranh nhau làm gì.

Ở truyện ngắn "Rung Cây Dừa", những hình ảnh đặc sắc được tác giả vẽ từng nét rõ vào ấn tượng độc giả:

Giữa những cù lao trong quần đảo Củ Tron là những vuông biển nhỏ im lặng như mặt hồ. Bơi xuồng trên bao nhiêu là hồ ấy, đi từ đảo này qua đảo kia là một thú vui vô song nhắc nhủ người xưa chu du năm hồ bốn biển, cảnh Từ Thức chèo thuyền chợt gặp Đào nguyên.

Nhút là những hòn đảo này là những hòn non bộ thiên nhiên mà trong đất liền, nghe nói, ai cũng thèm nhều nước miếng.

Đảo đá vôi lồi lõm những gộp đá hình thù kỳ dị, những hang non hiểm hóc và những động là là mặt nước trong như coa động Đào; gộp đá vôi thì mỗi gộp mỗi màu, trên ấy mọc lên những lùm cây mà hình dáng cằn cỗi như cổ thụ, và tất cả soi bóng in hình một cách trung thành, đầu lộn ngược, trên mặt biển đang nhạt màu trời và phẳng như gương.

Văn phong, bút pháp tượng thanh của Bình Nguyên Lộc có thể được thể hiện ? trang đầu truyện ngắn "Lầu 3 Phòng 7":

Uc...uc...uc... uột...

Quỳnh vội bật lỗ tai lại. Chàng rất sợ tiếng nước a bồn roa mặt của phòng bên cạnh. Nó kêu như ai ăn phải của khó tiêu, bị sôi ruột kêu ột ột. Đáng ghê nhứt là cái tiếng "uột" sau cùng, kéo dài bất tận.

Ở đây có những tiếng động khiếm nhã khác nữa. Đó là tiếng đế giày nện lên gạch, tiếng nước cầu xí, tiếng đồn vĩ cầm của ai mới học kéo ọ ẹ suốt ngày.

Trong sự nghiệp văn chương của Bình Nguyên Lộc gồm các truyện ngắn lẫn truyện dài của anh, ngoài việc phân tích tình đời và tâm trạng các nhân vật thì văn phong anh cũng chỉ tung hoành ngoạn mục a hình thức ngoài 3 đặc tánh ấy mà thôi.

Bối cảnh, khí hậu trong đa số tác phẩm của Bình Nguyên Lộc, phần nhiều khác biệt với bối cảnh và khí hậu trong các tác phẩm của Sơn Nam. Trừ truyện ngắn "Rừng Mắm" và truyện ngắn "Rung Cây Dừa" thì hầu hết truyện dài lẫn truyện ngắn khác của Bình Nguyên Lộc đều lấy bối cảnh a Biên Hòa, Bình Dương, Lái Thiêu, Tân Uyên, Đất Bái, tức là miền Đông Bắc của thủ đô Sài Gòn. Còn Sơn Nam thì lấy bối cảnh miệt Cực Nam đất nước như Chắc Băng, Cà Mau, U Minh Thượng, U Minh Hạ (các cuốn "Hương Rừng Cà Mau", "Hai Cõi U Minh", "Vọc Nước Giỡn Trăng"), hoặc lấy bối cảnh a chốn hải giác thiên nhai từ mũi Cà Mau trông ra biển như cuốn "Vạch Một Chân Trời", cuốn "Bà Chúa Hòn".

Những truyện ngắn viết về quê hương đất nước trong quyển "Hương Rừng Cà Mau" của Sơn Nam đều hay, quan niệm sống của tác giả được gán vào miệng của lớp người khai hoang khẩn đất đều cập nhân tình, vốn sống của tác giả rất phong phú. Nhưng truyện ngắn "Rừng Mắm" của Bình Nguyên Lộc dĩ nhiên đấu thua các truyện ngắn ấy về tài liệu sống, thua những cái kỳ bí lạ lùng a trên vùng đất Hậu Giang. Nhưng nó trội hơn a chỗ gọi cho chúng ta niềm ngậm ngùi thương cảm về đức hy sinh cao cả của lớp người tiên phong tìm đất mới, a cái dũng mãnh kiên cường của chí khí dân tộc, a niềm tin rục rờ của lớp hậu sinh về đất nước mai sau nổi thêm chiều dài trên biển Nam Hải. Nhân vật chánh là cậu trai mới lớn tên Cộc sống với ông nội và tía má cậu a rạch Ô Heo, một vùng cùng thôn tuyệt tái của đất Nam Kỳ. Trước khi vào truyện, họ đã đến đây khẩn đất. Cộc lớn lên, đang lúc thể chất phát triển vì lao tác nên thèm ăn chè và thèm được bậu bạn với một cô gái trang lứa. Nhưng đất a đây chưa thể trông mía được nên không có ai làm ra đường. Lại không có gia đình lân cận nào nên không có một cô gái trang lứa với cậu nên cậu muốn bỏ đi tìm vùng thổ ngơi nào có chè lẫn có gái. Cậu thấy cây mắm mọc lơ thơ ven biển cho rằng đó là thứ cây vô tích sự, cho nên ông nội cậu giải bày như sau:

-- Bờ biển này mỗi năm được phù sa bồi thêm cho rộng ra bằng mấy ngàn thước. Phù sa là đất mềm lũng và không bao giờ thành đất thịt được để ta hương, nếu không có rừng mắm mọc trên đó cho chắc đất. Một khi kia mắm sẽ ngã rạp. Giống trầm lại nổi ngôi nó. Rồi sau mấy đời trầm, đất thuần, cây ăn trái mới mọc được.

Thấy thằng cháu nội ngờ ngác chưa hiểu, ông cụ vịn vai nó mà tiếp:

-- Ông với lại tía con là cây mắm, chơn giẫm trong bùn. Đời con là đời trầm,

chơn vẫn còn lấm bùn chút ít, nhưng đất đã gần thuần rồi. Con cháu của con sẽ là xoài, mít, dừa, cau.

Đời lắm tuy vô ích, nhưng không uổng, như lính ngoài mặt trận vậy mà. Họ ngã gục cho kẻ khác là con cháu họ huang.

Con, con sắp được huang rồi, sao muốn bỏ mà đi. Vả lại con không thích hy sanh chút ít cho con cháu của con huang hay sao?

Trước năm 1975, đa số truyện dài của Bình Nguyên Lộc đều lấy bối cảnh ở đô thị. Còn Sơn Nam có cuốn "Hình Bóng Cũ" chỉ lấy bối cảnh đô thị ở phần chót, còn hai phần đầu lấy bối cảnh ở miền quê đất nước Hậu Giang. Nhưng riêng quyển "Chim Quyên Xuống Đất" thì lấy hoàn toàn cảnh đô thị để dựng nên cái phong cho sự diễn biến câu chuyện. Rất tiếc, các phê bình gia, các học giả chỉ ca tụng quyển "Hương Rừng Cà Mau" của anh mà bỏ rơi hai kiệt tác phẩm ấy. Chính ở hai quyển này, Sơn Nam mới bùng trở cái tài hoa dựng truyện và thần trí sáng tạo của mình a những chất liệu dựng truyện không đặc sắc. Ở đây, độc giả mới thương cảm lớp thanh niên bỏ học để tham gia vào lịch sử trong cuộc chống Pháp. Rồi sau Hiệp Định Genève, họ sống bơ vơ lạc loài vì lỡ vận ở Miền Nam Việt Nam bằng nghề cầm bút; cuộc mưu sinh không lóe lên một viễn ảnh tươi sáng, một tương lai đảm bảo nào. Họ ngơ ngác trước cuộc đời dâu bể, trước khúc quanh lịch sử, trước thế sự thăng trầm. Hai cuốn này vẫn là hai cột trụ trong văn nghiệp của Sơn Nam, ăn đứt các truyện dài của Bình Nguyên Lộc. Vì sao? Những tác phẩm truyện dài của Bình Nguyên Lộc đa số là truyện tâm lý ái tình, không phản ánh đến biến chuyển của thời cuộc, của thế hệ lớp người trưởng thành trong cuộc chiến tranh Đông Dương giữa Pháp và Việt Minh, không vẽ được các bức tranh xã hội trong các thập niên 50, 60 và 70. Ngoài ra, nhân vật chính trong hai quyển truyện dài của Sơn Nam bị guồng máy vận mệnh tổ quốc đẩy đưa vào cảnh ngộ thương tâm, lỡ khóc lỡ cười; trong khi đó những nhân vật của Bình Nguyên Lộc có nếp sống vật chất đầy đủ hơn, nên tâm cảnh của họ không bị xáo trộn nhiều về các tấn thảm kịch trong cuộc sinh hoạt chung quanh họ. Điều dễ hiểu là Sơn Nam đã tham gia vào cuộc kháng chiến chống Pháp, có lý tưang về quốc gia dân tộc. Dù anh lầm đường lạc lối theo bọn Việt Minh, dù lý tưang anh có đặt sai chỗ chẳng nữa, nhưng cuộc đời lặn lội của anh bao năm a khu 9 (một mặt khu vùng Hậu Giang của bọn Việt Minh) cũng tạo cho anh nhiều cơ hội sống chung với dân quê, sống trong vùng tân bồi miền Cực Nam đất nước. Anh có thể suy nghĩ nhiều những điều mà những kẻ có cuộc sống an phận thủ thường a đô thị trong đó có Bình nguyên Lộc không có điều kiện lần cơ hội nghĩ ra.

Chọn đô thị làm bối cảnh cho truyện ngắn, Bình Nguyên Lộc thêm một lần nữa thành công về phương diện nghệ thuật ở truyện ngắn "Ba Con Cáo". Đây là câu chuyện xảy ra tại nghĩa trang hoang vu, có nhiều vại kẻ lác đác cát chồi là để cư ngụ. Trong số đó có một người đàn ông trốn pháp luật, một a gái điếm trốn lính kiểm tực. Đó là hai con cáo theo nghĩa bóng vì họ khôn lanh quỷ quyệt, cái quỷ quyệt đó do xã hội và hoàn cảnh phong trần dày dạn của họ tạo ra. Kẻ thứ ba là con cáo thứ thật,

chuyên bắt gà vịt trong xóm và đào hang ở gần chỗ của hấn ta trú ngụ. Vì ở chỗ tha ma mộ địa, hấn ta và y thị tỏ bày tâm sự với nhau. Còn con cáo vì được hấn ta đuổi chó săn để cứu sống nên nó tỏ ra thân thiện với họ. Nhưng họ không dám chui ra khỏi nghĩa trang để kiếm sống. Quá đói lòng, hấn ta giết con cáo thú thiết để cùng y thị đỡ dạ. Nhưng rồi vì không đào ra được cái ăn, cho nên y thị đi tố cáo hấn để nhận tiền thù?ng. Tuy nhiên, khi y thị tra về trở lại một mình tại nghĩa trang, nhìn chỗ cả hai nằm thức thâu đêm để tâm sự với nhau, y thị bỗng cảm thấy không khí sao mà quá quanh quẽ thế lương. Cùng lúc đó, thiên lương trong sáng tra về với y thị:

Chị ôm mặt khóc òa, rồi lảo bầm van vái làm thầm:

-- Trời Phật ơi, Chúa ơi, tha tội cho tôi, ngày mai tôi ra khỏi chỗ này và ra khỏi vực đen của đời tôi nữa.

Gặp phút xuất thần Bình Nguyên Lộc viết khá nhiều truyện ngắn tuy không bằng "Rừng Mắm" và "Ba Con Cáo", nhưng rất chứa chan tình người và thấp sáng thiên lương nhân loại và niềm tin yêu đối với cuộc đời. Như tôi đã nói, anh thành công về truyện ngắn hơn thành công ở truyện dài. Nhưng chính những truyện dài tâm lý ái tình của anh dù có giảm thiểu phẩm chất nghệ thuật ít nhiều, nhưng chúng lại hợp với cảm quan của giới độc giả thích dùng văn chương để giải trí; bai đó mà chúng được họ ái mộ nồng nhiệt. Cho nên bất cứ quyển truyện dài nào của anh dù chưa được xuất bản mà chỉ được đăng từng ngày trên nhật báo cũng thu hút độc giả mãnh liệt. Cho đến nỗi dân ở Lục Tỉnh mỗi ngày phải ra bến xe đò, đợi xe cha báo về, chộp lấy bào nào có đăng truyện theo thể thức feuilleton của Bình nguyên Lộc đọc trước cho sốt dẻo, trước khi đọc các tiết mục khác.

Như thế, Sơn Nam chỉ khua động trên văn đàn và thấp sáng niềm ái mộ của giới sành điệu trong khi đó Bình Nguyên Lộc được mọi giới nhiệt thành ủng hộ và chiêm ngưỡng.

Kể từ tháng 7 năm 1987 tôi viết bài "Tổng Quan Về Sự Nghiệp Văn Chương của Bình Nguyên Lộc" cho tới nay (vào cuối tháng 8 dương lịch năm 2007) thì đã hơn hai mươi năm trôi qua. Nhìn trước ngoảnh sau, tôi nhận thấy một điều: về phương diện sáng tác, Bình Nguyên Lộc được nhắc nh? nhiều qua truyện dài "Đò Dọc" cùng hai truyện ngắn "Rừng Mắm" và "Ba Con Cáo". Nhưng "Đò Dọc" thật sự chưa phải là cái tinh túy trong số lượng phồn thịnh của tác phẩm anh. Nó chỉ là một chai lọ thủy tinh được Giải thưởng Văn Chương Nghệ Thuật Toàn Quốc như ánh mặt trời soi rọi đến nên mới chiếu sáng hơn các truyện dài khác được tượng trưng qua các món ngoạn hảo bằng pha lê quý giá hơn. Tập truyện "Nhốt Gió" của anh là con chim én báo tin xuân. Còn tập truyện "Ký Thác" trong đó có hai truyện ngắn "Rừng Mắm" và "Ba Con Cáo" mới là mùa xuân huy hoàng thật sự trong văn chương của anh. Hơn thế nữa, "Rừng Mắm" đã là một nén nhang tạ ơn công lao người dựng đất, làm cho lớp hậu sinh chúng ta cảm khái hơn.

Bình Nguyên Lộc viết văn bằng cái trong sáng của thiên lương. Anh không làm dáng trong bút pháp và văn phong nhiều (trừ những cuộc đối thoại của những kẻ tân học). Anh không muốn bày trò rắc rối tối tăm trong cách cấu trúc tác phẩm và cách dàn xếp nội dung của nó. Cho nên anh không cho độc giả có thời giờ và cơ hội để suy nghiệm những gì anh viết. Anh cứ phóng bút tới tấp một cách thống khoái. Anh cứ giải thích tuồn tuột và xôn xao những điều ẩn mật của tác phẩm mình. Anh không cho độc giả tìm gặp cái ý tình thâm trầm cần phải có của một cây bút có ý thức về thâm mỹ. Anh không tạo được cái menh mông thăm thẳm của câu truyện. Điều này, anh chứng tỏ cái tánh hồn nhiên khả ái của người Nam Kỳ nói chung, cái bộc trực của đa số cây bút gốc Nam Kỳ nói riêng.

Lại nữa trong ba tập truyện "Mưa Thu Nhớ Tầm", "Tình Đất" và "Cuống Rún Chưa Lìa", Bình Nguyên Lộc cứ kêu gào nỗi nhớ quê, cứ ó ré tình quê cha đất tổ. Sự khơi dậy cảm xúc bị nhiều lượt lăm phen đem ra triển lãm trưng bày một cách suồng sã hớ hênh như thế đã lần hồi nếu không làm tắt nghẽn thì cũng chận ngăn ít nhiều mạch cảm xúc của độc giả đi. Nếu anh bỏ bớt cái tánh chất nông nản đến chỗ sa đà thái quá của người Nam Kỳ đi thì sự truyền cảm sâu đậm hơn, thấm đượm hơn.

Trong cuốn "Văn học Miền Nam Tổng Quan", Võ Phiến có viết: Cá tính văn học miền Nam là điều không thể phủ nhận, và nó rất hấp dẫn. Sự phát huy bản sắc miền Nam là một đóng góp thật quan trọng vào nền văn học Việt Nam. Đâu có phải chuyện gì xấu xa đâu mà vội khóa lấp.

Về sắc thái đặc biệt, điều nhận thấy trước nhất là những từ ngữ địa phương, những cách nói riêng của địa phương. Từ ngữ riêng của miền Nam thật nhiều, càng ngày càng lộ ra nhiều. Trước 1954, dĩ nhiên nó vẫn phong phú, nhưng nó không hay xuất hiện trên sách báo, thậm chí trong tự điển là nơi lẽ ra phải tập trung đầy đủ tiếng nói dân tộc, cũng không có được bao nhiêu tiếng địa phương miền Nam. Lúc bấy giờ địa vị của tiếng nói miền Nam hãy còn khiêm tốn, ngay những học giả người miền Nam vẫn còn ngần ngại chưa muốn đưa những tiếng cả tàn, cả ràn, chiếc nóp, lục cụ v.v... vào sách. Sau này mỗi lúc các ông Bình Nguyên Lộc, Lê Xuyên mới trình ra, tuồn vô số, chừng ấy mới biết là chúng ta còn có cả một kho vô tận chữ nghĩa mấy trăm năm chưa xài đến! Chuyện đó thì "mắc mớ" gì tới tui? Tui thì "kể số" gì? Tui có ăn nhậu gì "trông" đâu nà? Ôi nghe lạ mà vui biết bao nhiêu!

Vào thời tiền chiến, trong các nhà văn nhà thơ gốc miền Nam đã chối bỏ ngôn ngữ miền Nam như Đông Hồ, Mộng Tuyết thì đã có Nguyễn Chách Sắt, Lê Hoàng Muru (bút hiệu Mộng Huê Lầu), Hồ Biểu Chánh. Lại thêm một vương tôn gốc Huế là Nguyễn Phúc B?u Đình vì sống trong Nam đã lâu và lấy vợ người tỉnh Gò Công nên khi viết hai quyển "Cậu Tám Lọ" và "Mảnh Trăng Thu" bằng giọng Nam và ngôn ngữ miền Nam đặc sệt. Hồ Biểu Chánh là một tiếng nói lạc lõng, lẻ loi ở ngoài lề văn học sử, tác phẩm của ông chỉ được giới bình dân ở miền Nam đọc mà thôi. Nhưng nhà phê bình Vũ Ngọc Phan là người sáng suốt. Khi thực hiện bộ sách "Nhà

Văn Hiện Đại" liền dành cho Hồ tiên sinh một chương khá tỉ mỉ với lời nhận xét ưu ái qua cuốn "Cha Con Nghĩa Nặng". Trong khi đó, ông Vũ gặt những bài du ký của Đông Hồ, những bài tùy bút của bà Mộng Tuyết và bà Mai Huỳnh Hoa (lấy bút hiệu Quỳnh Hoa) qua một bên. Có lẽ Vũ tiên bối bị dị ứng với lối ăn điệu đà thêu hoa dệt gấm của họ chăng? Bà Quỳnh Hoa là cháu kêu nhà chí sĩ Nguyễn Đình Chiểu bằng ông cố, kêu nữ sĩ Sương Nguyệt Anh bằng bà ngoại. Bà là vợ nhà cách mạng Đệ tứ Cộng Sản Phan văn Hùm và cũng là mẹ ruột của kịch tác gia Phan Tùng Mai.

Phải đợi đến sự xuất hiện của Bình Nguyên Lộc trên văn đàn, thì giọng văn miền Nam, ngôn ngữ miền Nam mới được chiếu cố khá nồng nhiệt. Nồng độ nhiệt thành càng tăng thêm qua các tác phẩm của Sơn Nam và của nhà văn nữ Vân Trang tác giả tập truyện "Một Lá Thư Tình"). Bà Vân Trang vào năm 1957 tới năm 1965 là một cộng tác viên cần mẫn trong ban biên tập của tạp san Bách Khoa, Mai. Đến khi có sự xuất hiện của Lê Xuyên trên các nhật báo, qua loạt tiểu thuyết đăng từng ngày như "Vợ Thầy Hương", "Chú Tư Cầu", "Rặng Trâm Bầu", "Kinh Cầu Muống", "Xinh", "Nguyệt Đồng Xoài" v.v... thì ngôn ngữ miền Nam được đương sự khai thác sung mãn và lòng lầy. Trong nhóm nhà văn trẻ a bán thập niên cuối của thập niên 60, chỉ có Nguyễn thị Thụy Vũ gốc miền Nam viết văn miền Nam khá tới. Trong khi đó, Triệu Triệu, Tiêu Kim Thủy, Hàn Song Thanh, Dương Tro La, Trương Đạm Thủy, Hoài Điệp To, Phương Triều thì viết văn theo kiểu Bắc Nam lẫn lộn, rau muống trộn giá sống, mắm tôm pha mắm sắt.

Vậy thì Hồ Biểu Chánh là kẻ làm cho độc giả bắt đầu yêu thích lối viết văn miền Nam, nhưng phải đợi 20, 30 năm sau, chính Bình Nguyên Lộc không cần mang cờ quạt, biểu ngữ, nhưng vẫn làm cuộc hành trình vào ngôn ngữ miền Nam, gây nhiều tiếng vang tốt đẹp và gieo niềm tin cho người cầm bút miền Nam để viết văn bằng ngôn ngữ, bằng giọng điệu miền Nam.

Vậy thì hẳn nói tới ngôn ngữ và văn chương miền Nam là phải nghĩ ngay tới Bình Nguyên Lộc cũng như nói tới sông thì phải nghĩ ngay tới nước: Bình Nguyên Lộc là sông, cõi văn chương miền Nam là nước vậy.

Bình Nguyên Lộc suốt 20 năm văn học miền Nam (1954 - 1975) đã lôi kéo (bằng ảnh hưởng của văn chương anh) một số người cầm bút miền Nam viết văn rạch giọng điệu và ngôn ngữ miền Nam như Sơn Nam, Lê Xuyên, Huyền Phong Tử (tác giả quyển tiểu thuyết "Ông Xã Hòa"), hai bà Vân Trang và Nguyễn thị Thụy Vũ. Anh còn quyến rũ nhiều nhà văn gốc Bắc như Nguyễn Hoạt, Vũ Bằng, Thanh Tâm Tuyền, Nhật Tiến, Viên Linh, Nguyễn Thụy Long, những nhà văn gốc Trung như Võ Phiến, Nguyễn văn Xuân, Phan Du viết văn theo phong cách văn miền Nam. Trong số này thì có Võ Phiến, Thanh Tâm Tuyền, Viên Linh và Phạm Hồ viết rất vững vàng. Còn những người khác thì viết ba trật bốn vuột, nhưng cũng tếu đậm như các cây bút Nam Kỳ chính cống, cũng toát ra cái phong thái hào sảng, cái vẻ phơi phới thật quyến rũ. Thật tình, Bình Nguyên Lộc không bao giờ cổ võ, hô hào ngôn ngữ miền Nam gì ráo. Anh cũng chẳng xúi giục, dụ dỗ ai hết. Nhưng văn chương

miền Nam dưới ngòi bút anh và nhất là của Lê Xuyên rất tượng hình, tượng thanh, duyên dáng lạ kỳ, dễ thương độc đáo dễ lôi cuốn các cây bút miền Bắc có lòng với ngôn ngữ miền Nam.

Trong cuốn "Văn học Miền Nam tổng quan", nhà văn Võ Phiến có viết:
... Có thể nói tất cả sáng tác của Bình Nguyên Lộc, Ngọc Linh, Sơn Nam, Vũ Bình, Nguyễn thị Thụy Vũ đều chú trọng vào nếp sống, vào xã hội, phong tục miền Nam. Và đó là cả một lãnh vực tận kỳ phong phú. Chúng ta đã có miền Nam từ ba trăm năm, nhưng người Việt miền Bắc miền Trung mấy ai biết về đời sống trong Nam trước "Rừng Mắm" của Bình Nguyên Lộc, "Hương Rừng Cà Mau" của Sơn Nam. Những sáng tác như thế ma ra trước con mắt của đồng bào khắp nước một thế giới vừa thân yêu, vừa mới lạ biết chừng nào. (trang 32)

Viết về đất nước miền Nam, bằng ngôn ngữ văn chương miền Nam, Bình Nguyên Lộc lẫn Sơn Nam viết bằng cả tâm tư. Động lực nào thúc đẩy họ? Hãy nghe Võ Phiến cũng trong cuốn "Văn Học Miền Nam Tổng Quan" phân trần như sau:

... Nhất là những tác giả như Bình Nguyên Lộc như Sơn Nam, vốn tha thiết với quê hương rất mực. Một vị "chuyên trị" miền Đông, một vị "chuyên trị" miền Tây, một vị chiếm lĩnh Tiền Giang, một vị Hậu Giang, họ đi sâu vào cuộc sống, vào lịch sử địa phương, phát huy cái hay cái lạ làm cho miền Nam càng ngày càng bày ra những cái quyến rũ không ngờ. Những "Đò Dọc", "Rừng Mắm", "Ba Con Cáo", "Hương Rừng Cà Mau", "Thổ Ngòi Đồng Nai", "Tìm Hiểu Đất Hậu Giang" v.v... của họ đã hay, sa dĩ càng hay là vì sự thương thức đầy cảm tính và khích lệ của đồng nghiệp Trung và Bắc... (trang 34)

Cuộc nội chiến Quốc Cộng đã giới hạn tầm mắt của thị dân, đã đưa một số trang giả chốn hương thôn ra định cư ở các thành phố, đã đóng khung cũi văn chương đa số người cầm bút. Những nhà văn trang lứa với bút giả như Trần Hoài Thư, Y Uyên, Nguyên Vũ chỉ viết thôn quê qua các bối cảnh tiền đồn, những vùng xôi đậu, những nơi có xảy ra các cuộc hành quân, các cuộc chạm súng. Cái thôn quen thuộc bị "chiến tranh hóa", bị "thời cuộc hóa" nên mất mát nhiều bản sắc nguyên sơ. Chỉ có những người cùng lớp thế hệ với Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam, Lê Xuyên và có óc quan sát tinh nhuệ và có rung cảm sâu sắc như họ mới viết được cảnh hương thôn trên dải đất Nam Kỳ Lục Tỉnh vào thua cự trào và nhất là vào thời tiền chiến mà thôi.

Những lớp nhà văn hậu sinh của Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam và Lê Xuyên tức là những người gốc miền Nam thì chỉ có Xuân Vũ, Hồ Trường An là có thể lấy bối cảnh vào thời tiền chiến. Vào thời tiền chiến, Xuân Vũ đã là một cậu trai mới lớn, trí óc có thể thu nhận những gì mà mắt thấy tai nghe đang hoạt diễn trước mắt. Hồ Trường An phải cậy nhờ sách vở, những câu chuyện kể của các bậc trưởng thượng vì vào năm 1945 khi ngòi loa chiến tranh vừa ngùn cháy toàn cõi Đông Dương thì đương sự chỉ có 5 tuổi. Nhưng khi vừa vào trung học, đương sự ham học hỏi ở các nông dân lão thành, ở các khách thương hồ lịch duyệt, nhất lại nhờ ông thân sinh

Mặc Khải mà đương sự biết mọi cơ cấu hành chánh trong làng. Thua ấy trong mỗi làng có ban Hương Chức Hội Tề gồm 12 hai vị: Hương cả, hương chủ, hương sư, hương trang, hương chánh, hương giáo, hương bộ, xã trưởng, hương quản, hương thân, hương hào và chánh lục bộ. Các ông kỳ lão từ hương cả cho tới hương chánh là đại biểu tiếng nói của dân chúng trong làng. Họ chủ tọa các buổi lễ cúng đình, cùng lễ kỳ yên (tức là lễ cầu an). Còn hương giáo thì phân xử việc kiện cáo nhỏ nhỏ xảy ra trong làng, trong xã, trong xóm. Hương quản coi việc an ninh. Chánh lục bộ coi sổ hộ tịch: làm khai sanh, làm giấy khai to v.v... cho dân làng, trước khi di chuyển công văn ra tổng, huyện, phủ, tỉnh. Lại có thêm thầy thôn chuyên lo việc công nho (tức là ngân khoản tài chánh trong ban Hương Chức Hội Tề). Ngoài ra, ban này cất đặt thêm các ông hương nhứt, hương nhì, hương việc để lo sắp đặt trà rượu, tiệc tùng khi có quan trên tới viếng. Ông hương kiêm chuyên kiểm kê tài sản, ruộng vườn của làng, rồi giao tiền thu hoạch cho thầy thôn. Ông hương cúng chuyên việc mua sắm thực phẩm để dọn tiệc cúng đình, cúng lễ kỳ yên: mua vài con heo để quay và nấu cháo lòng, mua nếp để dọn hàng chục mâm xôi. Ngoài ra ông ta còn lựa hàng chục chình rươi và hàng chục thứ linh tinh khác cho chú hương bếp điều khiển các phụ nữ trong làng nấu nướng.

Làng thôn thời tiền chiến bước sang thời Đệ nhất Cộng Hòa biến thành xã ấp. Còn ban Hương Chức Hội Tề biến thành Hội Đồng Xã. Vào thời Đệ nhị Cộng Hòa, trên các tuyến đường quốc lộ, hương lộ, các chòi canh thay thế đồn bót Nghĩa quân. Các quận có chi y tế, chi Thông Tin, chi bưu điện. Duy đình làng vẫn còn đó. Nhà việc làng dành cho ban Hương Chức Hội Tề trước kia thì giờ đây tra thanh trụ sa Hội Đồng Xã. Mỗi năm vẫn có lễ cúng đình, rước sắc thần từ nhà việc làng qua đình bằng kiệu bông có hương án long trọng.

Ở hải ngoại, các cây bút miền Nam viết truyện miền Nam như Nguyễn văn Sâm, Võ Kỳ Điền, Nguyễn Tấn Hưng, Nguyễn Đức Lập, Phan thị Trọng Tuyển, chỉ viết về cảnh sống ở tỉnh lỵ hoặc Thủ đô Sài Gòn. Nguyễn thị Ngọc Nhung có thể lặn sâu ngòi bút vào thời chiến tranh Đông Dương, chỉ viết về những cuộc xung đột giữa Hoà Hảo và Việt Minh dọc theo sông Hàm Luông. Kiệt Tấn viết cuốn truyện dài "Lớp Lớp Phù Sa" a miệt Hậu Giang, chỉ kể chuyện sa đà mà không viết nổi khung cảnh cuộc đất thâm phèn chua cùng con cá lá rau a đó. Ngô Nguyên Dũng viết về cuộc chiến tranh giữa Pháp và Việt Minh ở miền Tiền Giang đất nước Nam Kỳ mà không nói tới mặt trận Cao Hoà Bình (Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên). Bác sĩ Huỳnh Hữu Cữu viết về cảnh thôn quê khi còn thơ ấu, nhưng sự thu thập kiến thức về khung cảnh địa phương không được nhiều vì thua ấy, anh còn bé quá, óc quan sát chưa nẩy na. Nguyễn văn Ba qua cuốn "Làm Mai, Lảnh Nợ, Gác Cu, Cầm Châu" và Phùng Nhân qua truyện dài "Vàm Cả Cao" chỉ viết miền quê Tiền Giang vào hai thời Cộng Hòa. Trần Long Hồ với bộ trường giang "Dung Thân" nói về cuộc đời ? miệt Hậu Giang sau cơn quốc nạn 30/4/1975. Sĩ Liêm với hai tập truyện "Tình Nghĩa Thầy Trò", "Những Mảnh Đời Chắp Vá" thì viết về nếp sinh hoạt ở Thủ đô Sài Gòn

sau ngày Việt Cộng bạo chiếm miền Nam, đôi khi đương sự viết về miền quê ngoại của mình nằm bên sông Vàm Cỏ Tây.

Những kẻ sinh ra vào 5 năm chót của thập niên 30 tra về sau thật sự đánh mất thôn quê nguyên sơ, thuần túy hướng hồ là những nhà văn sinh vào thập niên 50. Dù không viết được một thôn quê tiền chiến, song ngôn ngữ miền Nam, văn chương theo giọng điệu miền Nam mà Bình Nguyên Lộc khai công dựng lại trên cái nền tảng của Hồ Biểu Chánh đã hướng dẫn các cây bút gốc miền Nam a hải ngoại kết thành một lực lượng hùng hậu. Xin kể thêm các nữ sĩ gốc Nam Kỳ Lục Tỉnh như Song Thi với tập bút "Đỗ Giác Đêm Dài", Hoàng Dục Thảo với quyển "Tiểu Thư", Hồng Lan với tập truyện "Như Khói Lam Buồn", Dư thị Diễm Buồn với các quyển tiểu thuyết "Chân Trời Hạnh Phúc", "Trong Lâu Đài Kỷ Niệm", "Xa Bến Thiên Đường", "Vén Màn Sương Mộng", "Ngoài Ngưỡng Cửa Chiêm Bao", "Một Góc Trời Thôn Dã".., Việt Dương Nhân với hai tập truyện "Gió Xoay Chiều" và "Đàn Chim Việt" v. v...

Đa số những kẻ viết về Bình Nguyên Lộc chỉ nói tới sự nghiệp văn chương và sự nghiệp biên khảo của anh rất nhiều, nhưng họ không nói tới (hoặc nói rất ít ảnh hưởng của anh trong công việc viết văn bằng giọng điệu ngôn ngữ miền Nam. Thật là một sự thiếu sót! Cái ảnh hưởng ấy vẫn còn theo chân một số người cầm bút gốc miền Nam di tản ra bốn phương trời hải ngoại. Văn chương của họ thao thức mãi trong cõi thương ngoạn của độc giả kiều bào đã từng sống ở Miền Nam Việt Nam từ sông Bến Hải tra vào (gồm người Bắc di cư và người Nam bản xứ). Văn chương ấy kéo dài mãi trong niềm khao khát những kẻ yêu mến một miền đất nước tự do dân chủ xa xưa, nơi ấy nồng ấm tình người, phong phú con cá lá rau, tràn đìa món ngọt ngọt bù bù thấm đượm quốc túy quốc hồn. Và có quá ngấm lấm hay không vì nó chỉ kéo dài trên 20 năm mà thôi?

Hồ Trường An



TRẦN HUYỀN NỮ

Đêm Và Em

bên ấy bây giờ mưa không anh
phương em từng giọt nhớ đông đầy
sương đọng thêm rêu anh có lạnh?
hay buồn ngơ ngẩn với cơn say

đêm dài lặng lẽ sầu nghiêng bóng
khắc khoải chờ nhau nửa vầng trăng
mắt buồn ai dõi trong cơn mộng
thoảng gió hiên ngoài như thở than

hai đầu cách biệt buồn trần trở
giấc ngủ bơ vơ dễ chẳng yên
thời gian như tan bao mảnh vỡ

cửa rách trái tim với muôn phiền

khuya sâu hun hút lặng không gian
trôi mãi về đâu áng mây buồn
có chở dùm ta đời cùng cạn
gửi về chôn ấy máu tim hồng....

mưa	mãi	mưa	hoài	mưa	không	dứt
mưa	ngoài	gió	táp	rất	mặt	da
mưa	trong	nhưng	nhức	lòng	đau	thắt
đông gió trong ngoài mưa bất kham						

vẫn biết gió mưa từ tâm bệnh
ân tình kỷ niệm gánh riêng mang.

Trần Huyền Nữ



VÕ THỊ ĐIỀM ĐẠM

Hai Má Con Nó

Đang lui cui nhỏ cỏ đám bắp đã bỏ hột mười ngày, cảm giác trề nặng, âm ẩm đau càng lúc càng rõ hơn. Cái đau thúc quặn đến càng lúc càng đều, càng nhật. Hồi sáng vừa húp xong tô cháo, cắn miếng khô cá nướng thơm ngon, cái đau thúc đến làm tay tôi rả rời. Từ đó cơn đau đến càng lúc càng đều đặn. Kinh nghiệm lần sanh Cái Phấn và Cu Nhân, tôi biết lần này Nó cũng đang cựa mình đòi ra khỏi cái khoảng bụng chật hẹp, tối um. Định bụng ra nhỏ cỏ cho đám bắp đến chừng nào hay chừng đó. Giờ thì chịu thua. Ráng ngắm những thân bắp non xanh đã vươn khỏi mặt đất, cao cũng được gang tay, mượt mà trông thật hứa hẹn, tay đỡ cái bụng trệ xuống, tôi có lê vô nhà. Chưa tới sân thì nước bọt chảy xuống xả. Tôi có cảm tưởng như hực chân,

mất thế đứng, sức nặng cả người tôi bỗng dưng không còn nữa. Tôi bò lại gốc cây mít, dựa lưng vô thân cây, bàn tay luồn xuống đáy quần, ráng mở rộng bàn tay đầy đất nâu đỏ, bùm cửa mình. Miệng thét to: " Nội ơi! ra phụ tui." Không ai ở nhà hết sao? Đầu óc lơ mờ, tay bùm, cố hết sức mình, tôi lê được đến cửa sau.

Thất lưng, quần bưng, tôi cắn răng. Nó không chờ được nữa rồi. Cái đầu tròn trồi ra. Tôi tụt quần, ngồi bệt xuống, lưng dựa vô vách lá. Dang rộng hai chân, hai tay kéo nhẹ cái đầu nhỏ như trái cam, lôi cả Nó ra. Tôi vội bóc lớp nhầy nhựa bao quanh người, quanh đầu Nó. Quẹt chùi bàn tay đầy đất vô ống quần, tôi thọc ngón tay đen vô miệng Nó, móc hết chất nhờn ra. Nó khóc thét lên. Vạch hai chân Nó, nhìn. Con gái mà to giọng! Cẩn thận luồn tay vô cửa mình, luồn sâu vô, tôi cố móc hết những gì có thể móc ra khỏi. Nếu còn sót lại là bình chết, người ta nói vậy. Bây giờ làm sao cắt dây nhao lòng thông đây? Hai chân tôi không đỡ nổi người tôi. Tay ôm Nó, hai cùi chỏ chống xuống đất, tôi trườn lại cái xềng ai để dựa vách nhà. Một tay ôm Nó, một tay với cái xềng, cằng xềng rơi mạnh xuống. May hồn! Cằng xềng không đập xuống đầu Nó. Cắt Nó ra khỏi dây nhao, tôi nhẹ nhõm. Cột thắt sợi dây nhao. Tôi cởi cánh áo vải nylon bụi bặm đang mặc, bao Nó lại. Nhìn kỹ. Con này chắc trắng trẻo đây, da đỏ hồng. Lại một điều là khi tôi bao tấm áo quanh người nó thì nó khóc thét lên. Bỏ tấm áo ra thì im re. Tôi đưa vú cho Nó bú. Con này coi háo ăn quá! Miệng Nó chom chóp, nút không kịp thở. Sang qua vú bên kia, hai mẹ con thiếp dần dưới nắng trưa đang lên dần phía sau rặng núi xa xa.

Bà nội tui nhỏ nấu nước tắm cho nó và rửa mình tôi. Con này khó chịu! Tắm mà khóc la đỏ cả người. Tôi sót ruột, đành tắm Nó. Da Nó sao lạ quá! Đỏ hồng cả người, đụng tới đâu, khóc tới đó. Tắm lè lẹ, lấy cái khăn lông lau cho Nó, mặc cái áo vải của Cái Phấn tôi để dành từ khi thằng Cu Nhân biết lẫy. Nó dẫy, Nó thét. "Thôi thì cho mày ở trần ở trường khỏi tốn tiền quần tiền áo!" Tôi bực mình rửa Nó. Từ đó, tôi không thiết tha đến chuyện tắm rửa thường xuyên cho Nó. Cả tháng trời tôi mới nhớ ra, mang Nó thau nước. Mấy đứa khác, mỗi lần tắm thì quơ tay quơ chân vui thích, còn con này, Nó dẫy ngược mỗi lần tôi lấy cái gáo xối nước lạnh lên người Nó, khóc thét. Chà xa bông vô tay cho nổi bọt, tôi thoa vô người Nó. Nó lại thét to. Bực mình, tôi xối nước lên người Nó, xối luôn một gáo lên đầu. "Cho mày khỏi la, con cóc ở dơ!" Tôi rửa Nó, đặt Nó lên tấm chiếu trong nhà, không quần không áo, nắng gió làm khô người Nó. Không hiểu sao tôi lại kêu Nó là "con cóc". Chắc tại lớp da của Nó càng ngày càng khô, hình như đóng vẩy nữa hay sao đó.

Cặp vú tôi teo lại từ khi tôi bỏ không cho Nó bú. Thì giờ đâu mà ngồi cho bú ngày cả chục bận. Mà sữa tôi cũng không bỏ béo gì. Mùa bắp năm đó bị sâu. Trái nào cũng bị sâu không ăn ở đầu thì ăn ở mình. Trái nào trái nấy cũng teo đầu teo bụng. Không bán được bao nhiêu, đành treo trên dàn bếp chờ khô, để dành ăn dặm thêm cơm. Bữa cơm miếng rau miếng muối qua ngày. Hôm nào được tiền công nhiều thì chút cá chút mỡ, tô cơm đầy đặn. Hai vợ chồng và ông nội sắp nhỏ ngày ngày đi làm mướn. Ai kêu đâu làm nấy. Ở nhà, có gì bà nội cho ăn đó. Khi thì nước cháo

pha chút đường, khi thì nước rau luộc cho thêm chút mỡ beo béo, không thịt không thà, không cá không đậu. Trên cái chiếu rách tả tơi, Nó nằm lăn qua lăn lại, trần truồng. Da Nó đóng vảy càng lúc càng dày. Lốp vảy khô rơi trắng li ti trên tấm chiếu thâm đen. Một tuổi rồi mà chưa biết ngồi, cả ngày nằm ngó người qua, kẻ lại, miệng mút ngón tay cái. Một tuổi mà người nhỏ teo như con nít hai ba tháng, chỉ có cái đầu là bự. Cái miệng cười thấy mà thương. Tôi ngủ cũng dễ, chỉ cho ăn cái gì đó, đắp cho cái mền rách là Nó nằm lăn ra tấm chiếu trải dưới đất ngủ một giấc tới sáng. Cho gì ăn nấy. Đôi lúc thấy tội, tôi ôm Nó, cho Nó nhai cái vú đã teo không còn chút sữa. Bàn tay nhò xiu bầu lầy da tôi, miệng nhay nhay cái đầu vú đen, ánh mắt sáng như cười. Hai chân Nó nhịp nhịp như ráng hưởng thụ giây phút hiếm hoi này. Nó thềm nhay vú. Nó thềm nắm chắc ngón tay cái tôi chai cứng. Nó thềm ánh mắt tôi nhìn xuống Nó... Nhưng làm sao tôi có thì giờ mà ngồi day dưa với Nó? Biết bao nhiêu công chuyện đang chờ tôi. Những lúc đi ngang Nó, ra thẳng bếp, thẳng ra sân, tôi biết là ánh mắt Nó bám theo tôi. Thương đó rồi quên ngay đó.

Hơn hai tuổi, chỉ biết lật, nhỏ teo. Bây giờ Nó đã biết bập bẹ "ba... ba... mam...mam...". Cái Phấn coi cũng thương em, la cà lại cười cười nói với Nó, tập Nó nói. Nhưng người lớn không cho cái Phấn, cu Nhân lại gần Nó. Nhiều người bắt đầu thắc mắc về lớp da hình như căng căng dưới lớp vảy khô. Họ biểu Nó bị một chứng phong cùi lở loét gì đó, lây dữ lắm. Người thì biểu đó triệu chứng của phong cùi. Người thì biểu Nó bị phong vảy, lây mạnh lắm. Chỉ cần mấy miếng vảy nhỏ li ti rớt trên tấm chiếu bám vào người cũng bị lây. Ông nội biểu tôi đem nó ra trạm y tế cho người ta coi nhưng tôi sợ. Đi ra trạm là tốn nửa ngày làm, tốn tiền này tiền kia. Thôi thì kiểm lá cứt chồn đâm nhuyển, đắp lên người Nó coi có bớt không. Người này bày đắp lá này, người kia bày đắp củ nọ, tôi nghe theo, làm theo, thiết rồi tôi chán, không thềm làm gì nữa. Kệ, tới đâu thì tới. Con nhà nghèo mà có người chỉ vẽ mua kem thoa. Từ thừa cha sanh mẹ đẻ, tôi có biết tới hộp kem gì đâu. Có hôm xuống chợ, ngang mấy quầy hàng bán son phấn, đứng xa nhìn, không dám lại hỏi. Người ta cười cho bẻ mặt. Hỏi mà không có tiền trong túi thì hỏi làm gì.

Thiệt khổ, năm nào không có nạn sâu rày thì cũng hạn nắng khô, hạn... Nhà có miếng rẫy dưới chân núi không đủ nuôi bảy miệng ăn. Cha mẹ chồng, với ba đứa con, bây giờ tôi mang thêm cái bầu nữa. Cái bụng tôi càng bự thì tôi càng không dám lại gần Nó, sợ Nó lây. Bây giờ thì Nó ngồi được rồi. Lạ một điều là Nó có giọng nói thiệt dễ thương, nhẹ như gió. Mà sao Nó biết nói, thiệt tình tôi đâu có biết. Chắc Nó lóng nghe người nhà nói chuyện với nhau. Những lúc đưa cho nó chén cơm, tô cháo, lúc vui thì tôi biểu: "Ăn đi con!", lúc bực bội thì tôi dẫn chén cơm xuống trước mặt Nó, biểu: "Ăn đi!". Vậy chớ mà lúc nào Nó cũng cười nói: "Cơm ngon má !", "Canh chua ngon má !", "Khoai lang ngọt má !"... Nụ cười, giọng nói của Nó đôi khi làm tôi vui lòng, muốn ngồi xuống, ẵm Nó lên, nhưng không dám. Da Nó đóng từng lớp vảy như lớp nền trắng, tróc khô rơi rải rác trên cái chiếu thâm đen. Làng xóm cứ

nhắc tới nhắc lui mấy chữ phong hủi, phong cùi, vẩy nến... Ai cũng biểu tôi phải cẩn thận hơn vì khi mang bầu, nếu bị lây phong hủi của Nó là không xảy thai thì sanh thiếu tháng, thì đứa nhỏ trong bụng bị lây theo.

Lúc này người ta không dám lại nhà tôi, cũng không cho con cái lại chơi với cái Phấn, cu Nhân, sợ bị lây. Nhiều người chỉ đứng ở ngoài nói chuyện. Có mấy người biểu đào hố, đổ vôi, rồi chôn Nó, cho chúng phong da hay phong hủi mà tôi không biết là gì nữa khỏi lan trong gia đình, trong xóm trong làng. Trời ơi! Không phải con của họ nên họ nhẫn tâm như vậy. Họ không thấy ánh mắt Nó vui khi có người đi ngang, khi có người cho Nó cái bánh, củ khoai, tô cháo... Họ không thấy miệng Nó cười. Họ không nghe tiếng Nó nói. Họ không nghe tiếng Nó rên hừ hừ những khi đêm khuya lạnh quá hay đói quá. Họ không nghe tiếng Nó kêu yếu ớt khi nó bị lên cơn nóng... Khi họ biểu như vậy, họ có biết là Nó sẽ ngộp thở trong đồng vôi trắng, Nó sẽ vùng vẫy, la khóc. Vôi trắng sẽ tràn vô miệng Nó làm Nó ho, Nó sặc, Nó nghẹt thở... Ba Nó, Bà Nội Nó, Ông Nội Nó ai cũng sót xa khi người ta biểu chôn Nó trong hố vôi. Tôi đó, nước mắt tôi chảy hoài chảy hoài, tôi không muốn lau. Tôi thương cái Phấn, tôi thương cu Nhân, tôi lo cho đứa nhỏ nằm trong bụng, sợ cả nhà bị lây. Nhưng tôi biết làm sao bây giờ? Tôi thương Nó đứt ruột. Tôi ngu dốt nhưng tôi cũng biết thương con như bất cứ con vật trên thế gian này. Còn đem lên bệnh xá! Nghe đến tiếng bệnh xá là tôi thất ruột. Bỏ cả ngày công, tiền xe, một mũi thuốc là cả ngày gao. Lỡ người ta biểu ở nằm lại bệnh xá, tiền thuốc, tiền men, tiền ăn, tiền uống... trăm thứ, biết chạy đàng nào. Không có cái gì miễn phí hết. Thôi thì thí mạng cho Phật Trời, tới đâu hay tới đó. Cái Phấn, cu Nhân bệnh hoạn có bao giờ đưa đi bệnh xá đâu, rồi cũng xong, cũng lớn.

Ba Nó làm một cái chòi, trên đường lên rừng, cách nhà chắc chừng hai trăm mét. Phải xa nhà như vậy để gió không thổi lớp da khô, vẩy nến, sợ lây cả nhà, hàng xóm. Căn nhà sàn cất cao độ một mét, dài mét rưỡi, ngang hai mét, dưới bóng cây cầu tàu già. Chung quanh vách tre coi cũng chắc kín, không sợ gió lòn, nắng chiếu. Trãi chiếu chiếu, ầm Nó ra đó, Nó không hiểu gì hết. Được ra ngoài, mặt Nó tươi, miệng Nó hỏi liên hồi: "Má cho em chơi ở ngoài hả má?", "Má cho em chơi lâu nghen má.", "Em muốn ra ngoài".... Tôi không nói không rằng. Thờ dài! Bốn tuổi mà chưa biết đi, chỉ biết lết. Con chó Đốm chạy theo, nhảy phóc lên sàn nhà như chờ đón người bạn nhỏ. Đặt Nó lên sàn nhà, dặn: "Con đừng lết ra cửa, té con nhé!". Luân quần làm công chuyện sau nhà, cố lắng nghe động tĩnh. Nghe tiếng Nó cười với con Đốm làm tôi nuốt ngược cái cục nặng nặng trong cổ họng, tay quyết dòng nước mắt chảy ra hồi nào, môi tôi mẫn chất.

Chiều tối, mang theo cái mền củ rách Nó thường đắp, đưa cho Nó chén com chan chút nước cá kho và con cá khô nướng, ly nước lạnh, tôi dặn: "Má đóng tấm phen lại, con ăn xong rồi ngủ nghen con! Đừng mở cửa ban tối" Nó không hiểu gì hết, giọng Nó nhỏ nhẹ: "Dạ!" Tôi quay lưng đi nhanh vô nhà. Khoảng cơ thể giữa bụng và lồng ngực thắt lại, đau đớn quá trời ạ! Lạy trời thương con, tha thứ cho con.

Con mèo còn biết cắn cổ con, lôi con đi tìm chỗ dấu khi nó biết cái ổ của má con nó bị người ta khám phá. Con chó biết ủ con nó trong ổ rơm. Con gà còn biết dang cánh cung cúc kêu đàn con chui dưới bụng để nó ủ khi trời về chiều. Còn con, con cho Nó ngủ một mình trong đêm tối lạnh căm, Nó yếu đuối, Nó không tự vệ được với bất cứ một hiểm nguy nào. Tim con thắt đau trời ạ!

Chồng tôi lăn trở người thở dài, tôi dấu mặt vô vách khóc. Tiếng khóc kêu từ căn chòi phía sau nhà vắng vắng, tiếng bà nội âm ức cố nén ngoài bộ ván, tiếng gió đập vào phen cửa trước, lòng tôi như thiêu như đốt. Chờm ngời dậy nhưng chồng tôi ấn tôi trở lại. Tôi xoay lưng vô vách, cắn chặt răng, nắm chặt tay, dăm ra giận chồng, giận mẹ chồng, giận cha chồng: "Mấy người bày chuyện đem con tôi ra chòi, mấy người đâu có mang nặng đẻ đau như con này, mấy người đâu có ẵm Nó lần nào đâu, mấy người đâu có cho Nó bú.... Mấy người đâu có thương Nó bằng tôi thương Nó...." Nghĩ đến trời tháng mười tối đen, khí trời căng cắt lạnh, Nó nằm một mình trong cái chòi, tôi ức lên.

Trời tối quá, sao má không ra ẵm em vô nhà? Im quá làm em sợ. Em khóc kêu nầy giờ mà không ai nghe hết sao? Em mệt, em run, em lết lại gần tấm phen. Em không dám đẩy tấm phen, má dặn hồi nầy, lờ té xuống thì sao. Nhắm mắt, không dám nhìn qua mấy khe nhỏ ở vách. Má ơi! Bà ơi! ẵm em vô nhà! Em không khóc nữa đâu. Em không than lạnh đâu. ẵm em vô nhà, em sợ, em đói. Nước đói len qua tấm chiếu, chảy xuống. Em nghe tiếng nước đói nhỏ từng giọt từng giọt. Có ai đi đến gần phải không. Má phải không má? Bà phải không Bà? Không phải má, không phải bà. Tiếng gì vậy? Tiếng chân ông Ba Đìa chuyên ăn thịt con nít hay khóc như chị Phấn thường nhát em? Em không dám khóc nữa. Ông Ba Đìa nghe tiếng em khóc, ông lại bắt em vô núi. Sao em không nín khóc được, tiếng nức nở ung ức cứ tràn khỏi ngực em, tràn ra cổ em, tràn ra miệng em, em ráng ngậm miệng lại. Kéo cái mền má nhớ đưa cho em hồi nầy, em trùm khỏi đầu cho ông Ba Đìa không nghe tiếng em âm ức. Chắc má ngủ quên, chút má dậy, má ra ẵm em vô.

Sáng sớm, chưa kịp rửa mặt, tôi vội ra ngó chừng Nó. Thấy Nó nằm chèo queo, cái đầu to nằm sát tấm phen, tội con tôi quá! Đến chiều, khi đem cho Nó tô cơm, tôi nhin nửa con cá kho để trên tô cơm cho Nó mừng. Nó không nhìn tô cơm, ánh mắt Nó như cầu khẩn, Nó hỏi:

- Má có ẵm em vô nhà không? Tối lắm má!

Tôi ứa nước mắt. Tôi đành nói với Nó:

- Từ đây con phải ở luôn trong cái chòi này.

- Sao vậy má? Em sợ lắm!

Tôi dõ đành:

- Con ráng chịu. Má sợ con lây bệnh phong lở cho anh chị, cho em bé.

- Em sợ lắm má. Em không lây cho anh chị đâu má. Má cho em ngủ trong nhà. Em không đói dầm đâu. - Không được đâu con.

- Em sợ ông Ba Đìa. Ông Ba Đìa bắt em vô núi.

- Không sao đâu con. Má nằm trong nhà nhưng má canh chừng cho con. Má cho con Đóm ra ngủ với con nha!

- Dạ. Em ngủ với con Đóm.

Tiếng khóc âm ỉ của Nó tiếp tục ám ảnh tôi mỗi đêm, lâu lắm. Ban ngày thì đỡ hơn. Nó lết lại gần tấm phen cửa, ngoái đầu ra cố nhìn vô nhà. Ai đi ngang qua nó cũng hỏi: "Ông đi lên rẫy hở ông?", "Má đi ra ruộng hở má", "Chị Phấn đi đâu đó?". Thương lắm! Cho gì ăn nấy, không dám đòi, không dám than, không dám khóc. Thỉnh thoảng nghe tiếng Nó cười với con Đóm, tim tôi như nghẹt lại vì tiếng cười trong thanh vô tư. Nhiều khi tôi muốn ẵm Nó vô nhà chơi chút xíu hay lại dọn rửa cái chòi nhưng không dám, sợ nó lây tôi rồi tôi lây sang mấy đứa khác, nhất là thằng Bé. Thôi! Nó còn ăn, còn khóc, còn cười ngày nào là tôi mừng ngày đó. Không chôn Nó xuống hố vôi là tôi đỡ đau lòng rồi.

Bây giờ thì em không khóc nữa. Em biết là em sẽ ở đây luôn, không được ẵm đi đâu hết. Em ăn ở đây. Em đái ở đây. Em ỉa ở đây. Tấm áo này là tấm áo thứ hai má đưa cho em thay kể từ khi má ẵm em ra đây. Mỗi ngày, có khi bà, có khi chị Phấn, có khi má đem cho em lúc thì củ khoai, lúc thì trái bắp, lúc thì chén cơm, có khi được miếng bánh đa, có khi được một viên kẹo bòn bon... Có hôm chị Phấn đứng ở ngoài hỏi em có khát nước không, tối qua có lạnh không, tối qua mưa có tạt vô không... Mỗi lần có người hỏi chuyện em là em mừng lắm. Còn không là em chỉ nói chuyện với con Đóm. Nó cụp đuôi, nó quẫy đuôi, nó hằm hừ, nó kêu hư hừ... làm đủ trò. Mỗi lần em ỉa là nó liếm sạch. Nhưng nó không biết liếm khô cái chiếu em đái nên em phải nằm chiếu ướt hoài thôi. Bây giờ thì em biết rồi, em lết lại một góc sàn để ỉa để đái cho khỏi ướt chiếu, tối ngủ không bị lạnh. Từ từ rồi em cũng quen nhưng em còn sợ ban đêm. Em có sợ thì ban đêm cũng tới sau khi em ăn xong chén cơm chiều. Sao chỉ vào ban đêm mới có nhiều tiếng động lạ lùng dễ sợ. Tiếng mèo kêu như tiếng em khóc những lúc em đói, em lạnh, em sợ vào buổi tối. Tiếng chó hú rợn người, như hú kêu ông Ba Địa, bà Ma Troi đến bắt em đi. Sao chỉ những lúc trời tối um em mới nhớ má, nhớ bà, nhớ chị Phấn... Em sợ nhất là những đêm mưa. Tiếng mưa rào rào làm em tưởng như mái nhà sụp xuống, đè bẹp em. Tiếng mưa rỉ rả thì làm em chờ hoài mà mưa không chịu ngưng. Tiếng sấm, chớp tóe xuyên qua khe vách làm em sợ đái ướt cả chiếu, ngủ lạnh run.

Gần bốn năm trôi qua, bây giờ Nó tám tuổi rồi mà to không hơn đứa con nít mới lên hai. Cái đầu bự, cặp mắt sáng, cái miệng cười thấy thương lắm. Chỉ phải cặp chân nhỏ tí teo, chắc chắn là không biết đi rồi, chỉ lết. Được cái lúc đầu, con chị Nó, bà nội Nó thường ra rùng, đứng ở ngoài chuyện trò với Nó những lúc rảnh rỗi. Bởi vậy Nó nói năng cũng lưu loát tuy không bằng những đứa con nít trang tuổi. Nhưng rồi cũng không ai dư giờ mà lân la trò chuyện với Nó nhiều. Công chuyện đầu tắt mặt tối, thết rồi không ai nhớ tới Nó mỗi ngày nữa. Có Nó cũng được, không có Nó cũng xong. Nó ăn không bao nhiêu, cho gì ăn nấy, không đèn, không mùng màn, chỉ có tấm chăn mỏng và cái chiếu thâm đen rách tả tơi. Vậy mà Nó cũng sống được cho

đến ngày hôm nay, thiệt là trời sanh voi, trời sanh cỏ. Trời thương Nó! Trong nhà, mình tôi và con Đóm là ra vô với Nó. Nhiều lần tôi phải làm dữ lắm để chồng tôi không làm thịt con Đóm. Ông hăm, ông dọa, hàng xóm nói ra nói vô. Tôi kiên tâm.

Tôi không còn giận dữ khi chồng tôi đòi làm thịt con Đóm lần này. Tôi chỉ tủi thân, thương cho Nó, giận chồng tôi. Ông ấy không biết con Đóm là nguồn an ủi cho Nó sao? Sao ông ấy vô tình đến vậy. Biết là nuôi con Đóm là để làm thịt chứ không phải chơi cho vui, có được miếng thịt cho cả nhà, trả nợ miếng ăn hàng xóm đã mời hồi trước, bán được chút tiền. Nhưng rồi tới Nó phải ngủ một mình, tội quá đi! Chồng tôi năn nỉ, hứa sẽ mua một con chó con liền. Tôi biết xử làm sao bây giờ đây?

Mùi thức ăn gì mà thơm quá, em thèm chảy nước miếng. Chắc là mùi thịt. Ước gì má đem cho em một tí. Sao bụng em còn cào, nước miếng cứ ứa ra. Lạy Trời má nhớ đến em, đem cho em chút thịt ăn với cơm.

Nó nhìn tô cơm đầy nhóc, tô canh có hai miếng thịt nâu đỏ ngon lành nằm chênh vênh trên hết, nước béo màu vàng óng, thơm phưng phức, hỏi:

- Má đem thịt cho em hử má? Thịt ngon lắm má. Bữa nay cơm nhiều má, thịt nhiều má.

Ngực tôi thắt lại, tôi để tô cơm tô canh xuống rồi quay bước nhanh vô nhà, sợ nó hỏi tiếp.

Em để dành cục xương cho con Đóm. Cục xương chỉ còn dính chút mỡ bầy nhầy em không rút ra được. Thôi kệ, cho con Đóm. Mà sao cả ngày nay nó đi đâu mất tiêu. Thường đi kiếm ăn ở đâu, lâu lâu nó cũng về quẫy quẫy cái đuôi, liếm mặt em cho em vui rồi lại chạy đi nữa. Hôm nay em chờ nó hoài. Em buồn. Nó đi đâu mất tiêu, cũng không có ai đi ngang cho em nhìn. Không ai ngó đến em hết trơn. Cục xương nằm đó chờ nó. Trời sắp tối rồi, đi đâu nó cũng phải về với em chứ.

Em lạnh. Mọi hôm có con Đóm nằm kế bên, em nằm sát cái thân thể nó ấm áp, đỡ lắm. Gió thổi mạnh. Tấm phen lỏng lẻo cứ đập phành phạch, gió lòn vô từng cơn. Em không muốn kéo tấm phen lại cho kín. Em chưa đủ chỗ cho con Đóm chui vô. Em phải lết lại góc gần chỗ em hay ngồi đái ỉa để tránh gió. Gió mạnh quá làm em không lắng tai nghe ngóng tiếng chân con Đóm được, không đánh được hơi nó. Em không dám khóc. Ngực em nghẹn lại. Không biết nó đi đâu xa lắm hay sao mà không về kịp. Rồi tối nay nó ngủ ở đâu. Tội nghiệp nó. Chắc nó cũng nhớ em như em nhớ nó.

Thôi em biết rồi, con Đóm bị làm thịt ăn rồi. Tô cơm có hai miếng thịt hôm kia má đem cho em là thịt con Đóm. Cục xương nằm kia là xương con Đóm. Không ai ăn cứt em hết. Em buồn quá! Không có con Đóm, không ai liếm mặt em, không ai nằm kế bên cho em ấm, không ai quẫy đuôi với em, không ai kêu ăng ăng cho em cười...

Không có con Đóm, không ai chuyện trò với em, không ai giỡn với em, tối ngủ lạnh lẽo một mình. Em buồn quá! Em chỉ có mình nó.

Nhìn gương mặt Nó rạng rỡ khi tôi đem con chó con mới mở mắt ra căn chòi của Nó, tôi biết tiền tôi ráng để dành cả tháng nay không phí phạm. Nó ôm cứng con chó vô lòng hỏi:

- Má cho em hả má?

- Ủ.

- Má cho em hả má. Má cho nó ngủ với em nha má.

- Ủ.

- Nó tên gì vậy má?

- Má không biết. Thôi kêu nó là con Đốm đi nghen.

- Dạ, con Đốm Em.

- Ủ Đốm Em.

Không biết ai kể cho ngoài trạm xá. Chú Tiến lặn lội băng suối, băng đồi, qua biết bao đám ruộng, lên nhà, hỏi thăm chuyện Nó. Chú muốn coi Nó. Chú lắc đầu nói:

- Tội nghiệp cháu quá! Theo tôi nghĩ, cháu không bị phong cùi đâu. Tôi không biết là chứng gì, tôi sẽ về quận, hỏi một vài người bạn coi sao. Nhưng tôi chắc chắn là bệnh của cháu không lây đâu. Anh chị đừng để cháu ở một mình. Chị phải tắm rửa cháu, nhưng đừng tắm cháu ngoài suối. Nấu nước nóng với lá chanh hay lá gừng mà tắm cho cháu. Chị phải tắm cho cháu mỗi ngày để lớp vảy tróc ra từ từ. Chừng vài tuần nữa là tôi lên lại.

Chú Tiến về rồi. Hàng xóm đến, người bàn thế này người bàn thế kia:

- Nhìn Nó vậy mà chú ấy biểu là không phải phong cùi.

- Đem Nó vô nhà mà chưa có thuốc men gì hết, lỡ Nó lây cho mấy đứa khác là khổ thêm.

- Chú ấy nói chú ấy không biết bệnh gì mà sao chú dám quả quyết là không lây.

- Chú hứa là hứa vậy chớ biết chừng nào chú ấy lên lại. Chú làm công chuyện nhà nước, công đâu mà chú lặn lội lên xuống.

- Hay là chị chờ chú lên lần nữa, coi chú có tìm ra bệnh tình của Nó, có tìm ra thuốc men gì không.

- Ồ! Chị đừng đem Nó vô nhà sớm. Nó ở ngoài đó bốn năm nay rồi, khỏe mạnh như trâu, có sao đâu. Chờ tháng nữa có bao lâu đâu, cho chắc ăn.

- Thấy cũng tội, nhưng ráng chờ chú lên lần nữa.

Cứ thế, tôi chần chờ. Thôi thì chờ cũng được.

Hồi sáng có một người lạ lại, đứng ở ngoài xa xa, biểu em ra ngồi ở ngạch cửa, cởi cái áo ra cho ông coi người em. Xong rồi ông cho em một cái bánh to. Lần đầu tiên em được ăn một cái bánh một mình. Em ráng nhin chút xiu cho con Đốm Em tại nó nhìn em lom lom, cái đuôi nó quay quảy, em thấy tội. Hôm nay em thấy vui vui lạ. Chắc tại có người hỏi thăm em, nói chuyện về em. Em biết. Tại vì ông đó, ông nội, ba, má đứng nói chuyện với nhau mà cứ quay nhìn em hoài. Gương mặt ai coi cũng vui. Ánh mắt ai coi cũng hiền.

Đứng hóng chuyện ba người đàn ông với ông nội cháu và ba cháu, tôi hiểu là Nó may mắn rồi đây. Tôi còn nhớ như in lời mấy người đó nói chuyện:

- Tôi đã đưa mầu da khô, vậy nên hỏi mấy ông bác sĩ, họ bảo không phải phong hủi.
- Ông chắc là không lây?
- Tôi bảo đảm, không lây. Anh chị phải đem cháu vô nhà.
- Chị phải tắm cho cháu như tôi dặn kỳ trước.
- Rồi cháu có đi được không chú?
- Chắc không đâu. Cháu bị suy dinh dưỡng nặng quá rồi. Điều quan trọng là đầu óc cháu phát triển như một đứa bé bình thường. Cháu chỉ cần tiếp xúc với mọi người.
- Cháu bị bệnh này từ hồi mới sanh chú ạ! Lạm quá rồi, không biết trị có dứt hay không.
- Thì cứ ráng. Tôi không bảo đảm là sẽ trị dứt. Nhưng sẽ bớt từ từ. Cháu bị như vậy là do hồi nhỏ, da cháu nhạy cảm rồi bị nhiễm trùng. Không tắm rửa, không trị ngay từ lúc đầu nên mới ra nông nỗi này.
- Chắc chắn là không lây. Anh chị cứ an tâm mà đem cháu vô nhà.

Người ta đi hết rồi mà em cũng còn tưởng như em đang nằm mơ. Giấc mơ dài lắm. Có hai người đàn ông lạ đi với người đàn ông hôm trước lại thăm cho em nguyên cả cái bánh. Ông nội, ba đi với họ lại gần chỗ em ngồi. Sao mấy người đàn ông lấy tay che miệng che mũi lại khi đến căn chòi của em? Sao mấy người đó không dám đứng gần chòi em? Ông nội phải ẵm em vô nhà. Em cởi áo cho người ta coi cả người em. Một ông lấy cây khều khều cho lớp da khô rớt ra rồi bỏ vô một cái bị nylon. Mấy người đó cho em một cái áo mới, một bị bánh lớn lắm. Mừng quá! Em cũng nhớ cảm ơn nữa đó. Chị Phấn, anh Nhân đứng gần đó nhìn bị bánh lớn, coi thèm lắm. Em đưa bị bánh cho chị Phấn. Chị hiền với em. Chị mở bị bánh lấy một cái, cho anh Nhân một cái, cho em bé bà đang ẵm một cái, còn bao nhiêu chị đưa lại hết cho em. Bánh ngon lắm, ngọt, béo, thơm nữa. Nhưng em thích nhất là mấy người đó khen em giỏi, mấy người đó nói chuyện về em thiệt là lâu. Trước khi đi về, một bác đi lại gần em, nói: "Các chú sẽ cố gắng tìm cách chữa bệnh cho cháu, cháu ngoan lắm!" Em nhìn theo mấy người đó cho đến khi không còn thấy màu áo xanh của bác đi sau cùng.

Đêm nay em được ngủ trong nhà, trên chiếc chiếu trải dưới đất kế tấm phản bà nằm với chị Phấn và anh Nhân. Cả nhà nói chuyện vui vẻ. Ai cũng cười. Nhất là má em. Má em mắng yêu em: " Con cóc này may lắm đây!" Em thấy mắt má có chút nước mắt. Má vui sao má khóc?

Võ Thị Diễm Dạm



HẠC THÀNH HOA
Về Nhánh Sông Xưa

Ngày chim về bến sông xưa
Sóng đêm vỗ lạnh đôi bờ héo hon
Mây đen ngậm đắng bờ hòn
Trăng sao nghe cũng vừa tròn tuổi đau
Đời chao cánh vạc đêm thâu
Cây xanh một bóng nổi sâu khoe tươi
Em đi áo mỏng bên người
Rưng rưng cát bụi một đời lang thang

Rừng Lúc Nửa Đêm

Nửa đêm trời đất mênh mông
Rừng hoang vu quá cho lòng xót xa
Cây buồn đêm cũng trở hoa
Chim kêu dưới ánh trăng tà lẻ loi
Thương rừng không tiếng lá rơi
Thương ta trôi dạt một đời đắng cay
Đêm đêm thức giữa rừng cây
Nằm nghe sương rụng giọt đầy giọt vơi
Tưởng như đêm suốt một đời
Ngày mai không biết mặt trời có lên

Hạc Thành Hoa



LAN CAO

Lửa tắt đêm xưa

Người đi từ trận hoàng hôn
Em ôi, lửa tắt chôn hồn tình ưu
Xác thân rơi xuống buồn hiu
Núi ôm sông khóc thủy triều tương tư.

Ta ngồi trên mảnh thừa dư
Âm thanh phố lạ, đường tơ đổi màu
Lặng thinh thấp nắng nguyện cầu
Lời kinh động hạt lệ sâu tóc xanh.

Lấy thơ vẽ lại bức tranh
Đêm ba mươi tím, ngày ba mươi hồng
Quê hương khóc bỏ dòng sông
Sao ta thành kẻ bại vong đất người.

Bao mùa đổi lá xanh tươi
Mình chưa đổi được ngậm ngùi sang vui
Tóc đàn bạc phếch như vôi
Nhưng lòng không bạc đậm lời thủy chung.

Đêm xưa lửa tắt khốn cùng
Đêm nay ngồi nhớ hải hùng đón đau
Gió leo qua núi về đâu
Xin mang theo lửa thấp vùng quê hương.

Lan Cao



ĐỖ BÌNH

Có Một Ngày

Đêm	gío	tuyết	nghe	nổi	sầu	trăn	trở
Nhớ Sài		Gòn	nhun	hớ khúc		tình	thơ
Thuở tóc		xanh	mộng	ước	đầu	dang	dở
Tháng		tu về bão	cuốn	mất		niềm	mơ!
Em	ngày	đó	dáng	buồn	hơn	nhánh	liều
Cây	bên	đường	rũ	lá	bóng	liêu	xiêu
Đời	cầm	lặng	tượng	đá	cũng	tiêu	điều
Trên	hè	phố người	nằm	không	chăn	chiếu	!
Đã	lâu	lắm	ta	chưa	về Hà	Nội	,
Vẫn		mơ hồn hực	cô tích	xa		xôi	!
Kìa		Phố Cỏ trong		mơ chiều		chợ	tối
Chẳng	nhận	ra	người	năm cũ	đâu	rồi	?!

Đời nghiệt ngã gió có ngày xoay hương
Ta sẽ về tìm chút nắng quê hương
Thăm dòng sông đi hết những con đường
Để được thấy miền quê xưa tâm tưởng.

Đỗ Bình



PHAN CÁC CHIÊU HẰNG

Thuyền Xưa

Ngày hay tin chị Thuyền ôm cầm sang... thuyền khác, tôi biết anh Long buồn ghê lắm, mặc dù thật ra cả nhà không ai lấy làm ngạc nhiên. Chẳng gì, chị Hiền đã kể cho mọi người trong gia đình nghe về lần gặp gỡ cuối cùng giữa anh Long và chị Thuyền trước đó không lâu. Cuộc hẹn hò "mặt đối mặt, tay... chẳng cầm tay" này do chị Thuyền đề xướng đã xảy ra ở nhà chị Hiền trên Gia Định, nơi anh Long đang ở nhờ trong thời gian mới bắt đầu đi làm việc. Chị Hiền chép miệng, rơm rớm nước mắt khi kể với má tôi:

- Má biết không, con Thuyền khóc dữ quá nên con cứ sợ nó lăn đùng ra xỉu bất tử. Thằng Long nhà mình thì cứ ngồi im rơ trên ghế salon như hóa đá, còn con Thuyền thì ngồi phệt dưới đất ôm chân nó mà năn nỉ ỉ ôi, van xin nó tha thứ. Con gái Huế nói chuyện hay thiệt, văn hoa bóng bẩy quá trời, câu nào câu nấy nghe muốn rụng rời tay chân hết trơn làm hai mẹ con con núp đằng sau nhà bếp nghe lén mà cũng mũi lòng khóc bù lu bù loa. Vậy đó, mà thằng Long cứ im thin thít không thém trả lời trả vốn tiếng nào. Con Thuyền nói cả nửa tiếng đồng hồ không dứt. Cuối cùng thằng Long chỉ buông ra có một câu duy nhất, thôi em về đi!...

Tôi say mê ngồi nghe, há hốc miệng sững sờ. Thôi em về đi? Dù "thôi" như trong bài hát "Thôi em đi về đi xa xôi rồi thăm nhau mà chi...", hay là "Thôi em đừng nhắc nữa làm gì...", hoặc "Thôi nín đi em lệ đầm vai rồi buồn thương nhớ ời..." với ba động từ nặng trĩu buồn-thương-nhớ đi một dọc lê thê theo nhau của ông nhạc sĩ chuyên viết nhạc thất tình Đỗ Lễ, khi chữ "thôi" nằm ở đầu câu, trong hầu hết mọi trường hợp, không phải là dấu hiệu... khả quan. Nhất là khi hai người yêu nhau đang có chuyện lục đục trầm trọng như anh Long và chị Thuyền. Tôi hỏi hộp hỏi chị Hiền, bắt chấp tia nhìn đe dọa kiểu "con nít đừng bày đặc lộn xộn" của má:

- Rồi sao nữa chị Hiền?

Chị Hiền thở dài nảo nuốt, nhìn tôi hơi gắt gỏng:

- Thì còn làm sao nữa! Con Thuyền phải đứng dậy đi về chớ sao bây giờ?

Rồi chị quay sang má, tiếp tục kể lể:

- Thằng Long cứ ngồi im một chỗ không thém màu mè đưa tiễn gì hết. Con Thuyền lủi thủi đi ra mở cửa rào một mình, vừa đi vừa khóc tức tưởi. Thấy cũng tội nghiệp!...

Tôi tròn mắt:

- Anh Long nhà mình coi vậy mà... ngon lành quá hén?

Chị Hiền bữu môi, lắc đầu:

- Ngon lành cái con... khỉ mốc! Nó chỉ chờ con nhỏ kia đi khuất ngoài đầu đường là vô phòng nhào ra khóc như con nít bị ăn chổi lông gà!

Tôi lặng người ngơ ngác. Anh Long tài ba, chững chạc, hùng dũng của tôi mà lại khóc như con nít vì một người con gái? Ngàn năm tôi cũng không tưởng tượng được chuyện này. Nhưng dù cho tính chị Hiền hay vẽ rờng vẽ rắn đến đâu đi nữa, chắc chị không dám "đẩy cây" với má. Tôi lăm lét nhìn má, dò chừng xem phản ứng của bà trước tin động trời này. Nét mặt má vẫn trầm tĩnh hiền hòa như bao giờ. Bà chỉ nói một câu... xuôi xị:

- Chuyện vợ chồng là chuyện duyên số, con ơi. Chắc tại hai đứa nó có duyên mà không nợ nần gì nhau. Thì thôi, biết tánh con nhỏ kỳ cục như vậy trước khi tụi nó lấy nhau vẫn hơn. Chớ chờ lấy nhau rồi, con cái lùm đùm rồi bỏ nhau thì mới thiệt là khổ!...

Câu "thiên duyên tiền định" cũ mèm xưa rích được đem ra xài kèm theo lời phán xét thực tế nhưng phũ phàng của má như gáo nước lạnh dội xuống trái tim mới lớn còn nóng bỏng sôi nổi của tôi. Trái tim đang bùng bùng dậy sóng, đang nghiêng ngửa đảo điên vì chuyện tình yêu của... thiên hạ bỗng xui xuống, eo xèo. Trong mắt của con nhỏ mới mười sáu tuổi đang lăm đăm tập tễnh làm thơ tình với rất nhiều... tưởng tượng như tôi, đoạn kết mối tình dễ thương và lãng mạn của anh Long và chị Thuyền là một chung cuộc lãng nhách, đáng lẽ không bao giờ được quyền xảy ra.

Tôi không đến độ đau khổ tuyệt vọng như anh Long, nhưng cũng ngơ ngẩn bàng hoàng mấy tháng trời. Cả Trúc nữa. Suốt ba năm trời, tháng nào hai chị em tôi cũng gò gẫm viết thư qua lại với chị Thuyền ít nhất là hai ba lần. Hai đứa cùng hăng hái bớt tiền ăn hàng vặt để dành mua tem thư. Chị Thuyền là người lớn duy nhất chịu khó viết thư "trao đổi tâm tình" với tôi cho nên tôi quý chị lắm. Trước chị, tôi chỉ thư từ qua lại với Hạnh, con nhỏ bạn thân người Bắc chơi với tôi từ ngày mới vô trường nữ tiểu học thị xã. Hai đứa học chung đến năm cuối cùng ở tiểu học, sau vụ Tết Mậu Thân kinh hoàng, thì ba Hạnh đột ngột được lệnh dời về Sài Gòn. Rồi sau đó Hạnh thi đậu vào trường Trưng Vương thơ mộng nằm gần sở thú, nơi mà nó vẫn cố thuyết phục tôi phải gọi là "thảo cầm viên" nghe cho nó nhẹ nhàng văn vẻ hơn, trong khi tôi "chôn vùi tuổi xuân" ở trường nữ trung học công lập trong thị xã. Thư từ trao đổi giữa tôi và Hạnh đề tài chung chung là những mẫu chuyện làng nhàng dính dáng đến học hành, trường lớp, than van về thầy cô nghiêm khắc và bài vở khô khan khó nhớ, hay bàn bạc lung tung xềng về quần áo, thời trang. Hạnh luôn "cập nhật tin tức", cho tôi biết hiện nay ở Sài Gòn người ta đang diện một gì, còn tôi thì biết để mà... quên. Chứ nhớ để làm gì bây giờ? Con gái tính nhỏ như tôi, muôn đời ra đường nếu không mặc áo dài khi đi học thì cũng chỉ quần satin đen với áo bà ba bằng tơ lụa nội hóa. Thỉnh thoảng tôi và Hạnh nổi hứng làm một màn thề nguyện rất cảm động là hứa hẹn với nhau một ngày nào khi lớn lên, có chút đỉnh tiền túi và được phép đi xa một mình, hai đứa sẽ lặn lội đi tìm nhau để... sum vầy.

Tình bạn "bút đàm" của tôi nghèo nàn ẻo uột như vậy cho nên khi chị Thuyền trở thành người yêu của anh Long và... đi vào đời tôi, tôi và Trúc hoan nghênh bằng

cả hai tay lẫn... hai chân. Hai đứa tôi tranh nhau hì hục viết thư làm thân với chị. Chị Thuỳn hội đủ tất cả điều kiện để thỏa mãn cái tính mơ mộng lãng đãng của hai chị em tôi. Anh Long khoe chị hát rất hay, hay nổi tiếng trong trường đại học Khoa Học, nhất là với những tình khúc nhẹ nhàng mà ray rứt của Cung Tiến, những Hoài Cảm, Hương Xưa, Nguyệt Cầm... mà tôi đang yêu mê mẩn. Anh Long thì có ngón đàn guitar vô cùng bay bướm, ai nghe anh đàn nhạc cổ điển tây phương cũng ngẩn ngơ hồn. Anh là người đã đem chút "văn học nghệ thuật" giới thiệu vào đời con em gái tỉnh lẻ nhà quê, cho tôi biết Chopin qua Nocturne, Mozart qua Elvira Madigan, Beethoven qua Moonlight... Như vậy, anh Long và chị Thuỳn đúng là đôi tình nhân... nghệ sĩ. Nghe lãng mạn làm sao! Thêm vào đó, chị Thuỳn có dáng dấp rất dễ thương khi chị mặc áo dài. Anh Long chụp vô số hình chị đứng ngồi đủ kiểu trong chiếc áo dài dịu dàng tha thướt. Quỳ trên đồi cỏ xanh non. Thờ thần dưới rừng thông già. Nghiêng mình bên dòng suối nhỏ. Tôi và Trúc tha hồ vác hình chị đem khoe nhặng xì ngầu với lũ bạn nhà quê cùng lớp. Còn nữa, chị Thuỳn là người Huế, nhà chị lại ở xa tít mù trên vùng núi đồi cao nguyên đất đỏ bụi mù, là... "giống người" hoàn toàn lạ lẫm với tôi. Bởi vậy cho nên đối với những kẻ "vọng ngoại" như tôi và Trúc, bao nhiêu hình ảnh có thật và tưởng tượng về chị bỗng mang đầy vẻ hoang đường và lãng mạn trong đó.

Dĩ nhiên tôi và Trúc không làm sao đoán biết được tình cảm chị Thuỳn dành cho mình thật giả, nông sâu như thế nào. Nhưng những lá thư từ phương xa của chị luôn mang đến bao nhiêu niềm vui rộn ràng cho hai chị em tôi. Chị cũng tỏ ra chịu khó lấy lòng hai cô nhỏ có viễn ảnh trở thành em chồng tương lai của chị, viết thư riêng cho từng đứa, kể chuyện trời trăng mây nước đông dài. Thư chị viết trên giấy trắng không kẻ hàng, chữ viết tròn trĩnh thẳng thớm. Nhiều khi chị hấp tấp, viết tháu, những chữ "o" không bao giờ khép thành vòng tròn nghiêm chỉnh mà tôi thấy coi cũng hay hay. Những mẫu chuyện vụn vặt chị kể cho tôi nghe bao giờ cũng ngộ nghĩnh và dễ thương. Sao tôi thấy cái gì liên can tới chị Thuỳn cũng có vẻ hay ho đặc biệt hết. Tôi và Trúc thường hỏi nhau, hay có lẽ tôi mình cũng bắt chước anh Long, bị... mù quáng vì tình yêu? Từng lá thư của chị được tôi cẩn thận xếp lại theo thứ tự để đọc đi đọc lại như đọc tiểu thuyết.

Vì vậy mà hai chị em tôi cùng chia sẻ từng biến cố lớn nhỏ trong môi trường của chị Thuỳn và anh Long. Đầu mùa Hè, giọng thư chị ướt sũng nước mắt. Chị kể chuyện hôm anh Long về quê nghỉ hè trong khi chị còn phải ở lại trường thêm vài hôm để thi cho xong. Mặc dù anh đã dặn dò chị đừng ra bến xe đưa tiễn chỉ thêm buồn, chị đã lén tìm đến, đứng nép người sau góc tường bên cạnh bến xe để nhìn anh đi mà không dám đưa tay vẫy gọi. Tôi nghe lòng mình cũng quặn đau theo từng dòng chữ chị phơi trải tâm tình trên những trang giấy vô hồn. Tôi tưởng tượng ra vóc dáng nhỏ nhắn cô đơn của chị Thuỳn đứng ứ rữ trong bầu trời xám lạnh với những giọt mưa phùn lác đác phát phơ bay. Buổi sáng Đà Lạt chắc phải "lạnh lùng sương rơi heo may". Còn anh Long chắc phải vai mang nặng hành lý và "chân bước phân vân

lòng ngập ngừng". Rồi chị Thuyền lúi thủi co ro một mình trở về nữ đại học xá sau khi chuyển xe đồ cũ kỹ từ từ lẫn bánh mang anh đi xa, chìm khuất trong màn sương trắng xóa mịt mờ. Tôi chỉ tưởng tượng bấy nhiêu đó thôi mà còn lòng đau thốn thức, mắt ứa lệ rung rung, thì trái tim hai người trong cuộc chắc phải... bầm dập tan nát đến dường nào. Qua đầu Thu, giọng thư chị Thuyền trở lại xôn xao riu rít sau những lá thư buồn thảm của mùa hè. Chị và anh Long đều đã trở lại trường để bắt đầu cho niên học mới. Đà Lạt dễ thương quá, tuyệt vời quá, Liên ơi, vì hôm nay chị đã gặp lại anh Long sau cả một mùa hè dài như trăm năm. Chị lao xao kể chuyện vui tái ngộ. Tôi nôn nao đọc thư, uống từng dòng chữ, lòng nhẹ hẫng lâng lâng.

Sau ngày anh chị cùng tốt nghiệp đại học, chị Thuyền trở về quê đi dạy. Tôi "ghen" với mấy cô học trò ngang tuổi tôi của chị, tự dưng cảm thấy như mình bắt đầu mất mát một cái gì. Ở Pleiku hay Đà Lạt gì thì chị cũng xa tôi ngút ngàn, và với tôi thật ra chị vẫn còn là "người tình không chân dung" vì chưa lần nào gặp gỡ, vậy mà tôi mơ hồ cảm thấy một Thuyền của Pleiku không còn là một Thuyền của Đà Lạt ngày nào. Thuyền với đôi tà áo dài thướt tha bay lượn trong bầu trời băng lãng khói sương của Đà Lạt nhất định phải nên thơ hơn là Thuyền với áo dài lấm tấm bùn lầy đất đỏ của Pleiku, và buồn nhất là "Thuyền của chị em tôi" đang sống giữa những người... xa lạ vì anh Long phải về Sài Gòn tiếp tục lên cao học.

Hơn nửa năm sau, ba má tôi khăn gói theo anh Long ra mãi tận Pleiku gặp gia đình chị Thuyền để làm đám hỏi cho anh chị rồi... để đó, chờ anh Long học xong mới tính chuyện tiến hành đám cưới. Tôi và Trúc thì thấp thỏm trông ngóng chờ ngày anh Long cưới vợ để hai đứa được biết mùi đi máy bay coi ra thế nào. Trúc ăn cắp chữ nó mới đọc trong truyện Thăng Vũ của ông Duyên Anh đem ra áp dụng liền, ngày đêm hớn hờ bàn với tôi, "đi máy bay cao tí trên trời chắc phải sướng... rêm mé đầu hiu, chị Liên hả?..."

Hai lần đám cưới trong gia đình tôi, của chị Hiền rồi đến anh Tùng, xe hơi còn chưa được xài đến thì dừng nói gì đến máy bay. Ngày chị Hiền lấy chồng, gia đình anh rể tôi ở ngay sau lưng nhà tôi, cách nhau cái hàng rào xi măng cao không qua đầu người. Bình thường con cái hai nhà có thể bắt ghế trèo qua trèo lại như không. Dĩ nhiên là chị Hiền chưa bao giờ thú nhận là chị có từng làm chuyện này giống như đám em út của chị hay không. Gần sát bên như vậy, nhưng không thể đón đưa dâu theo kiểu "trèo tường khoét vách" nên ngày cưới của chị Hiền hai gia đình phải đánh một vòng... gần tròn, đi ra tới đầu ngõ, quẹo phải, đi dọc theo đường hẻm bên hông để qua nhà bên kia. Khúc đuôi của đoàn rước dâu còn dòn cục bên nhà trai thì khúc đầu đã vô tới cổng rào bên nhà gái. Chị Hiền chỉ sắp xếp hành lý sơ sài lấy có vì lỡ quên thứ gì thì cứ chạy ra sân sau réo lũ em đưa đồ qua bờ tường. Năm đầu tiên còn ở bên nhà chồng, chị Hiền đi làm dâu mà chiều chiều cứ tuôn về nhà cha mẹ để tụ tập ăn hàng vặt và tán dóc, cãi cọ với em út.

Đến phiên anh Tùng đi lấy vợ thì nhà bà chị dâu ở bên cù lao nằm giữa sông, đối diện với chợ. Vậy là đoàn rước dâu đi bằng đò, áo xanh áo đỏ, dù hồng dù tím màu mè rực rỡ chói mắt cả một khúc sông. Chiếc xuồng chở đám con nít tụi tôi trông tránh suýt lật úp khi đi vào những con lạch nhỏ vì cả đám cứ xô đẩy lao nhao để chọc hái những trái ổi, trái mận chín hồng thơm tho hấp dẫn đang đưa trên mấy nhánh cây de ra hai bên bờ kinh.

Nghĩ tới đám cưới của anh Long và chị Thuỳ, tôi cười thầm, chắc thời kỳ đám cưới "thủy quân lục chiến" bao gồm từ đường bộ đến đường sông trong gia đình đã chấm dứt, không còn cảnh đi bộ tà tà như đi hóng mát hay ngồi đò lênh đênh trên sông nước.

Đôi khi, trong những lúc "trà dư tửu hậu", tôi và Trúc hay đem chuyện anh Long và chị Thuỳ ra mà mô xê phân tích để chứng tỏ như mình cũng đã hiểu ít nhiều về chuyện yêu đương bồ bịch của người lớn. Trúc cho ý kiến:

- Dĩ nhiên là chị Thuỳ phải thương anh Long nhiều lắm, chị Liên há? Anh mình học giỏi, đẹp trai, tài hoa, hiền lành, chung thủy, dễ thương...

Con nhỏ mới bước qua tuổi mười bốn, miệng còn hôi sữa, tập tành nói chuyện tình yêu như dân sơn đông mãi võ rao bán thuốc dán, thuốc tiêu, thuốc tể, cao đơn, hoàn tán..., chỉ còn thiếu hai chữ "mại dzô, mại dzô..."Tôi bật cười. Trúc phân trần:

- Vậy chứ không phải chị Thuỳ là người "tấn công" anh Long trước hay sao?

Tôi suýt suýt:

- Anh Long mà nghe mầy ăn nói kiêu đó thế nào cũng bị cú đầu vài cái.

Anh Long ghét tụi tôi dùng hai chữ "tấn công" này lắm, nói như vậy là ám chỉ chị Thuỳ đã "chạy" theo anh, nghe... đại hạ giá con gái người ta quá! Anh hay bênh vực chị Thuỳ đủ điều, tụi tôi đồng ý với nhau, ngay cả cái chuyện ai đã theo ai trước nào có mất mát thiệt thòi gì đâu mà anh cũng cố lấp liếm bào chữa cho chị. Có lẽ tại đầu óc anh có phần hơi... cổ lỗ sĩ. Cô Út của tôi đã quả quyết:

- Tao dám chắc thằng Long nhà này là hậu thân của Khổng Tử. Người đâu mà xưa như trái đất!

Từ đó mà anh Long mới có thêm cái tên gọi ở nhà là cù đồ Long.

Mùa hè năm đó, cuối cùng tôi và Trúc cũng được gặp mặt "thần-tượng-từ-miền-cao-nguyên -đất-đỏ" là chị Thuỳ. Nhân dịp nghỉ hè, hai đứa được ba má cho phép lên nhà chị Hiền ở chơi hai tuần lễ, gặp đúng dịp chị Thuỳ từ Pleiku bay về thăm anh Long. Mấy anh chị em rủ nhau lên Đường Sơn Quán ăn uống mừng ngày gặp gỡ. Chị Thuỳ mặc áo dài màu vàng rực rỡ như nắng thu, quần satin trắng ống rộng mềm mại phất phơ. Dáng chị đẹp như tranh vẽ, đẹp hơn cả những tấm hình tôi đã được nhìn qua. Tóc chị suông, để dài quá vai, đường ngôi rẽ giữa thẳng tắp. Ngoài đời, nhan sắc chị cũng không thuộc vào hàng xuất sắc, nhưng chị có duyên và được trời phú cho đôi mắt sáng long lanh ướt mềm cộng thêm nụ cười e ấp dễ thương. Tôi có thể đoán được là chính đôi mắt như sao trời của chị đã làm ông anh tôi hụt chân, té nhào. Mắt em là nước hồ thu... Tôi đọc ở đâu đó câu ví von này. Nhìn vào mắt chị

Thuyền buổi sáng hôm ấy, tôi hiểu ngay được sự so sánh thơ mộng này. Cả một bầu trời mây xanh nắng hồng rực rỡ như in bóng trong đôi mắt hồ thu của chị Thuyền ngày hôm đó.

Tôi ngồi cạnh chị và anh Long. Ghế ngồi là những gốc cây già cưa ra thành từng khoanh tròn, đặt quanh mấy cái bàn gỗ trong khoảng sân rộng với những tàn lá cao su xanh rì cao ngất ngưỡng lao xao nhẩy múa trên không. Tiếng xe cộ vùn vụt qua ngang ngoài xa lộ mơ hồ vọng lại âm thanh râm rì dễ chịu nghe như tiếng ru. Buổi trưa thanh vắng tĩnh yên với một chút gió thoảng qua rất nhẹ làm lung linh những giọt nắng chập chờn dọi trên nền đất phẳng phiu. Mà rồi cũng chẳng ai thêm để ý cảnh trí chung quanh vì mãi mê nghe chị Thuyền nói chuyện. Chị Thuyền ở ngoài đời có lối nói chuyện ngọt ngào không khác mấy những lá thư chị viết, giọng chị nhẹ nhàng trầm bổng với bao nhiêu đề tài lý thú khác nhau. Chị quay sang hỏi Trúc về "danh lam thắng cảnh" của quê tôi. Trúc cười lúng túng:

- Quê em không có chỗ nào tên nghe hay như ở ngoài Huế của chị hết. Mấy cái tên ở ngoài đó nghe không cũng phát thèm. Trường Tiền, Hương Giang, Võ Dạ, Đông Ba...

Chị Thuyền cười xòa:

- Chị đâu có biết Huế ra làm sao. Gia đình chị dọn vào Pleiku lâu lắm rồi.

Tôi dùng mớ kiến thức văn nghệ nghèo nàn của mình để "cứu bờ" Trúc:

- Thì Pleiku của chị cũng được ông Vũ Hữu Định với ông Phạm Duy làm thành... bắt tử với "phố núi cao phố núi đầy sương..." đến đôi anh khách lạ cũng phải đi lên đi xuống, đi tới đi lui... Còn Vĩnh Long, chị có nghe bản nhạc nào nói về Vĩnh Long thơ mộng chưa?

- Vậy quê em có gì thì cứ kể cho chị nghe...

Trúc nhú mày suy nghĩ:

- Quê em có nhiều cầu lắm. Cầu Cái Cá, cầu Cái Côn, cầu Cái Cam... Nghe "cái mà" thấy ghê luôn.

Chị Thuyền bật cười, tiếng cười chị trong veo, ấm áp:

- Rồi gì nữa Trúc?

- Cầu Lộ, cầu Lầu, cầu Kinh Cụt, cầu Công Xi Heo, cầu Vòng, cầu Ông Me, cầu Bà Điều, cầu... đủ thứ giống!

Trúc kể lể một hơi đông dài nghe gần muốn đứt hơi, gom góp hết tên những cây cầu trong thị xã mà nó nhớ được để trả bài với chị Thuyền. Rồi nó nhìn lại nét mặt chị Thuyền càng lúc càng tỏ ra... kinh hãi với những tên cầu nghe thật chẳng giống ai, con nhỏ bỗng sùng sùng ngưng ngang, ngồi thộn mặt ra ngó quanh bàn. Mọi người cùng phì cười trong khi chị Thuyền cố nói năng một cách đàng hoàng:

- Em nói đúng ghê. Quê em quả thật là nhiều sông nhiều cầu. Cứ y như là một Venice của Việt Nam!

Chị Thuyền quả thật là người khéo ăn khéo nói, vừa nhanh trí lại vừa lịch sự hết chỗ chê. Dù không biết Venice là cái quái đản gì, tròn méo ra sao và nằm ở xó

nào trên năm châu lục địa, tôi chỉ lụp chụp nghe được cái tên ngoại quốc là khoái tí tê trong lòng. Ủ, thì Vợ-nít nghe cũng tựa tựa như... Vĩnh Long, cùng bắt đầu bằng một chữ V, như vậy chắc chắn là có... bà con xa gần rồi. Anh Long chăm chú lắng nghe tụi tôi nói chuyện, cười tủm tỉm rồi lắc đầu làm bộ ra vẻ chán nản ê chề.

Hôm chị Hiền đột ngột về thăm nhà, tôi đoán chắc có chuyện gì không ổn, dựa theo cái vẻ đi đứng bồn chồn nóng nảy, mặt cau mày có của chị từ lúc bước chân vào nhà. Sau buổi cơm chiều, khi mấy chị em quây quần quanh bàn ăn chăm chú nhìn má dạy cách đồ rau câu sơn thủy, chị mới thì thầm kể lể với má:

- Vụ thằng Long với con Thuyền chắc là không xong đâu má à!...

Má tôi ngược lên nhìn chị Hiền, không giấu được sự ngạc nhiên:

- Sao vậy? Bộ tụi nó húc hặc gì hả?..

Chị Hiền thở ra:

- Anh Quang con có người bạn cũ cùng dạy một trường với con Thuyền, người ta biết Long là em con nên mới nói cho biết là con Thuyền đang cặp bồ với một anh chàng giáo sư cùng trường. Thành phố nhỏ xíu nên chuyện trong nhà chưa hay thì ngoài ngõ đã biết. Hôm tháng trước thằng Long bay ra ngoài đó gặp con Thuyền để hỏi rõ sự tình, con Thuyền thề sống thề chết là nó vẫn thương, vẫn chờ thằng Long. Thấy cũng tạm êm rồi..., ai dè đâu tuần trước bạn thân thằng Long làm việc ở ngoài Nha Trang lại gọi cho nó, nói gặp con Thuyền ở khách sạn với người đàn ông nào coi thân mật tình tứ lắm. Con Thuyền trông thấy nó là mặt mày xanh lè, hết đường chối cãi...

Má tôi buông người nặng nề xuống ghế, ngược mắt nhìn chị Hiền nhưng không nói được lời nào. Tôi bỗng thấy nghẹn thở và không muốn nghe tiếp những lời chị Hiền kể lể. Chưa yêu ai ngày nào mà tôi cảm thấy đau đớn như chính mình là người bị phụ tình. Chị Hiền ôm vai má tôi, nhẹ giọng vỗ về:

- Con về đây để nói cho má biết là thằng Long mới đánh điện tín ra Pleiku cho ba mẹ con Thuyền hôm qua để xin từ hôn.

Đó là lý do chị Thuyền đã vội vã bay về Sài gòn để xin gặp mặt anh Long. Tôi bản thân suy nghĩ tới lui, nhưng không đoán được tại sao chị còn năn nỉ van xin anh Long tha thứ để làm gì. Mọi chuyện hình như đã đi quá xa, như những vòng bánh xe lăn đã đưa đến sát bên bờ vực thẳm mà không còn cách nào đứng dừng hay quay đầu trở lại.

Buổi tối, tôi và Trúc rút vào phòng sớm hơn thường lệ, thì thảo bàn bạc về chuyện mới xảy ra. Hai đứa cùng ngẩn ngơ đau khổ như nhau. Tôi bỗng dưng nhớ đến mẫu giấy tập học trò lấm tẩm vài vệt nâu loang lổ mà tôi và Trúc tình cờ nhìn thấy trong cái bóp da nhỏ của anh Long. Anh Long giải thích, đó là tờ giấy chị Thuyền đã gói ô mai tặng anh để làm quen. Trúc nghe qua, nhả mặt kêu lên:

- Em đâu biết cụ đồ Long mà cũng biết ngâm ô mai cam thảo...

Tôi hả hê cười:

- Vậy chớ mày không nghe má thường hay nói sao, khi người ta thương nhau thì biểu ăn "bùa mê thuốc lú" gì cũng ăn, nói gì tới ba cái ô mai, xí muối, cánh chỉ, trần bì...

Đó là chuyện vui trong quá khứ. Còn hiện tại thì mấy anh em tôi cay đắng cùng nhau ngậm... bồ hòn. Tôi và Trúc lục soạn moi móc ra hết những tờ thư cũ của chị Thuyền, ngồi lẩm nhẩm đọc lại từng dòng chữ như để tìm bất cứ dấu hiệu nào cho tụi tôi có thể đoán biết là một ngày nào đó chị sẽ hững hờ quay lưng. Dĩ nhiên là tôi không tìm thấy gì hết. Cho nên tôi tự an ủi là tình yêu một thời chị dành cho anh Long là điều có thật. Những giọt nước mắt chị nhỏ xuống với anh là những giọt nước mắt chân thành. Và có lẽ, ngay cả những lời cầu xin anh tha thứ cũng xuất phát từ trái tim, mặc dù tôi không đoán được chị sẽ xử sự ra sao nếu anh đồng ý chấp nhận cho chị quay về. Tôi không biết chị đã tìm được một tình yêu khác trưởng thành hơn tình yêu lãng mạn và mong manh của thời làm sinh viên mơ mộng, hay chị đang hốt hoảng cuống quýt chợt nhận ra giá trị của những gì sắp sửa vượt xa ngoài tầm tay với. Dù có là gì đi nữa, trong thâm tâm tôi biết chắc là chị không hề dự định chỉ yêu anh Long một thời cho... vui. Tôi thầm đoán, trên một đoạn đường đời đã cùng đi chung bước, như bao nhiêu đôi tình nhân khờ khạo ngu ngơ khác trên cõi đời này, hai người cùng trao nhau bao lời thệ nguyện dài lâu bằng cả tấm lòng thành mà không nhìn thấy trước được những thử thách gian nan, những hố thẳm vực sâu đang chực chờ trước mặt.

Tôi lẩn thẩn nghĩ, cái câu "duyên số tại trời" của má suy ngẫm vậy mà... có lý. Có lẽ cuối cùng thì cũng không phải lỗi tại ai mà chỉ tại... ông trời. Nhưng rồi tôi thấy phân tích lung tung để chứng tỏ mình là người hiểu biết, bao dung và... quân tử là một chuyện, sự thật thì nỗi đau vẫn nằm nguyên đó, là cũng như anh Long, tôi đã mất chị Thuyền. Mất đoạn đoạn xót xa. Mất bâng hoàng tức tưởi. Khi bị tình phụ thì chắc người quân tử chính hiệu con nai vàng hay người quân tử... tàu cũng đều đau khổ quắt lòng, cũng đòi đoạn tâm can như nhau!..

Tôi ngồi co người ở mép giường với hai tay vòng ôm gối, đầu lắc lư nhịp nhàng theo tiếng mưa rơi gõ đều trên mái ngói, bâng khuâng nghĩ đến chuyện sẽ chẳng bao giờ còn nhận được những lá thư mang nét chữ quen thuộc từ "phố núi cao, phố núi trời gần..." nữa, và tự dưng nghe lòng buồn quá đỗi...

Phan Các Chiêu Hằng

DƯƠNG QUÂN

Thư Viết Từ Miền Biển

Ta về đây, đìu hiu miền biển vắng
Bãi ghềnh sâu, hoang dã lá hoa còn
Mây lang thang, thảng ngày trôi vô tận
Nhạc trùng dương ru mãi giấc cô đơn.

Ta về đây, không hoa thơm bướm lượn
Không lụa là, son phấn, núi đồi cao
Không lâu đài, không nhạc sang, mỹ tửu
Chỉ bao la trời mây nước một màu.

Ta về đây, giấu mùa xuân trong lá
Cho muôn năm rừng giữ tóc em xanh
Ta trút hết lòng ta vào biển cả
Cho rong rêu ủ kín mảnh chân tình.

Em có hiểu. Hay là em không hiểu?
Trọn đời ta đi tìm ngọc trong thơ

Ta chỉ thấy trời đêm tràn tinh tú
Cứ ngỡ rằng châu báu rải trong mơ.

Và quanh năm với hai mùa thay đổi
Như lòng ta hạnh phúc lẫn thương đau
Lúc bão dữ, ta âm thầm hứng chịu
Đợi bình yên khi nắng ấm dạt dào.

Những tình sương, ta dường nghe em đến
Bước chân ngà từng thế kỷ thông dong
Những chiều buông, ta dường nghe em gọi
Tiếng thì thầm trong tiếng sóng bập bùng.

Hãy một lần về với ta. Em nhé!
Để hồn ta hòa với biển muôn trùng
"Trí nhạo sơn, (ai hiền) nhân nhạo thủy"*
Ta kẻ khờ, xin tạ dạ bao dung.

Ta về đây, chờ em trong khô hạnh
Một ngày kia tao ngộ cội Vô Cùng.

Dương Quân

**Nho: Người trí thích chơi núi
Người nhân thích chơi biển*



NGUYỄN LƯƠNG VY

Ngày Nay

Ngày nay buồn quá thụt lùi
Hít hơi lấy trời lau chùi bão giông
Chào em chào ẻm mênh mông
Lai sinh cố cự đủ đông lắm rồi
Âm vang cây cỏ đứng ngồi
Vời trông phía trước vọng lời hồn mang
Oan cừu thất cổ thời gian
Không gian tím tái chia tan mộng đầu

Nguyễn Lương Vy



TRẦN BANG THẠCH

Thả Khói Lên Trời

(truyện thời chiến)

Chiếc ghe tam bản của vợ chồng thằng Bé đi ngang qua bến. Thằng Bé buông lời tay chèo nói với lão Thụ: vợ chồng tui đi nhen. Con vợ thằng Bé đang ngồi vạch vú cho con bú trước mũi ghe cũng nói với lên bờ: mời một tui tui địa thăm, ở lại mạnh giỏi! Chiếc ghe ra khỏi vàm. Lão Thụ vẫn còn đứng trên bến ngó mong theo. Con nước trong rạch vào mùa này đục lừ. Mấy dề lục bình theo dòng nước trôi ra khỏi bến. Con chim thẳng chài lông xanh mỏ đỏ đập cánh bay lên từ cây bần trụi lá. Buổi chiều trôi bồng bềnh trên từng nhánh cây khô, từng bụi cỏ úa. Lão Thụ thấy sự cô đơn thật sự có mặt trong con rạch này chiều nay. Lão tặc lưỡi mấy cái rồi vén quần ngồi lên băng gỗ trên bến sông.

Vợ chồng thằng Bé đã bồng bế nhau đi! Như vậy, lão nghĩ thầm, chỉ có gia đình lão còn ở lại trong làng này. Từng gia đình, từng gia đình lần lượt chèo ghe ra khỏi vàm từ hơn tháng nay. Trong nỗi kinh hoàng, người ta đã ra đi. Trong tiếng khóc nghẹn ngào, người ta phải từ giã nơi chôn nhau cắt rún. Trong tâm trạng bơ vơ lạc lõng, người ta phải bỏ làng để bắt đắc dĩ nhập vào cái xô bồ bon chen của thành phố. Cho đến bây giờ lão Thụ cũng không hiểu sao gia đình lão chưa hề nghĩ đến chuyện bỏ làng ra đi như hơn năm mươi gia đình khác đã sống những ngày, những đêm trong hầm núp. Bao nhiêu nỗi kinh hoàng vẫn thường trực trùm úp lên mái nhà lá dột nát của lão, đè nặng trái tim già cằn, thoi thóp của vợ chồng lão. Sự khủng khiếp không buông tha con rạch này ngày nào. Những-người-bên-này, những-người-bên-kia hầu như lúc nào cũng nhìn con rạch nhỏ bé này bằng đôi mắt cú vọ! Những tiếng khóc thét nửa đêm không làm át tiếng đạn bay vèo vèo. Những giọt nước mắt buổi sớm không dập tắt được những đám cháy từ đầu hôm. Và sự chịu đựng cũng mỗi mòn. Người ta vừa rót nước mắt vừa bước xuống ghe, ra khỏi vàm. Từng buổi chiều,

lão Thụ ngồi trên băng gỗ dưới bến nhìn từng chiếc ghe tam bản xuôi ra chợ. Rất nhiều khuôn mặt đen đúa, bơ phờ ngược lên nhìn lão Thụ, nhìn cây cau gãy ngọn, nhìn lại chiếc cầu khỉ bắt ngang qua vàm, nhìn ngôi trường sơ cấp đã mấy lần được dùng làm tòa án nhân dân. Lão Thụ cứ ngồi đây tiễn họ đi như vĩnh biệt người thân thuộc. Bây giờ thì không còn ai ra đi nữa để lão Thụ ngó mong mỗi buổi chiều. Đi. Người ta bỏ làng mà đi hết rồi! Bây giờ chỉ còn gia đình lão và nỗi khủng khiếp ở quanh đây!

Lão Thụ ngó lên căn nhà. Một ánh lửa đang leo lét cháy. Vợ lão Thụ đang đốt nhang khấn vái ở bàn thông thiên. Căn nhà nhỏ nhoi thêm trong cái tịch mịch của buổi chạng vạng. Hình ảnh vợ lão Thụ nhạt nhòa động đậy sau giàn hoa giấy. Giàn hoa này tới chừng gả con nhỏ chắc đơm bông rồi, ông há, thêm mấy cây đuông đỉnh nữa là xong nhà đãi khách! Lão Thụ nhìn vợ đang thành kính trong những lần lạy. Những cái lạy, những lời cầu nguyện đó rồi sẽ mang đến cho người ta những cái gì? Bao nhiêu bàn thông thiên, bao nhiêu bàn thờ tổ tiên, bao nhiêu mồ mã ông bà đã hương tàn, nhang lạnh từ mấy mươi năm rồi? Lão Thụ thấy sự cô độc mỗi lúc một đè nặng trên thân xác khô cằn lụ khụ của lão. Những ngày chạy loạn năm bốn chín, năm hai, năm ba. Thanh niên tiền phong. Lính bạc-ti-dăng. Quốc Trưởng Bảo Đại muôn năm. Máy bay bà già. Tàu mũi bằng. Rồi được yên thân vài năm hồi thời Ngô Tổng Thống. Bao nhiêu những biến động dập dồn đã chất chồng trên thân xác này biết bao nhọc nhằn, vất vả. Nó làm cho lão dờ dẩn trong tuổi già bóng xế, làm cho lão mất đi hơn nửa kiếp làm người. Nỗi bất hạnh đã chắt đầy ứ trong cuộc đời lão. Nỗi nhọc nhằn đã thấm đẫm từng lỗ chân lông. Để bây giờ lão chỉ còn biết mỗi chiều ngồi trên bến sông nhìn con nước phù sa chảy siết dưới lòng rạch.

Tiếng cú rúc từ xa, vừa ồm ồm, vừa đe dọa.

-Ông ơi lên ăn ba hột đi, tối rồi. Ngồi dưới hoài hồng chán sao hồng biết nữa!

Bà Thụ nói với xuống bến sau khi cắm mấy cây nhang vào cái hộp lon dán giấy hồng đơn nhạt màu.

Lão Thụ quăng đuôi thuốc rê xuống lòng rạch rồi đi lên nhà.

Mâm cơm đạm bạc với mấy trái cà nướng, mấy chục con cá lòng tong. Bà Thụ bung nồi cơm từ dưới bếp đem lên.

-Con Thắm đâu rồi, không lên ăn một thê?

Bà Thụ vừa ngó ra vườn vừa trả lời chồng:

-Nó cho heo ăn ở đằng sau á.

Rồi bà nói với ra sau:

-Thắm, riết đi. Cơm nước cho rồi mày.

Tiếng con gái vọng từ sau nhà:

-Tía má ăn trước đi. Tui lên liền.

Bà Thụ bới ra từng chén cơm. Những hột cơm trắng trên hai chiếc đĩa bếp loáng thoáng sáng dưới ánh đèn dầu. Gạo mới còn thơm phức mùi rạ. Mấy con heo vừa ăn bập bập trong máng vừa kêu ột ột. Tiếng muỗi vo ve trên vách lá.

-Vợ chồng thằng Bé ra chợ rồi, bà hay hông?

-Sao hông! Hồi xé tui có gặp vợ nó. Tui cho nó mấy chục trái cà đem ra chợ ăn đỡ. Nó nhờ coi nhà cửa với mấy liếp khoai lang.

-Tui thấy vợ con nó sợ quá cũng tội nghiệp, không bàn ra bàn vô làm gì. Ra chợ cũng khó sống lắm chớ bộ, dễ đâu. Lạ cảnh, lạ người, làm sao mà bon chen lại người ta. Lại còn cái nạn pháo kích nữa chớ.

-Ôi! Trâu đập cũng chết, chó đập cũng chết, hơi đâu mà lo. Người ta sống được thì mình sống được.

-Bà nói dễ như ăn cơm bữa! Thằng Lượm, thằng Tư đi vác lúa nhà máy bị dân chợ đánh phun máu đầu rồi đó! Con Lý, con thằng Xệ hư thân rồi đi Sài Gòn lấy Mỹ nuôi miệng. Thằng Thùng dẫn con vợ đi Sài Gòn sống không kham, trờ địa rồi. Hôm kia người ta gặp con nó đi bán báo ngoài Cần Thơ, rách rưới lắm.

-Ông nói sao chớ tui cũng ngán ở đây lắm. Chừng mấy con heo trọng trọng một chút, lo gả con nhỏ xong mình cũng ra nhà đi năm nó mà ở.

Lão Thụ cắn trái ớt hiểm, và miếng com. Tự nhiên lão thấy lòng quặn đau trước ý kiến của vợ. Lão không muốn nói thêm lời nào trong lúc này. Bà Thụ cũng đã hơn nửa đời người gắn chặt vào nỗi bất hạnh, nỗi kinh hoàng của một thôn quê máu lửa. Bà sống như một cái bóng trong những thét gào của chiến tranh. Bà nhọc nhằn thời làm con gái. Bà đầu tắt mặt tối trong phận vợ hiền. Bà cần cù, chịu đựng, nhẫn nhục nuôi con. Một thằng đã chết vì bệnh rét rừng trong thời chạy loạn năm hai. Một thằng chết cách đây mấy năm vì mìn trên đường đi dạy học bằng xe lam. Người đàn bà nhỏ thó đó hầu như được sanh ra để mà hứng chịu cực nhọc. Suốt ngày bà dầm mình trong mưa, dầm mình dưới nắng vun quén từng cây cà cây ớt. Mùa cấy bà bì bõm dưới ruộng sâu gieo từng cây mạ non dưới nước phèn. Mùa khô bà bồng da chun trên những lỗ chun trâu khô cứng. Bà gặt từng cọng lúa, mót từng hạt thóc rót trên cánh đồng chang nắng. Bà thường nói với chồng về tương lai con Thắm:

-Tui thấy con Thắm ở đây với mình cực khổ mà nguy hiểm quá ông à. Để khi thằng Sang địa phép thường niên mình gả con nhỏ cho xong.

-Bà nói làm vợ lính sướng lắm chắc?

-Dầu sao mình đỡ lo mà con nhỏ cũng yên thân.

-Cả năm rồi đó, nó có địa được để cưới vợ đâu. Không khéo mình lại lo cho thằng đó nữa đa!

Hơn một năm để chờ mấy ngày phép! Hai con heo bây giờ đã quá trăm ký rồi. Con Thắm vẫn nhìn thàng ngày trôi qua trên sắc lông mỗi ngày một mướt trên lưng hai con heo. Nỗi mong đợi cứ kéo dài trên những lá thư viết nguệch ngoạc khi thì từ Chương Thiện, khi thì từ Năm Căn, khi thì Đức Lập...

Con Thắm từ dưới bếp đi lên nhà trên, hai ống quần đen xăn lên tới gối. Đôi tay nó vuốt mấy sợi tóc lất phất trước trán. Chiếc áo bà ba cũ thắm ướt mồ hôi. Nó ngồi ké bên tấm ván, bung chén cơm và, trông ngon lành. Hai bàn tay sạm nắng vẫn

không mất vẻ dịu dàng. Những ngón tay mồm mồm sáng lên dưới ánh đèn dầu. Lão Thụ nhìn đứa con gái rồi nhớ tới lá thư thằng Sang gửi về hôm trước: "...ông xếp con định cho con về hậu cứ tháng tới, không đi đánh giặc nữa, mà chỉ kê cái bàn ngoài góc chợ, mỗi ngày ghi tên tân binh tình nguyện; chừng đó con mượn nhà rước tí má cùng em Thắm ra chợ ở...". Lão Thụ thấy việc về hậu cứ của thằng Sang chỉ là một sự dối chác với mấy vết thương ở hai bên đùi và trên cánh tay trái. Lão Thụ và hết phần cơm trong chén rồi buông đũa bước xuống đất. Lão kéo lê đôi guốc vòng đi ra ngoài sân. Bà Thụ nói với theo:

-Ông coi trái chiếu dưới hầm đi, một lát rồi làm không kịp!

Lão Thụ ừ ừ cho qua rồi đi thẳng ra giàn bông giấy. Trái chiếu dưới hầm! Công việc này lão đã làm bao nhiêu lần rồi lão không sao nhớ hết được. Cứ mỗi chiều tối sau khi ăn cơm xong, lão đốt cây đèn trướng vệt tay cặp chiếu rách, khom lưng chui xuống hầm, trái chiếu chiếu rồi đưa cây đèn dầu xung quanh hầm xem coi có rắn rít ở trong hầm hay không. Xong, lão đặt cây đèn gần miệng hầm, vặn thấp ngọn đèn rồi chui ra. Chờ đợi. Công việc đó lão làm mà không có một chút chú tâm nào. Thế mà hôm nay tự nhiên lão không muốn diễn lại bao nhiêu động tác quen thuộc này nữa. Lão Thụ đi vào nhà. Lão nhắc ra cái ghế đầu, đặt ra giữa sân ngồi vắn thuốc hút. Từng vệt khói bay lên trời, khỏa vào mặt. Lão thấy dễ chịu. Còn ai ở đây nữa mà bom đạn tìm đến chớ? Lão Thụ nghĩ thầm, họ đã đi hết cả rồi! Họ lần lượt để lão ở lại sống với những oan hồn của người đã chết trong những lần lửa đạn trước, những lần thủ tiêu trước. Ở đây chỉ còn là tịch mịch hoang vu. Những người bên kia trước đây đã về để vét cơm vét áo, để làm biệt tích vài người trong làng. Bây giờ thì đây là một vùng đất chết, họ còn trở về làm gì nữa cho phí công! Còn những người bên này lẽ nào lại chẳng buông tha một vùng đất chết? Lão Thụ rít dài một hơi thuốc. Từng vệt khói bay lên trời, quán quít trong gió chiều. Lão nhìn mấy thân cau gãy ngọn in rõ trên nền trời. Bầu trời không một ánh sao. Dầu vậy lão cũng có thể nhắm mắt hình dung những vết tích trên từng cây cau trước cửa và từng bụi chuối sau hè. Lão cũng có thể, trong đêm đen, thấy được những hố bom thật sâu ở ngoài vòm, cạnh ngôi trường sơ cấp. Lão cũng không quên mấy ngôi mộ mới đắp của gia đình thầy giáo Ba gần ụ cá vồ bên vệ đường. Mấy ngôi mộ của một gia đình đã bao đời tận tụy với xóm làng chắc đang lạnh dưới sương đêm. Vài ngày nữa đây ai sẽ trở về để cúng trăm ngày cho họ? Lão Thụ thấy bụi ngủi trong dạ. Lão ném tàn thuốc xuống chân, di cho tắt hẳn rồi đứng dậy xách ghế đi vào nhà.

Bây giờ là đêm. Đêm trải dài. Đêm thâm u. Đêm bí ảm. Đêm vô tâm trên từng chồi cây ngọn cỏ. Đêm lạnh ngắt dưới con rạch nước đục lừ. Đêm quạnh hiu trong những căn nhà lá trống không. Bỗng chốc đêm sáng hực lên. Đêm bùng nổ. Đêm bắt đầu xòe cánh, vươn nanh. Đêm ác quỷ. Đêm của nỗi kinh hoàng chết điếng. Những loạt đạn lớn nhỏ, những chùm hỏa châu ở lưng chừng trời đã cho đêm hồng hoang âm thanh để thét gào, để thăm sát; cho ánh sáng để đêm nhìn rõ móng vuốt của mình đang càn lướt trên muôn vật, để nhìn rõ cơn địa chấn đang bùng bùng xô đẩy dưới

vết chân. Và đêm phải được thắp sáng để đêm nhìn rõ ba trái tim đang thoi thóp trong một mái nhà lá nhỏ, phía trước có một bàn thông thiên với mấy cây nhang chưa tàn và một giàn hoa giấy. Khói của nhang đang bay vút lên trời. Lời nguyện cầu nào đang cùng bay lên với khói trong giây phút tử sinh này?

-Tui thấy ở trong nhà không yên rồi đó bà. Mình nên chạy ra cái hầm sau vườn chắc ăn hơn.

-Sáng quá đâu dám chạy ra ngoài, tía.

-Hai con heo mày cột đâu hả Thẩm?

-Thì ở chỗ mọi khi má cột đó!

-Ừ! Được

-Coi bộ có mùi khói khét lẹt rồi bà. Ra sau vườn đi!

-Tao tức quá. Hồi chiều kêu mày hái cho xong mấy liếp cà, mày cũng hông hái. Bây giờ chắc tiêu hết rồi!

-Sao bà cứ lo chuyện bao đồng. Có nín đi hông!

.....

-Có nhiều tiếng nổ quá bà ơi.

-Chắc có rớt quanh nhà mình rồi ông ơi.

-Tui thấy cái hầm như quay tròn, tía à.

-Sao lỗi tai tui lòng bùng quá, nhức đầu nữa, ông à.

-Thì tui biểu ra ngoài sau chắc hơn.

-Hông xong đâu, tía ơi, sáng lắm, nó thấy mình chạy ra là chết hết.

.....

-Tui ngộp thở quá má ơi tía ơi!

-Đề tao ra miệng hầm coi bớt sáng chưa.

-Khéo đa ông!

.....

Ba bóng người rời khỏi hầm, khom người chạy ra hầm núp ngoài sau vườn.

Đêm bây giờ đang bốc lửa. Những lưỡi lửa đã thiêu rụi mấy cái nhà bên kia con rạch. Hơn một giờ qua đêm, thần chết đã để rơi rớt bao nhiêu trái nổ trên vùng đất chết này rồi. Những cây cau gãy ngọn bay đi đâu mất. Giàn hoa giấy cạnh bàn thông thiên cháy nám. Mấy cây nhang trên bàn thông thiên đã nhả khói lên trời. Có còn gì không sau cơn đại hồng thủy? Có không một ông Noé với con thuyền cứu rỗi trên lượn ba đào?

-Ông ơi sao hai con heo la quá kìa?

-Chắc nó sợ súng chớ gì.

-Hồi nào tới giờ nó có biết sợ đâu?

-Thì bữa nay bắn nhiều, nó sợ.

-Ông cứ nói cho qua lè! Tui chắc mấy con heo bị đạn rồi.

-Thì kệ nó chớ biết sao bây giờ đây?!

Trong thoáng chốc bà lão thấy lò mờ trước mặt mình hai con heo to béo mà mẹ con bà đã đổ bao nhiêu mồ hôi nước mắt nuôi nấng từ hơn năm nay. Đồng thời bà cũng thấy những cây đung đỉnh kết hoa kết lá dựng trước sân, bên cạnh giàn hoa giấy đang trở bông hồng nhạt trong ngày gả con sắp tới. Mắt bà thấy đứa con gái mặc áo mới về nhà chồng. Mũi bà ngửi thấy mùi ba xi để nồng nặc thoát ra từ nhà tiệc, họ hàng bà con lối xóm đang vui như ngày được mùa. Rồi những tiếng kêu khản cổ của mấy con heo hòa lẫn với trăm ngàn tiếng nổ kinh hồn. Bà lão thấy choáng váng. Trước mắt bà, hai con heo của bà lăn ra, dãy đành đạch, miệng hộc ra từng ngụm máu tươi nóng bỏng. Bà lão còn thấy hình như có cả một đàn quạ từ trên cao đáp xuống. Trăm con, ngàn con, triệu triệu con quạ đang bay lên, đáp xuống hai đồng thịt bầy nhầy, ứ máu. Rồi những cọng lông mượt mượt mà bà hằng ngày ve vuốt, tắm rửa; những miếng thịt thơm mùi tấm cám lần lượt bị hàng triệu con quạ đen cắn trên mỏ, kẹp dưới đôi chân đem đi mất. Bà hoa cả mắt, ù cả tai. Bà chơi vơi trong cơn mê nặng chịch. Hai con heo dành cho tiệc cưới! Bất thần bà lão chui ra khỏi hầm. Có tiếng gọi thất thanh của hai người còn lại trong hầm.

Ánh hỏa châu bây giờ thật sáng. Tiếng động cơ và tiếng nổ thật gần, thật chất tai. Tưởng chừng như đất đang đổ lở, cây cối đang bung gốc rễ. Thật là một cơn địa chấn khủng khiếp!

Bỗng thêm một bóng người chạy ra khỏi hầm. Mái tóc dài phơ phới, đậm nét dưới ánh hỏa châu. Một vài tiếng thét ở đâu đó vang lên, rồi im phắc.

Đêm găm giữ. Đêm xếp cánh. Đêm đi

---o0o---

Trời chưa sáng hẳn thì những chiếc xe bọc sắt đã có mặt trong làng. Những nòng súng đen ngòm trên từng chiếc xe lăm lăm đầy bùn đất. Mấy người xạ thủ ngồi nhìn băng quơ, những dây đạn đại liên đề trước mặt họ như món đồ trang sức. Trên cây cầu khỉ đầu vòm, năm sáu người lính vừa đi vừa hát. Anh là lính chung tình gió sương đầu ngai chúng mình. Một tốp lính khác ngồi trên thân cây dừa gãy, lỗ chỗ vết đạn, lắng nghe tiếng ca Thành Được rồi bời từ chiếc máy phát thanh nhỏ xíu. Một người lính nhịp nhịp khẩu M16 vào cái nón sắt lật úp. Viên chuẩn úy trẻ lấy máy ảnh chụp cây cột đang cháy dở, nghun ngút khói đứng chơ vơ trên nền nhà đổ nát, phía trước sân có bàn thông thiên ngã đổ và giàn hoa giấy trơ trụi. Nước cạn sát lòng rạch. Những thân cây bần lá ngọn, lá rụng trên bãi sinh non. Mấy con chim thẳng chài không buồn đến ăn những bông bần tím ngon ngọt. Bánh xe bọc sắt làm rập nhùng ụ cỏ cao quá đầu người. Phía sau căn nhà đổ nát, mấy trái cà tím rụng vãi dưới đất. Một người lính vừa lượm cà bỏ vào hai túi cây di vừa nói: Trời cho mình ăn cái này đây, trung sĩ, hí hí hí! Anh ta cười đưa hàm răng trắng hếu. Viên trung sĩ ngồi trên bọc đất, phía sau máy truyền tin, nói: Trời cho cái con bú dũ! Chủ nhà họ trông đó con! Ở đây đâu

có người ở, trung sĩ? Con tưởng ở đây là địa phủ sao chớ! Viên trung sĩ nói xong bèn đứng dậy vạch quần đái lên một khúc gỗ còn cháy.

Trời sáng dần. Đoàn quân được lệnh dừng lại đây cho đến trưa. Họ phân nhau bố phòng. Những người không nhiệm vụ trải ponô dưới mấy gốc dừa nằm ngủ, nghe vọng cổ hay nói chuyện tiêu lâm ngày xưa có ông trạng Quỳnh đá bèo trên ao. Mọi người cười ngất ngất.

Bỗng một linh báo động làm giật mình mọi người. Tất cả hướng về bụi lũng rậm rạp. Từ bụi lũng đó, Lão khập khiễng bước ra. Thân hình lão chỉ còn độc một cái quần đùi rách bươm, hở hang và một cái khăn ăn trầu vắt ngang vai. Đoàn quân nhìn lão ngạc nhiên. Đây là vùng đất chết mà! Phải chăng họ đang sống trở lại thời hoang sơ với con người tiền sử đang đứng trước mặt họ? Lão lẳng lẳng bước ra khỏi bụi rậm, dáng đi thất thểu, miệng như hé cười. Chốc chốc lão đưa khăn lau dãi chảy tràn ra hai bên mép miệng. Đôi môi lão khô nứt. Lão bước đi như bộ xương khô đang di động. Mấy cái xương sườn như bật hẳn ra khỏi lớp da nhăn nheo cáu ghét. Mọi người đổ dồn về phía lão. Lão cứ chệnh choạng bước và cứ mỉm cười. Hai bên mép dãi chảy lòng thòng như hai dòng sữa loãng. Lão đi về hướng bờ rạch. Viên chuẩn úy trẻ đến bên lão, nói:

-Ông là người từ đâu đến đây?

Lão vẫn bước những bước đi dờ dẫm, gương mặt nhăn nheo, đôi môi khô như luôn mỉm cười, đôi tay quờ quạng trong không khí, đôi mắt như đang kiếm tìm một vật gì ở cõi vô biên. Viên chuẩn úy đến phía trước mặt lão, nắm đôi vai lão dừng lại. Lão chới với đứng lại, hơi nghiêng về phía viên chuẩn úy. Đôi môi khô hơi mỉm cười.

-Ông có nghe tôi hỏi không? Ông là ai? Lão nheo nheo đôi mắt đục ngầu, đôi đồng tử mắt hút trong sâu. Lão kéo khăn đội lên đầu rồi đưa bàn tay khẳng khiu quẹt dãi. Môi luôn mỉm cười.

-Ông trả lời cho chúng tôi đi! Sao đến bây giờ ông còn ở đây? Ông có biết đây là vùng oanh kích tự do không?

Một người lính khác chen vào: Chắc ông lão này cầm chuẩn úy à. Họ đỡ lão ngồi xuống đồng gạch vụn của chiếc bàn thông thiên đổ, bên cạnh giàn hoa giấy tro xương. Lão ngồi chống đôi tay như cây que trên gối, đôi mắt dờ dẫm nhìn đâu đâu. Thỉnh thoảng lão gục gặc đầu mỉm cười một mình. Mấy người lính đứng bên thích chí cười theo. Viên chuẩn úy nói: anh em đừng làm ồn, để ông già định thần rồi mình sẽ hỏi chuyện sau. Một anh hạ sĩ đốt điếu bát tô quân tiếp vụ đưa cho lão. Lão nhận lấy điếu thuốc hút ngon lành. Lão ngửa mặt lên trời, cong đôi môi khô, từ từ nhả khói. Những cuộn khói xám bay lên trời. Không biết nghĩ gì mà bỗng nhiên lão cười sặc sụa, cười cong cả người, cười tím cả môi, cười xanh cả mặt, cười ra nước mắt. Cười như con nít được quà.

Trần Bang Thạch

(Viết cho đêm Bảo-Việt chào đời 12-7-69)

* Lời Tòa Soạn Trầm Hương:

Bài này Trần Bang Thạch viết năm 1969 với bút hiệu Nguyễn Cát Đông.



QUAN DƯƠNG

Lục Bát Cùng Em (5)

Ở đâu mà đến nơi này
Khiến cho tuyết cũng ngất ngây chỗ ngồi
Hàng cây tắt gió ngóng trời
Xa hơn chút nữa một người ngóng em

Chân lời là cọng tuyết mềm
Có nghe gió gọi mây gom nhớ về
Tôi vui xuống thịt hạt mơ
Trông nhành xương héo lên bờ nhú bông

Em ngồi ủ một mùa đông
Còn tôi ủ sợi tơ lòng quanh teo
Đất trời đứng giữa trong veo
Nheo con mắt chúng ngày nào cùng nhau

Quan Dương



CÁI TRỌNG TY

Cách một dòng sông nghe tiếng Sóng

*khi em chỉ cho anh
màu vàng của đất
là dấu hiệu trong suy tàn nhân thế
nổi nân nao khơi dậy đốm lửa tàn
màu ngôn ngữ của thời gian ẩn dấu
em nói dùm cho đoạn kết tình yêu
sự trong sáng
đôi khi cũng mù lòa sắc tố
nơi cánh đồng mía lau
một thời ngọt sắc
cây xạc xào và gió rít mơn man
giọng hát mẹ hiền
những điệu hò ru
có bao giờ chia cách anh đâu
dù trăm năm đất lạ*

*những đợt mía lau ngọt ngào
từ đất khổ vươn lên
ngày xưa đó ta chia nhau vị ngọt
nơi vườn quê có nắng dậy thì
anh cuộn lăn mình
nơi đồng cỏ xanh biếc tên em
chẳng buồn đứng dậy
những chiếc lá thổi điệu nhạc chiều bí hiểm
sóng rì rào mơn man chân cát
như tiếng chim gọi mùa ẩm ướt tim anh
khúc nhạc trời thuở ấy
ôi chặt chiu ve vuốt mối tình xa*

Cái Trống Ty



DƯƠNG THƯƠNG TRÚC
Sao Mùa Đông Đến Với

mùa đông chưa hẹn đến,				
thu	vội	vã	ra	đi,
như	cuộc	tình	rẽ	bến,
không một lời biệt ly .				

con đường xưa còn đó,				
in	dấu	chân	ta	về,
tiếng	cười	vang	trong	gió,
khúc nhạc tình đê mê .				

nụ hôn đầu vụng dại,				
còn	ấm	nồng	bờ	môi,
trinh	nguyên	ngàn	hoa	trái,
quần quýt ta một đời .				

gió thu buồn hiu hắt,				
lá	thu	vàng	rơi	rơi,
mùa	thu	chưa	trở	gót,
sao đông đến đây rồi?				

Hãy Chìm Vào Lãng Quên

Gặp	lại	em	chiều	ấy.
Hồn	ta chợt		xôn	xao.
Kỷ	niệm	xưa	sống	dậy.
Như	con	sóng	dạt	dào.

Vẫn	mắt	môi	ngày	cũ,
Vẫn	nụ	cười	ngày	thơ.
Dù	đã	là	quá	khứ.
Lòng	ta	vẫn	hoài	mơ.

Trời	Houston		mưa	gió.
Mà	thấy	lòng	ám	hơn.
Vì	có	em	ngồi	đó.

Hồi	ức	mãi	chập	chòn.
Thôi!	Một	lần	cũng	đủ.
Xin	cám	ơn	tình	em.
Dấu	yêu ngày		tháng	cũ.
Hay	chìm	vào	lãng	quên.

Dương Thượng Trúc

Gửi người ngày cũ
Houston 16/03/2014



NGÔ NGUYỄN NGHIÊM

PHẠM TƯƠNG NHƯ,

người ép hoa vào thơ, thơ hát ru đời

“Tiếng đàn bỏ lửng giấc mơ/Như anh ở giữa dòng thơ trữ tình, Vừa đàn vừa hát một mình/Hư không tình đã dậm nghìn bay cao”. Bước vào không phận tình thơ của Phạm Tương Như cảm thức loang loáng như đang ngồi trước sân khấu, người xướng ngôn trong hậu trường đang độc thoại từng chi tiết giới thiệu phân cảnh tình yêu thiên thu như nhất. Hoạt cảnh thơ mộng bao giờ ở bất cứ chuyện tình nào cũng chỉ hai nhân vật chánh, để khi gió chợt về lá vàng xưa, mà “rụng xuống đời nhau giấc mộng trời mây”. Phạm Tương Như lãng du trong không phận đầy hoa thơm cỏ lạ, cung hiến tất cả thần phách vào những ảnh tượng bất biến của loài người: tình yêu. Thiên thu vạn dặm, niềm cốt lõi của sự sinh tồn đều được thu nhỏ trang trọng trong con tim và nỗi nhớ? Có phải thi nhân là người được ân điển tình lọc lại những điều kỳ diệu như thế cho hoa thêm sắc thắm, chim trời lãnh lót tiếng hát...

Có lẽ, thi ca xuất hiện từ khai thiên lập địa là mặc nhiên thơ tình đã đường hoàng có ngôi vị bá chủ trong cuộc sống. Đẳng đẵng trong thi ca hành tinh này, biết bao nhiêu dòng thơ tình với nhiều khuynh hướng lập ngôn, đầy thi vị. Tuổi thanh xuân, bước vào thơ với những nét nhìn bơ vơ trước cảnh giới lập thể, hoạt biến của xã hội, lại là một tâm hồn phiêu lãng bao giờ cũng yếm thế nghi ngờ “tôi vớt hồn tôi đang rã

tan”. Người làm thơ quả thật như gã thư sinh gổ đầu trên từng trang sách, ngoài thời khắc khép mình bên thư phòng “với nỗi cô đơn, biết ngõ cùng ai” thì người đồng cảm tuyệt diệu vẫn là “ em từ bóng núi ngàn mây phủ/ ta sợi nắng tàn buổi chiều thu/ tả tôi phiến lá mùa phong vũ/ bóng núi xa mây cứ mịt mù”...

Đi vào thi phẩm Thơ Hát Ru Đời của nhà thơ Phạm Tương Như, bất chợt lắng đọng lại một chút không gian yên ắng, quanh quẽ một thời xa xưa, như làn gió thoảng nhẹ nhẹ vương vấn u hoài quanh kỷ vãng. Sự mơn trớn thắm lặng thả dài bằng những kỷ niệm phôi thai của thời thanh xuân, quả thật như ảo ảnh vừa hiu quạnh vừa tàn phai sương khói. Phạm Tương Như đánh động những câu thơ tình đầy đặc nỗi buồn, vì vậy những tâm cảm u hoài bao giờ cũng là hiện thân của những khúc hát trầm lặng:

Anh chờ đợi gió ngàn xa

Chì nghe sao rụng trắng tà mờ sương

Tay ai khảm phím đàn chùng

Ngũ cung rời rã phù dung héo tàn

(*Trăm cảm*)

Hay:

Tình đời chảy máu con tim

Anh,

con nước lớn,

chim bìm bịp kêu !

(*Tình quê*)

Trải dài âm hưởng của cuộc tình trăm năm, tất cả ấn tượng của hạnh phúc và đau khổ cứ xen kẽ đậm đặc trong hướng thơ đi. Nhiều lúc chất ngất trong từ trường ngây ngất men say của con yêu dấu, người khách lữ chôn chặt hình ảnh ru hồn đang được mã hóa như tâm cảnh phong thần hư huyền “ ta lặng lẽ nhìn em đạp nắng chiều rơi”. Phong vị trái tim hóa thân kỳ diệu, khiến những hữu hình cát bụi bỗng nhiên thiên biến vô vi. Từ tiếng nói vô thường, khách lữ chợt thấy thời gian chợt ngừng chảy để ngỡ rằng được yêu đương bằng trái tim chan chứa...Bát ngát trong dòng thơ tình mà nhà thơ chợt nẩy hồn dâng hiến, phát tích nhiều câu thơ gói ghém đầy đặn một thần phách tuyệt kỹ.

Phạm Tương Như có một sức sáng tác mãnh liệt, hình như thơ đến với anh dễ dàng tràn ngập như trận hồng thủy vỡ bờ. Rải rác hàng hàng câu thơ tuyệt bích ẩn hiện suốt thi tập, là những máu chốt thành công cho Thơ Hát Ru Đời, mà nhà thơ tâm niệm trong cuộc lãng du của mình là chỉ hát dạo cùng thơ. Nên những khoảnh khắc tương giao, cũng là ly rượu giao bôi giữa quãng đời luân lạc:

Đêm tương kiến cũng là tương biệt

Rót đầy ly cụng chén hồng nhan

Uống cho cạn mảnh đời hơn thiệt

Rượu quên sầu hay nát tim gan

Tay em lạnh ngả màu trắng lạnh
Lời hát buồn khóc cuộc tình xa
Ta hôn em trốn đời hiu quạnh
Hay trốn chính mình một đêm qua
(*Quán rượu tương phùng*)
Mặc cho thế sự quay cuồng trong cuộc phù sinh:
Biển lửa trắng lên cát trắng ngàn
Quán lá buồn ta uống rượu cùng trăng
Bãi cát dài nên lòng ta mắc cạn
Mặc lượn sóng đời xô đẩy tan hoang
(*Đỉnh tóc mây sâu*)

Chính vậy, khi bước vào không gian thơ của Phạm Tương Như, sự choáng ngợp đầu tiên dội vào nhãn quan người đọc là mệnh mông ảnh tượng chan hòa trong từng câu thơ, vừa đột biến vừa tạo sự hóa sinh cho nét sáng tạo, khiến bài thơ đầy đặn thần khí. Phạm Tương Như làm thơ thật dễ dàng, như rải hạt giống trên mảnh đất phì nhiêu, hàng hàng lớp lớp hoa khai nhụy vàng rực rỡ trong khí hậu tinh sương thanh bạch. Chính vì thơ tuôn trào bằng những tâm khúc, nên người khách lữ hành trang trải trọn vẹn cõi lòng bộc phát một cách chân thành. Đường thơ đi khai hoạt trọn vẹn niềm đau hay hạnh phúc. Khai hoạt một cách bạch hóa, như trải hết tâm tư trong cùng một lúc trên nhiều bài thơ sáng tác gần nhau, nên ngôn ngữ cũng rất cần có sự xấp xếp phù thủy tài hoa... Thơ đang bước vội trên lộ trình trực ngộ với bản thể, ở đây là sự lãng du trên bản thể tình yêu, một nguồn cội nhân sinh vậy
Bài thơ tâm khúc dùng “tặng người ngủ quên trong tim tôi”, cũng nói lên một cách xấp xếp ngôn ngữ bằng cách “giao tình” như vậy:

Ai gieo những cánh én
Mọc đầy ruộng đồng mây
Em gieo câu ước hẹn
Nở tràn hồn anh ngây

Ai gieo mà hoa nắng
Trổ đầy luống tóc em
Gió bay tà áo trắng
Tóc mây đậu vai mềm

.....

Anh gửi đôi chim sẻ
Lời tỏ tình thiết tha
Anh gửi trong gió nhẹ
Bài tình thơ anh ca

Tươi đời bằng hy vọng

Hạt đêm nở bình minh
Bài thơ tình uơm mộng
Đời vui mình gửi mình.

(*Gieo tình*)

Khi bước dạo trong khu vườn đầy sắc màu lãng bạt tình yêu, sự cảm nhận hầu như đang bị sức thu hút trước những cơn sóng thủy triều lên, trước bóng nguyệt tan, mà những phong thái huyền diệu uơm đầy hương hoàng lan, những điệp khúc như hương tóc thiên thu bằng bạc mù sương rơi đầy trong gió thổi...như nhạc khúc ly tao tiếng xé lụa đào khiến tha nhân lạc loài vào mê cung của thời Bao Tự U Vương. Phạm Tương Như lập dựng cho thơ một nét hồn nhiên đầy kịch tính, trên sân khấu đó hàng hàng lớp lớp cảnh trí thiên nhiên trôi đi như mộng ảo. Không gian khi nắng khi mưa, gió mây cát bụi chập chùng từ tiền kiếp, sương rơi vô thường trên lá cỏ rung rung...khiến thơ Phạm Tương Như như được phủ trùm trong thiên địa chứng tri, và tình yêu trong dòng thơ như cổ phân trần với cổ nhân “ đừng để bóng xô đời anh mục rã/nát dòng thơ tội nghiệp mộng tình mê”. Chính vậy:

Cô đơn bóng ngả chiều tà
Nắng phai nhạt nắng, lòng ta nhạt lòng
Chắc gì trong cõi mệnh mong
Ta tìm lại được người trong mộng đời

(*Tình như nước mây trôi*)

Người thơ như chiếc bóng trầm uất, lãng ba vi bộ dưới bóng trăng rơi mà ôm lấy mùa thu, nhốt thời gian vào ngõ cụt bên chiếc cầu tử sinh:

Đêm nay trăng sáng rơi đầy lối
Ta nhạt vành trăng để gởi đầu
Khẽ đắp chăn em, trùm bóng tối
Trăng tàn ta biết ngủ nơi đâu

.....
Ta về đánh thức mùa thu chết
Gom hết lá vàng trả lại cây
Bao nhiêu thương tích, bao tì vết
Ném vào vô tận giữa cung mây

(*Vết đời*)

Trong thời gian qua, những lần hạnh ngộ cùng thơ Phạm Tương Như, tại quê hương này có lẽ tôi là người hạnh phúc đọc được nhiều thơ anh nhất. Ở một đất nước còn đầy khổ đau, người người đều mong ước có chút hạnh phúc cầm tay. Dù là một thứ hạnh phúc bất chợt của tình người, hoặc sự tin tưởng thương yêu... Mà hơn nửa thế kỷ nay, tất cả còn chìm đắm trong mù sương và cát bụi, thì thơ tình là một thứ hàng xa xỉ phẩm. Cho nên, tôi rất đồng ý với nhà thơ Phạm Ngũ Yên khi nhận định thơ Phạm Tương Như: “Ngày xưa, khi Promethee trong huyền thoại chưa đem lửa xuống

trần, nên trái tim con người lạnh úa thường xuyên và tình yêu cũng tím bầm tuyệt vọng. Thơ của Phạm Tương Như hôm nay, trong một ý nghĩa nào đó, giống như ngọn lửa vừa bùng lên những sôi nổi vừa quay lưng lại với những dung tục đời thường/Một ngày trong cõi thơ Phạm Tương Như người đọc sẽ không dễ dàng quên mưa nắng. Vì mưa thì thấm đất và nắng sẽ qua mau. Nhưng lời thơ của anh đọng lại làm nên hững thao thức, những có và không.Những tình yêu cho đi và lấy về... Vẫn là một con đường, một góc nhỏ, một sáng sương mù hay một chiều băng khuâng gió. Nhưng những cảm nhận đó không giống như chúng ta. Khác với chúng ta. Đó là những cảm nhận óng ả tích lũy từ một quá khứ hôm qua, giờ như bụi tro lá tả bay trên những tháng ngày tạm dung” (Phạm Tương Như: Sông chảy qua đời/ bài Phạm Ngũ Yên).

Nét nhìn sâu sắc của Phạm Ngũ Yên, đã mở rộng con đường giúp tha nhân hiểu rõ những lời thơ ru đời của Phạm Tương Như, mà gần nửa thế kỷ qua vẫn sắc son chiều hồn giữa thiên sứ tình yêu và sự thủy chung vô bờ bến của tình người.

NGÔ NGUYỄN NGHIÊM

Viết tại Thư trang Quang Hạnh



VÕ THANH VẤN

Giấc Mơ Vội Buồn

Ta mơ thấy em về
Ngồi khóc trên bậc cửa
Mắt buồn rười rượi lửa
Môi bầm tím cơn mê

Ta đưa tay nâng cằm
Nhìn vào khóe lệ đầm
Vực sâu vời vợi thẳm
Thấp thoáng bóng trăng rằm

Ta bế em vào phòng
Khoi trầm hương lãng đãng
Ru em mềm dĩ vãng
Khói quện tròn long đong

Trên trán em thơm nồng
Ta làm dấu thánh giá
Môi chợt bùng nụ lạ
Cánh đỏ tươi lan hồng

Em chính là vì sao
Đi lạc vào cõi mộng
Giữa mùa sông biển động
Sóng nước mừng xôn xao

Võ Thạnh Văn



XUÂN BÍCH
Em Về

em về như cơn gió ngoài song						
đánh thức cơn	đau	đã	thuộc	lòng		
những phút bên	nhau	buồn	lần	tránh		
khu vườn thương nhớ lại vào đông						

em về như giọt nắng pha sương						
ướt thấm tương	tư	ướt	cỏ	trường		
năm tháng chung	đường	vui	đại	học		
nhưng rồi hai đứa lại hai phương						

em về đọng lại một đầy vơi						
giếng mắt sâu	dung	chứa	cuộc	đời		
vẫn giấu cho	nhau	lời	uẩn	ức		
chia hoài con số lẻ phân đôi						

bao giờ tôi xóa được hoài nghi						
và để em	nghe	hết	những	gì		
và để em	không	còn	lượng	lự		
không còn lần nữa tiễn em đi						

khi nào em trở lại quê này						
đời vốn vô	thường	sao	chẳng	hay		
sao vẫn phiền	nhau	câu	hỏi	ấy		
cuộc đời muôn nẻo lối mây bay						

em về ta ở lại hoàng hôn						
màu nắng sa	—	tan	vẫn	đủ	buồn	
thieu cháy một	khoang	nhìn	ảo	tượng		
khi mình rất thật một cô đơn.						

Xuân Bích





YÊN SƠN

Hỏi Em Có Biết

Hỏi em tôi có biết
Năm tháng cũng biết yêu
Khi gió heo may gai lạnh sáng, chiều
Khi mùa thu trở mình trên lá
Khi tiếng ve sầu không còn rôm rả
Và ở sân trường tiếng đùa nghịch vang rân

Hỏi em tôi có biết
Dòng nước rất thương tâm
Hai bên bờ sông trọn kiếp âm thầm
Nhìn từng con nước trôi xuôi về biển
Rác tấp vào bờ thay cho ân điển
Mặc kệ cho đời bao lẽ đại khôn

Hỏi em tôi có biết
Phiến đá có linh hồn
Buồn như thu, vàng như lá hoàng hôn
Và u tịch khi bóng đêm tràn lấp
Như người chiến binh bước cao bước thấp
Giọt ngấn giọt dài nhớ nước thương quê

Hỏi em tôi có biết
Tôi mỗi ngày đi về
Thấy lòng mình quẩn quại, tái tê
Khi thời gian thở dài rụng xuống
Bởi tôi tiếc đã một đời oan uổng

Giữa cuộc bể dâu gãy cánh đoạn trường.

Yên Sơn



VƯƠNG HỒNG NGỌC
Gác Ngọc Lầu Thơ

*Ta còn đây một cõi Thơ
Gọi trăm con mộng ru hờ giấc miên
Tìm về một cõi mộng riêng
Dem ta trốn cuộc ưu phiền thế nhân*

*Kéo về xanh phiến mây trong
Vẽ lên ngày nắng cho hồng giấc mơ
Góc riêng dựng sẵn lầu Thơ
Giấy hoa đợi mực nghiên chờ bút thi*

*Gác ngọc có khói huyền vi
Mở ra trăm lối vân vi dấu hài
Hồn Liêu du mộng giấc Trai
Lời hoa gấm đợi trang đài bước Thơ*

*Một mai đã morn giấc chờ
Tiễn ta Thơ với đôi bờ Sao Trăng
Tình về thấp nển đăng quang
Khán câu thơ đốt rắc tàn mộ thi.*

Vương Hồng Ngọc



PHAN XUÂN SINH

Chuyện kể bên ly rượu

Uống cà phê với anh Bửu nhiều lần, nhưng chưa lần nào anh kể cho tôi nghe về đời sống của anh. Tôi cứ nghĩ rằng anh sống một cách thanh thản, thì chắc đời sống cũng bình thường như mọi người. Một lần anh rủ tôi tới nhà chơi uống với nhau chén rượu. Chiều ý bạn tôi tới. Việc trước tiên theo thói quen, tôi quan sát tất cả thành viên trong gia đình Bửu. Người vợ cao ráo mặt mày tươi tắn. Tôi thầm nghĩ trong bụng vợ anh khi còn trẻ chắc đẹp lắm. Có bốn người con còn đi học. Gia đình mới qua Mỹ hơn một năm nên còn thiếu thốn đủ thứ, tuy nhiên họ bằng lòng chấp nhận những gì đang có. Nhìn thấy họ là biết ngay một gia đình hạnh phúc. Tôi rất thán phục con người và phong cách sống của anh.

Trên bàn nhậu để sẵn một đĩa thịt vịt quay còn nóng mới mua về, một đĩa đậu phụng rang, một ổ bánh mì baguette một chai Johnnie Walker Red Label và hai chai soda Perrier. Vợ anh Bửu và bốn đứa con, hai trai hai gái hôm nay đi chợ ở San Jose. Khi tôi tới cũng là lúc họ chuẩn bị ra xe. Tôi cũng nói rõ hơn là gia đình tôi và Bửu lúc đó đang sống tại Oakland, California vào khoảng năm 1992. Mỗi sáng thứ bảy anh em cựu quân nhân thường tập trung ở quán cà phê đường E.14.

Uống được vài ly, tôi mở đầu câu chuyện, hỏi Bửu:

- Anh chị có bốn cháu thôi sao?

Bửu cười cười:

- Còn kẹt hai cháu lớn ở Việt Nam.

Anh trầm ngâm một hồi rồi nói tiếp:

- Vợ tôi hiện giờ là người thứ hai. Người vợ trước chúng tôi có hai con gái và chia tay năm 1980. Nghĩa là sau năm năm học tập trở về, tôi và bà đó đành chia tay trong ngậm ngùi, u uất. Lỗi ở tôi một phần và phần nhiều là lỗi của bà đó.

Anh đưa ly rượu với tôi rồi nốc cạn ly của mình. Để ly xuống bàn anh rót thêm cho mình một ly nữa rồi đưa lên uống cạn với một tiếng “khà” rất điệu nghệ. Uống rượu kiểu này thì chắc tôi phải thua. Khi vào nhậu anh có nói với tôi là ai uống được bao nhiêu cứ uống, không ép nhau. Tôi yên lòng nên từ từ uống phần của mình. Hình như tôi đã đụng tới vết thương của anh nên khi hỏi tới gia đình anh trầm ngâm vừa muốn kể cho tôi nghe nhưng cũng vừa muốn quên đi chuyện đó. Tôi không muốn

làm khó khi anh không muốn đụng tới gia đình. Tôi lái sang chuyện khác hỏi về công ăn việc làm của vợ chồng anh hiện nay. Anh cho biết là anh chị đang đi làm ở hãng điện tử, hai người cùng làm một hãng nên cũng tiện cho việc đi lại. Nhưng có lẽ anh không thích đổi đề tài. Anh muốn tâm sự với tôi những điều ấp ủ trong lòng anh, những điều đã dày vò những tháng năm sau khi chia tay:

- Anh biết không, tôi lấy vợ năm 1972 đến năm 1975 khi tôi đi học tập thì lúc đó chúng tôi có hai con. Tôi biết những năm tháng nằm trong trại cải tạo vợ tôi bên ngoài chống chọi với cuộc sống rất khó khăn. Tôi không màng vợ tôi thăm nuôi vì tôi nghĩ thân gái yếu đuối với một gánh nặng lo cho hai con còn nhỏ dại đã đuối sức, còn lấy đâu ra để thăm nuôi chồng. Tôi bằng lòng sống với sự thiếu thốn, thêm đủ thứ, đói rất ruột, vẫn mong vợ con bên ngoài khỏe mạnh là mừng rồi. Suốt trong năm năm trường tôi đã gửi về mấy chục lá thư vẫn không có hồi âm thì làm sao có được một lần thăm nuôi của vợ. Tôi nhờ các bạn tù có thăm nuôi nhắn với người nhà họ đến địa chỉ nhà tôi xem thử gia đình tôi ra sao? Tất cả đều cho tôi biết là căn nhà đã bán cho người khác và họ không biết vợ con tôi hiện giờ ở đâu. Trước khi tôi được tha, có một anh bạn tù đến nói với tôi là căn nhà của anh vẫn còn vợ con anh đang sống ở đó, nhưng vợ anh đã có chồng khác. Sỡ dĩ không nói thật chuyện này với anh vì sợ anh nghe tin này anh sẽ đột quy, chỉ bằng nói láo để anh còn nuôi hy vọng trở về gặp lại vợ con. Nghe tin này tôi không đứng vững, tôi biết sẽ gặp muôn vàn khó khăn khi tôi trở về nhà. Nhưng bây giờ biết phải đi đâu?

Nói tới đây mắt anh mờ đục, anh ôm đầu. Anh đưa tay rót thêm ly rượu khác rồi lại uống cạn. Tôi thấy anh uống nhiều nhưng rất tỉnh táo, lời kể chuyện của anh trôi chảy. Rượu vào giúp anh thêm phần can đảm khi đụng tới phần gai góc cuộc đời:

- Từ lâu tôi ôm chuyện này trong lòng không kể cho ai nghe. Đây là lần đầu tiên tôi kể với anh vì tôi thấy anh là người trầm tĩnh, có chiều sâu và được biết thêm anh là người đọc sách, anh sống với chữ nghĩa. Tôi nghĩ anh hiểu thấu đáo được tâm trạng của tôi. Tôi chỉ mong một người hiểu tôi như vậy tôi đã thấy ấm lòng.

Tôi bước vào đầu hẻm, những bà con hàng xóm cũ chạy đến chào hỏi tôi như người thân. Tôi ngần ngại bước vào cổng nhà thì vợ tôi chạy ra vì nghe tiếng lao xao hàng xóm hỏi thăm tôi. Vợ tôi chung hững nhìn tôi với đôi mắt vừa ngạc nhiên, vừa thất thần. Tôi nhớ mãi đôi mắt vô hồn đó, nó đi theo mãi với tôi suốt trong cuộc đời sau này. Đôi mắt mà ngày xưa thật dịu hiền đã làm tôi mê mết khi gặp nhau lần đầu, rồi yêu nhau lấy nhau. Tôi đã chết vì đôi mắt đó. Còn bây giờ thì tôi cũng chết vì nó, nhưng chết trong sự xua đuổi, trong hắt hủi : “Anh về đây làm gì? Anh là người dư thừa. Anh hãy ra đi ngay lập tức vì bây giờ tôi đã có chồng khác. Tôi không muốn có mặt anh ở đây”.

Bà con hàng xóm thấy vợ tôi ức hiếp tôi, họ la ó đẩy tôi vào nhà. Một bà thân hình vạm vỡ, chỉ tay vào mặt vợ tôi: “Này, con đàn bà lằng- loàn kia. Mày và thằng tình nhân của mày ra khỏi căn nhà này chứ không phải là ông Bửu. Mày không biết xấu hổ với chồng con còn lên giọng kẻ cả, bà đâm vỡ mặt mày ra bây giờ”. Bà quay

qua tôi ra lệnh: “Đây là căn nhà của ông, ông cứ ở đây không đi đâu hết. Không có đứa nào đụng tới ông sợi lông chun. Bà con hàng xóm chung quanh đây đứng sau lưng ông, con nào hó hê chúng tôi đánh vỡ mặt nó ngay”. Hình như lời hăm dọa của bà, đã làm cho vợ tôi khiếp sợ trốn trong buồng không dám ra..

Hai đứa con gái tôi đi học chưa về, tôi mong gặp lại con tôi sau năm năm. Chắc nó không thể nào nhận ra tôi vì khi tôi vào trại cải tạo chúng nó còn quá nhỏ. Một người đàn ông đẩy xe honda vào nhà, ông gật đầu chào tôi rồi dựng xe xong đi thẳng vào buồng. Đó là người tình nhân của vợ tôi. Ông vào nói chuyện gì đó với vợ tôi chừng mười phút rồi đi ra nói chuyện với tôi. Ông là người Bắc trạc bằng tuổi tôi, hỏi tôi những câu xã giao rồi nói là anh cứ việc ở đây, anh muốn ở hay đi tùy ý. Tôi thấy anh này ăn nói rất khéo léo nên tôi trả lời với anh rằng là tôi mới về, chưa tìm ra được chỗ ở nên xin ông bà cho tôi tạm ngủ ở ngoài phòng khách một thời gian ngắn. Chúng tôi chỉ trao đổi vài câu rồi ông ấy trở vào buồng. Tôi ngồi suy nghĩ miên man, muốn ra đi ngay nhưng biết nơi nào chấp chứa mình. Tôi sẽ đi tìm mấy người bạn cũ để xin những ý kiến và sự giúp đỡ, nhưng trước hết tôi phải gặp hai đứa con trước đã.

Chiều chừng bốn giờ, hai đứa con gái tôi đi học về. Hình như ở đầu ngõ người ta báo cho chúng nó biết là ba nó mới về. Đi sau nó là mấy đứa trẻ hàng xóm đứng bên ngoài chỉ tôi rồi nói với nó là ba mày đó vô đi. Tôi nhìn ra hai đứa con gái tôi rụt rè đi chậm chậm về phía tôi. Tôi dang tay ôm hai con vào lòng nước mắt tôi trào ra, mặt mày hai đứa ngơ ngác. Chúng nó còn bé quá làm sao hiểu được sự sung sướng của tôi khi gặp lại hai đứa con, hiểu được vì sao tan rã của gia đình. Vợ tôi rón rén bước ra cửa phòng nhìn cha con tôi ôm nhau khóc. Tôi ngất mặt lên nhìn thấy mắt nàng cũng róm lệ. Tôi mới biết rằng tất cả cũng chỉ vì hoàn cảnh, đã lỡ phóng lao không dừng lại được nữa rồi. Tôi mang hai cháu xuống tắm rửa thay áo quần, rồi dẫn chúng ra quán mua mấy cây kẹo, trong số tiền trại cho đi đường chi phí xe cộ. Tài xế xe đồ thấy tôi cải tạo được tha nên họ không lấy tiền. Bà chủ quán bán kẹo hiểu hoàn cảnh của tôi bà cũng không lấy tiền kẹo. Tôi thấy mọi người đều tốt với tôi ngoại trừ vợ tôi.

Người hàng xóm mang qua cho tôi một tô cơm lớn với thịt kho mặn, tôi xớt cho hai con cùng ăn chung với nhau. Đêm đó tôi nằm bên ngoài trên một chiếc chiếu manh trải dưới đất, hai con tôi nằm trên chiếc giường tre nhỏ, còn vợ tôi với người tình nhân nằm trong buồng. Nằm gác tay lên trán ngủ không được. Ước gì tôi có cây súng tôi sẽ bắn chết hết cả gia đình rồi tự tử. Làm sao tôi chịu được cái cảnh vợ tôi đang thì thầm với một gã đàn ông khác trong phòng. Tiếng nói của họ làm cho tôi muốn điên lên mà phải cắn răng chịu đựng.. Chờ các con ngủ say, tôi ngồi dậy mở cửa ra ngoài hiên ngồi để khỏi còn nghe thấy tiếng họ thì thầm. Bây giờ tôi mới thấy mình là kẻ thừa thãi trong gia đình này, bằng mọi cách phải ra đi càng sớm càng tốt.

Nói tới đây anh lại đưa tay ra rót rượu rồi lại nốc cạn một hơi. “Cuộc đời của tui mình sao nó đen hơn mồm chó, Mất tuổi thơ, mất tuổi trung niên, tuổi già thì xa quê

hương. Gia đình ai cũng gặp nhiều vấn nạn không ít thì nhiều.” Rồi anh lại trầm ngâm kể tiếp câu chuyện dở dang:

Sáng hôm sau khi các cháu chưa ngủ dậy thì tôi đã ra khỏi nhà tìm đến những người bạn cũ vì sợ họ đi làm. Tôi đến nhà Dinh gõ cửa, Dinh nhận ra tôi ngay nhìn tôi từ đầu tới chân rồi vào mở tủ lấy ra một bộ quần áo cũ cho tôi thay, rồi hai đứa mới ngồi nói chuyện. Tôi kể cho Dinh nghe hoàn cảnh gia đình tôi hiện thời. Dinh không ngạc nhiên vì đã trông thấy vợ tôi nhiều lần đi với người đàn ông khác. Cái khó của tôi là phải trình diện công an phường mà theo địa chỉ giấy tờ ra trại đã ghi, nên không thể nào đi nơi khác. mỗi tuần phải trình diện một lần, buổi tối bất kỳ lúc nào họ đến nhà kiểm soát phải có mặt tôi. Dù có chỗ ở khác cũng không thể rời khỏi căn nhà này. Mỗi đêm nằm bên ngoài với các con, tôi cứ nghe tiếng rù rì hay đùa giỡn của hai người trong phòng. Tôi cảm thấy đau nhói như ai đó đang tra tấn tôi. Vợ tôi có những hành động khinh khi tôi, cố tình bêu xấu tôi cho tôi tức giận để tôi không chịu được phải ra đi. Tôi biết, nhưng làm sao bây giờ nên phải chịu đựng.

Một người bạn tìm được cho tôi một việc làm thủ kho cho một cơ sở làm đồ nhựa của người Tàu vùng Chợ Lớn. Tôi đến công an phường trình giấy tờ việc làm cho tôi cư ngụ nơi đó. Công An họ cũng hiểu hoàn cảnh của tôi nên chấp nhận ngay. Từ đó tôi như người thoát được địa ngục, không còn chứng kiến cảnh trái tai gai mắt. Thỉnh thoảng tôi đạp xe trở về thăm con, gặp con ở ngoài đường chứ tôi không vào căn nhà đó. Ban ngày tôi lấy mỗi đồ nhựa đi bỏ ở các sạp hàng trong Chợ Lớn, ban đêm ngủ tại kho đồ nhựa. Cuộc sống tôi dần dần ổn định.

Thỉnh thoảng đến rủ Dinh ra quán của Phượng, người em gái của Dinh uống vài ly bia hơi. Phượng trước đây có chồng là phi công bị tử trận năm 1974, có hai con một trai một gái. Cửa hàng của Phượng buôn bán rất đông khách nhưng lại thiếu người trông coi. Có lần Dinh nói với tôi hay mày ưng con Phượng để giúp nó một tay, tụi bây rõ rã gặp nhau tau thấy có lý đó. Chính đầu đây mới nhờ này tôi mới lấy được bà xã của tôi bây giờ. Sau khi từ trại cải tạo ra, chừng hai năm sau tôi lấy Phượng. Phượng lúc đầu thuê căn nhà mở quán bia hơi, sau này có tôi phụ giúp nên mua lại căn nhà đó. Chúng tôi ăn nên làm ra rất nhanh và có thêm hai cháu nữa.

Lúc này Bửu đã ngà ngà say, nhưng khi anh kể tới đây tôi thấy đôi mắt anh bỗng sáng lên chứ không còn mờ đục. Anh gạt gù đưa tay ra rót rượu cho cả hai. Chai rượu 750 ml đã vơi gần một nửa. Tôi đổi đề tài khác hỏi anh là ngày xưa khi còn chiến tranh chắc anh uống rượu khá lắm phải không? Anh cười ha hả: “Hồi đó còn trẻ, ngày nào không đi hành quân là ngồi vô uống từ sáng tới chiều. Rượu đế bất kể ngon hay dở đều làm láng. Câu Lạc Bộ đơn vị bán rượu ghi sổ, cuối tháng thanh toán chẳng còn đồng nào. Nghĩ lại vui thiệt”. Tôi cũng như anh vậy, dân tác chiến cái chuyện uống rượu xem như một hình thức giải khát. Chỉ có rượu và gái điểm bất kể ngon dở xấu đẹp, miễn sao có để giải quyết, có để làm nguồn vui. Anh Bửu có một lối kể chuyện rất hay, chậm rãi để người nghe thấm những lời mình nói. Tôi hỏi anh sao anh không mang hai đứa con gái riêng của anh với người vợ trước qua

Mỹ, mà anh lại mang hai đứa con riêng của vợ? anh nghe tôi hỏi, anh đưa tay nốc cạn ly rượu, mặt anh cúi xuống rồi ngẩng lên trả lời với tôi:

Chương trình đi Mỹ tôi không bao giờ nghĩ tới. Một thằng bạn tù chạy tới nhà bảo tôi nộp đơn qua tại tòa Đại Sứ Mỹ ở Thái Lan, có một đường dây của mấy thằng cán bộ làm ở Bưu Điện Sài Gòn gởi cho, chỉ có tụi nó mới gởi được. Nó copy cho tôi bộ đơn, tôi ghi rồi nhờ nó gửi giùm. Chờ dài cổ năm này qua năm khác xem như không có gì. Thì đến năm 1990 có người ta rục rịch ra đi thì tôi nhận được giấy báo từ tòa Đại Sứ Mỹ chấp nhận cho tôi đi theo diện HO. Lúc này thì tôi lại mệt thêm một lần nữa, tôi phải đến gặp Loan (người vợ cũ) để xin cho hai đứa con gái được đi Mỹ theo với tôi. Dù gì thì Loan cũng là người nuôi nấng chúng nó từ nhỏ tới nay. Còn tôi trên danh nghĩa là cha nhưng chưa có một ngày nào nuôi con. Tôi sống với Phượng cùng hai đứa con riêng của Phượng. Tôi xem chúng như con ruột của mình nên hết lòng yêu thương chúng. Sau này chúng tôi có thêm hai đứa con chung. Như vậy nếu được đi Mỹ tôi mang được đến sáu đứa con, nếu Loan đồng ý cho hai đứa con gái theo tôi.

Tôi đến căn nhà cũ, căn nhà mà tôi đã bỏ ra đi gần mười năm trước đây. Tôi đến đứng vào ngày chủ nhật nên các con tôi ở nhà, Loan đang nấu cơm dưới bếp. Đứa con gái lớn xuống gọi mẹ lên cho tôi nói chuyện. Nhìn Loan tôi hết hồn. Sự tàn tạ đã phá hủy dung nhan của một người đàn bà một cách thô bạo, chỉ có mười năm sau không gặp mặt mà Loan bên ngoài hoàn toàn là một người khác. Tôi mỗi tháng đều mang tiền tới phụ thêm cho Loan nuôi con nhưng chỉ gặp các con thôi, chứ không vào nhà. Chưa bao giờ gặp lại Loan lần nào. Tôi sắt se không nói được nên lời trước mặt Loan. Những sự đối xử tàn tệ của Loan với tôi trước đây tự nhiên bay đâu mất. Tôi hỏi Loan về sức khỏe về gia đình, bỗng nhiên Loan bật khóc. Các con tôi đến ôm mẹ rồi chúng nó cũng khóc theo mẹ. Tôi nói với Loan trong thôn thức: “Mọi chuyện đã cũ rồi không nên nhớ lại. Anh không trách gì em hết. Đó chỉ là sự chọn lựa nhầm lẫn nên nó bị trượt chân, thế thôi. Mà ai biết được cái gì sẽ xảy ra? Có điều mình nên biết cái lỗi của mình để sửa”. Tôi nói với Loan một cách nhẹ nhàng như vậy. Rồi tôi đi thẳng vào vấn đề đi Mỹ của các con.

Loan nói với tôi rằng hồi nào đến giờ mẹ con sống với nhau không xa nhau được. Nếu đi thì đi hết, còn nếu không thì thôi. Lại thêm một quyết định sai lầm. Bây giờ tôi đã có vợ con, nếu tôi chọn cho mẹ con Loan đi thì phải bỏ lại mẹ con của Phượng, mà Phượng đâu có lỗi gì với tôi. Tôi cho Loan trong vòng một tháng để suy nghĩ quyết định, nếu không trả lời thì xem như Loan từ chối cho các con đi với tôi. Tôi cũng bảo rằng sau vài năm các con ổn định sẽ bảo lãnh mẹ qua. Loan vẫn khư khư giữ quyết định của mình. Tôi cũng cho anh biết thẳng tình nhân của Loan vài tháng sau mà tôi đã gặp trong nhà, nó cuốn gói về Bắc, không liên lạc gì với Loan nữa.. Từ đó đến nay cũng chẳng thấy Loan gặp với ai.

Vừa rồi tôi nhận được thư của con gái tôi xin tôi khiếu nại để được đi Mỹ. Tôi có đi hỏi luật sư, thì họ bảo rằng cho đến bây giờ vẫn chưa có thay đổi gì chờ một thời gian nữa. Còn nếu không thì phải chờ năm năm sau khi tôi vào quốc tịch mới bảo lãnh cho con. Nghĩa là trước sau gì tụi nó cũng đoàn tụ với tôi, sớm hay muộn thôi.

Tôi nhìn chai rượu mất đi hai phần ba. Anh hỏi tôi còn uống được nữa không? Tôi lắc đầu. Hình như anh cũng đã tới chỉ. Anh đi pha một bình trà uống với nhau cho giải rượu trước khi tôi lái xe ra về. Ngồi nói chuyện băng quơ với nhau. Anh nói với tôi: “Đàn bà, họ yêu ai là yêu chết bỏ. Đến khi họ không còn yêu nữa thì họ cũng tàn nhẫn một cách khiếp đảm. Trường hợp của tôi chứng minh cho điều đó. Tuy nhiên cũng có những trường hợp ngoại lệ. Tôi nhớ cái đêm cuối cùng trước khi tôi đi học tập, Loan khóc hết nước mắt. Cho nên trong thời gian năm năm học tập, tôi vẫn tin tưởng rằng vợ tôi sẽ không bao giờ bỏ tôi. Thế mà mới chừng vài năm sau Loan đã quay ngược đầu lại. Cho đến bây giờ nghĩ lại mình cũng không thể trách được. Lúc đó mình còn quá trẻ vợ cũng vậy, mà đi học tập chẳng biết ngày nào về. Làm sao người đàn bà còn quá trẻ không bị cám dỗ bởi những vật chất bên ngoài, trong lúc mình thiếu thốn đủ thứ mà chồng thì biệt tăm không có ngày về. Nên thôi, ai gặp phải những nghịch cảnh như tôi cũng đừng lấy đó làm thù hận”.

Tôi đồng ý kinh nghiệm sống của anh Bửu trong hoàn cảnh nhiều nhương của đất nước. Rốt cuộc rồi chỉ có sự tha thứ mới giải quyết được mọi vấn đề. Khi tôi đứng dậy ra về, thì chị Bửu và bốn đứa con cũng về tới. Chị nhìn chai rượu rồi nhìn anh. Anh cười cười: “Bữa nay uống rượu ngon thiệt”.

Phan Xuân Sinh



TRẦN VĂN SƠN
Lá Kinh

Loay hoay góc nhà nghỉ mệt
Vườn sương lũ bướm chập chờn
Ngân nga hồi chuông vĩnh biệt
Chuông chùa cổ xứ Thiên Sơn

Chờ xe bên đường niệm Phật
Lao xao phố khói bụi mờ
Gương kính soi ngang tầm mắt
Soi xa tận cõi nguyên sơ

Thăm rừng nghe chim nói Pháp
Ngẩn ngơ gió núi mây ngàn
Tờ kinh che vòm lá thấp
Nhân nha bày sóc hạp đàn

Tia cây nghe hoa đọc kệ
Trầm tư hương chữ ngọc trầm
Lá kinh mở trang nhất thể
Hạt gieo đất mới nảy mầm

Trần Văn Sơn



TRẦN PHÙ THẾ
Thấy Bóng Chăng Hình

nhớ em thấy bóng chẳng hình
thấy trăng trước ngõ thấy mình bơ vơ
bỏ đi từ đó đến giờ
khi nào em nghĩ thẳng khờ năm xưa

thẳng khờ đội gió đội mưa
đội bao nhiêu khổ ngóng chờ ánh trăng
gió lay mờ tỏ bóng hăng
mà anh cứ ngỡ bước chân ai về

nhớ mồn giấc ngủ cơn mê

thấy hình chẳng bóng nằm kề song song
 đòi anh mộng thực quay mòng
 như con cá nước lội vòng theo ghe.

Trần Phù Thế



TRẦN VĂN LƯƠNG

Dạo:

*Xa nhau cuối độ thu tàn,
 Trăm năm giọt lệ trề tràng còn vương.*

Phải	Chi			Ngày			Đó...	
<i>(Nhân</i>	<i>cái</i>	<i>chết</i>	<i>của</i>	<i>một</i>	<i>người</i>	<i>không</i>	<i>quen</i>	<i>biết)</i>
Ngục	khói	vỡ	lau	mặt	người	trắng	bệch,	
Mẫu	thuốc	tàn	cán	lệch	nửa	vành	môi.	
Chiều	lao	chao,	chân	vấp	vấp	liên	hồi,	
Đường	nghĩa	địa,	nắng	lôi	thôi	buồn	tẻ.	
Ngôi	mộ	mới	nằm	im	lìm	quạnh	quẽ,	
Người	thần	thờ	lặng	lẽ	đứng	trăm	ngâm,	
Sau		ánh	mắt			lặng	câm,	
Nỗi	hối	hận	vẫn	âm	thầm	lấp	ló.	
Em	yêu	dấu,	phải	chi	ngày	xưa	đó,	
Anh	biết	rằng	sẽ	có	cảnh	hôm	nay,	
Thì	chúng	minh	đã	chẳng	phải	chia	tay,	
Chẳng	gánh	chịu	lắm	đọa	đầy	cách	trở.	
Ba	năm	com		đường		cháo	chợ,	

Anh	quất	quay	khổ	sở	đêm	ngày,
Tự	mắng	mình	quen	hạnh	phúc	tay,
Chân	khờ	dại	miệt	mãi	theo	vọng.
Ba	năm		thả	mỗi	bắt	bóng,
Ngông	cuồng	mơ	biển	rộng	trời	xa,
Đề	giờ	đây,	lòng	chua	xót	nhận
Thiên	đường	chính	là	mái	nhà	duyên
Anh	đã	trách	oan	em	làm	đồ
Những	gì	mình	gây	dựng	thuở	hàn
Đâu	biết	rằng	giọt	nước	cuối	tràn
Là	kết	quả	của	những	gì	đi
Phải		chi	anh		biết	trước.
Rằng	suốt	ngày	em	xuôi	ngược	đó
Trở	về	nhà	khi	anh	đã	ngủ
Cũng	vì	bởi	tương	lai	bầy	con
Phải		chi	anh		hiểu	rõ,
Lý	do	làm	em	cãi	cọ	cùng
Thì	nhà	mình	đâu	lâm	cảnh	chiến
Khi	hai	đưa	khăng	khăng	giành	phần
Nhìn	cha	mẹ	oang	oang	lời	cay
Đàn	con	rút	rè	như	rắn	mùng
Níu	tay	nhau,	rón	rén	kiếm	chỗ
Mắt	ti	hí	lén	thăm	dò	cuộc
Việc	phải	đến	cuối	cùng	rời	đã
Anh	lạnh	lùng	đề	xương	chuyện	chia
Bao		ân	nghĩa		sâu	dày,
Vì	nông	nỗi,	phút	giây	đành	tan
Rồi		mỗi	người		mỗi	ngả,
Đàn		con	tất	tả	theo	em.
Anh	một	mình,	cuộc	sống	mới	dần
Mừng	trông	sẽ	chóng	quen	ngày	tháng
Nhưng	qua	những	chuối	đêm	dài	mát
Nhìn	ánh	đèn,	ủ	rũ	nhớ	người
Đếm	tháng	năm	theo	lá	úa	roi
Anh	chợt	thấy	mình	sai	làm	nghiêm
Ôm	gối	lẻ,	lòng	thẹn	thùng	với
Thoáng	ngậm	ngùi	ngĩ	đến	mộng	đoàn
Thăm	mong	câu	tha	thứ	của	vợ
Mơ	vực	dậy	chút	tình	duyên	đã
Nhưng	đau	đón,	trời	xanh	kia	khắc
						nghiệt,

Anh	bàng	hoàng	khôn	xiết	lúc	nghe	tin,
Em	đơn	côi	một	tối	bỏ	gia	đình,
Bỏ	con	cái,	đăng	trình	về	chôn	ây.
Phải		chi		anh	biết		vậy,
Thì	đã	không	lần	lữa	bấy	lâu	nay,
Đề	khi	anh	chua	xót	muốn	giải	bày,
Thì	em	hồi,	tiếc	thay	đà	quá	trẽ.
Anh	xớ	rờ	một	mình	trong	tang	lẽ,
Họ	hàng	xem	anh	nư	kẻ	qua	đường,
Mĩa	mai	nhìn	những	giọt	lệ	tiếc	thương,
Đang	lã	chã	cuối	chặng	đường	hồi	lỗi.
Anh	nào	dám	mong	gia	đình	thứ	tội,
Vì	dù	cho	sám	hồi	đến	bao	lần,
Cũng	không	sao	chuộc	lại	được	một	phần,
Những	sai	sót,	lỗi	lâm	anh	mắc	phải.
Xưa	trót	lỡ	gây	nên	điều	oan	trái,
Phút	giây	này,	đành	trộn	hái	buồn	đau.
Chỉ	khi	mình	đã	vĩnh	viễn	mất	nhau,
Mới	hiểu	được	thế	nào	là	ly	biệt.

Gió	lạc	bước	rên	từng	hồi	thê	thiết,
Nghĩa	trang	nhờ,	người	mỗi	mệt	lang	thang.
Cành	cây	khô,	trong	tiếc	nhớ	trẽ	tràng,
Nhẹ	rải	xác	lá	vàng	trên	mộ	mới.

Trần Văn Lương



TRẦN YÊN THẢO

Núi Hoa Quả

*Rừng mê mãi cuộc tình buồn
trái khô chưa rụng mắt còn lim dim
ngủ vùi trước động Thủy Liêm
nghe trong guơng giáo lặng im vô cùng.*

Trả Áo

*Bóng đâu chợt dẫm lên hình
con chim sâu nhỏ giật mình bay xa
Áo tu trút lại chùa xa
phớt lờ tiểu đệ bỏ qua đại đồng.*

Tình Si

*Từ khi ném trả đòn thù
đã đôi ba lượt bung dù toan đi
đâu ngờ si kẻ tình si
tôi mê muội đứng hồ nghi đất trời*

Bên Đường

*Ghé qua trái đất tìm em
hay ra phần số đã lem luốc rồi
bên đường ghé tạm chiều ngời
ngắm son phấn cũng đã đời mắt xanh.*

Trần Yên Thảo



NGUYỄN AN BÌNH

Hạ Đỏ Một Thời Để Nhớ

Em trốn tình tôi trong lá biếc
Nên tình xanh mãi tựa men say
Nắng rớt theo chân mòn phố cũ
Lòng gương ý lược gửi cho ai?

Em giấu tình tôi vào cánh phượng
Nên màu hoa đỏ máu con tim
Bao năm sao vẫn còn nồng cháy
Ấm một bàn tay mãi đi tìm?

Em trốn tình tôi trong ký ức
Cuộc tình thơ dại vắng môi hôn
Tuổi hai mươi chia tay quá vội
Chỉ còn nỗi nhớ khóc rung rung.

Em giấu tình tôi sau cửa lớp
Màu áo xưa mưa ướt cổng trường
Thơ tình đâu phải là kẹo ngọt
Để đắng lòng nhau chẳng vấn vương.

Hạ đỏ, của tôi thời mới lớn
Tình đầu em còn nhớ hay quên
Thương con sông nhỏ xuôi về biển
Và một con đường chẳng nhớ tên.

Nguyễn An Bình



TRẦN HOÀI THU

Những Lời Thơ Xôn Xao

Đêm nay tôi không ngủ được. Tôi cần được thức. Tôi cần được cõi đêm vỗ về tôi. Ngoài đêm, dù mùa hè đã vào tháng bảy, nhưng có tiếng gió vọng về, và cả tiếng xôn xao của lá, của bóng đêm.

Đêm nay tôi chong đèn đọc thơ Luân Hoán, tập thơ kỳ lạ. Tập thơ đây đưa ở bên nào, đến đây, bắt tôi phải cảm động, phải thao thức, dần vật nhớ nhung. Có nơi nào, có tiếng gọi. Thi ca Luân Hoán và Thi ca. Thi ca và Luân Hoán. Hạt bụi là Thi ca. Thi ca là Hạt bụi. Đất đá là Thi ca. Thi ca là đất đá. Cứ hạt bụi, cứ đất đá. Thử hỏi trong vũ trụ này ai đếm bao nhiêu hạt bụi, và ai đếm bao nhiêu Luân Hoán thi ca.

Hình như có một sự chuyển biến quá kỳ diệu trong tập thơ mới nhất của anh. Đọc những tựa đề. lê thê, trải rộng, dịu dàng. Thơ 6,8. Ngay cả tựa đề cũng là thơ rồi. Chưa bao giờ tôi thấy một người thơ nào lại âu yếm cùng thi ca đến như thế. Tôi không nói đến chữ nghĩa như một số người đã bảo. Bởi Luân Hoán không phải là một phù thủy chữ nghĩa. Phù thủy chữ nghĩa chỉ là cái thùng rỗng, hay người kỹ nữ về già. Đọc kêu to nhưng không thấm thía, không bù ngùi, tha thiết. Với anh, tưởng như mọi thứ, mọi điều, mọi vật, nhỏ vô cùng như hạt bụi, to lớn vô cùng như trời đất vô lượng, tất cả đều có linh hồn và tất cả đều được thi ca gìn giữ.

như :
nhốt trăm tên gọi vào trong cặp
tưởng những tên kia đã của mình

như:
ngờ đâu lệ chi là vết đạn
lỗ chỗ lòng ta những xót xa

như :
quê hương nhắm mắt như sờ được

như :
trốn bao thương nhớ tôi ra phố
trăm ngã đường vào một trái tim
trái tim tôi vẫn là tên Đà Nẵng

như :
hồi con kiến lửa lạc băng quơ

Oi chú kiến lửa có lạc loài không nhĩ ? hay vợ vẫn rong chơi.Luân Hoán đã làm tôi xôn xao khi nhớ lại tuổi ấu thơ. Bây giờ tôi mới hiểu rằng tôi đã có bao nhiêu điều quý báu nhất mà tôi đã bỏ quên từ lúc nào không hay.

Tôi đã kể một phần nhỏ những gì đã gắn bó trong thơ Luân Hoán. Thơ anh dạt dào đầy ắp những Việt Nam, Những Đà Nẵng, Huế Sài gòn. Những ngã ba Huế, Hải Vân, huyện Quế Sơn, Câu Lâu, Hương An, Yên Nê, Hội An, Ngã Năm, Đàm Dạ Trạch...Thơ anh cuốn làn mây mù đỉnh núi, "bờ tre chịu gió", thẳng đường chim bay", "nước xôn xao dưới cầu". Thơ anh quê hương tăng thêm vẻ đẹp, tình yêu cũng âu yếm hạnh phúc bội phần. Thơ anh "mỗi hạt bụi đời như có máu" và gió thì " thổi nhăm hơi thở của em tôi" và "nước xô nhau như chạy trốn nhọc nhằn". Thơ anh đất cũng được âu yếm : " hốt giùm nhăm đất đưa ngang mũi, thử có hương giầy sư đoàn 2 " và mưa cũng tuyệt vời mộng mị "ước chi triệu hạt mưa rào, dất dàu hồn sít rịt vào với nhau " .

Người ta vẫn thường đặt thơ ở một nơi thật trịnh trọng. Nói đến thơ, người ta sẽ nói đến cái gì tốt đẹp, tuyệt vời, vượt xa cõi ô trọc thường tình. Với Luân Hoán, trái lại, thi ca gần kề với quả đất, cõi trần gian. Với anh, qua tập thơ không còn những kỳ thị một thời. Trái lại, tất cả được thăng hoa, giữ gìn, chẳng hạn qua bài Giặt Áo Quần Cho Vợ (Ngơ Ngác Cõi Người, trang 67), Luân Hoán đã viết những câu thật đẹp :

"trộn tình ta vào trong bột giặt
vò nhẹ nhàng bởi lo sợ em đau
vải còn đượm mùi thịt da em thơm ngát
tay bùi ngùi như đang vuốt ve nhau

trông thau nước đục lờ những cái bản
ta bỗng thương lớp bụi nổi màng màng
chúng là những nhọc nhằn em gánh chịu
nuôi chồng con dài năm tháng gian nan

vòi nước nhỏ chảy qua từng thớ vải
như chảy vào trong cùng tận lòng ta..."

Người ta nói nhiều đến người đàn bà Việt Nam với bao nhiêu ngưỡng mộ, khâm phục nhưng có vần thơ nào kể rõ hơn về cái nhọc nhằn, bất hạnh của người thiếu phụ "vò nhẹ nhàng bởi lo sợ em đau". Tôi nhắm mắt lại . Tại sao Luân Hoán lại dùng chữ nhẹ nhàng ? Thi ca cuộn cuộn ngay cả đến một thau nước bẩn, một cái vòi nước, một buổi trưa (có lẽ) người thi sĩ ngồi giặt quần áo cho vợ, thi ca không còn kỳ thị.

"vò nhẹ nhàng bởi lo sợ em đau" Ở thơ Luân Hoán tình yêu đầy ắp. Yêu mọi thứ, mọi điều. Yêu sự đau khổ, nhọc nhằn. Yêu hạnh phúc, yêu vật, yêu người, yêu hoa, yêu lá. Nhưng trang thơ của anh thấy đều bàng bạc tình yêu. Anh ướp chúng vào với tất cả độ lượng ngay giữa lúc người thi sĩ mặc vận nhất. Thật vậy, giữa lúc nước mắt nhà tan, tội tù, giữa lúc anh mất đi một phần thân thể, anh vẫn :

"vò nhẹ nhàng bởi lo sợ em đau"

hay vẫn :

ta sẽ đãi ta bát nước xanh
điều Vàm Cỏ thở khói mong manh
rung đùi nhám nhí niềm hạnh phúc
mừng trái tim ta vẫn trong lành
ta sẽ cười vui với trẻ con
da nhăn bụng ỏng ngân ngơ buồn
cho em bao thuốc làm giấy vụn
phân lượng nào cân được mến thương"

Hồi các em nhỏ của Bình Minh, Tân Quới, Phong Điền, tôi đã gặp các em , đã đứng bên đường lắc cái chuông đồng mời gọi các em tới. Các em xanh xao, da nhằng bụng ỏng...

Hôm nào cây cà rem chảy tôi tặng các em, bây giờ tôi xin tặng các em bài thơ của một người. Bởi thơ luôn luôn tồn tại. Thơ sẽ sống mãi và giữ mãi nhịp cầu giữa em và tôi...

Trần Hoài Thư



TRẦN DZA LỮ
Khi Vắng Em Bên Đồi

Em đi rồi - Căn nhà trống vắng
Một mình anh đối diện nỗi cô đơn
Tháng hai Sài Gòn
sao nghe nặng nặng
Như là mưa đang trút xuống tâm hồn...

Em đi rồi - Cảnh cũ lại buồn hơn
Khi thiếu vắng một tấm lòng tri kỷ
Mở trang sách đọc hoài không biết nữa
Mình có cần tìm kiếm một mùi hương ?

Em đi rồi - cây cột điện chon von
Anh đứng dựa nghe sầu phiêu lãng
Tiếng độc huyền nhà bên tản mạn
Khi hương quỳnh ngan ngát nhớ thương!

Em đi rồi - Cô độc một vầng trăng
Nhớ chênh chếch qua hồn khuya khoắt
Anh gửi mail đến cả trăm lần
Mà không biết mình gửi về đâu nữa!

Em đi rồi - Anh ăn cơm từng bữa
Đũa so le không thiết nỗi cân bằng

Uống nỗi niềm như là độc dược
Đề ru mình ngủ muộn giấc phù vân

Trần Dza Lữ



SONGTHY

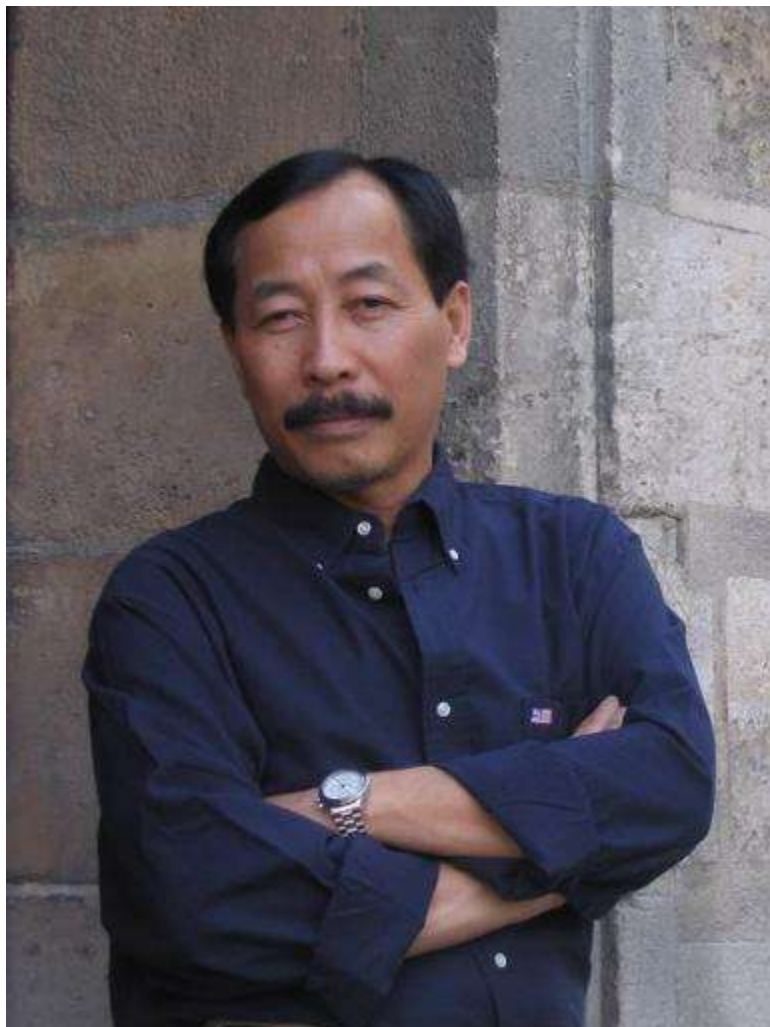
Tiến Em

*"Người sao ngoảnh mặt làm ngơ
Quay lưng cất bước chẳng chờ tôi theo
Lặng nhìn dạ bỗng buồn hiu
Người về phương ấy chín chiều ruột đau"
St*

*Tiến em ra phi trường
chân buồn ngập ngừng vương
ôm bờ vai thật thương
mắt xa xăm ướt lệ
người phương ấy đi về
người buồn tênh ở lại
dõi bước theo dáng ai
thôi nhé kể từ đây
nhớ dáng em gầy gầy
nhớ nụ cười chiều ấy
hồn quện gió trời mây
mai này buồn biển nhớ
tượng đá đôi bóng chờ
dáng chim nhỏ nên thơ*

*Bao giờ em trở lại
Người em gái tôi mơ !!!*

Songthy



PHẠM NGỌC
Vết Tích

*Paul Klee chia tay người tôi sẽ về đâu
không còn nhau con phố dài đến thế
phố vẫn đông bỗng thấy mình đơn lẻ
đầy những nụ cười mà ray rứt con đau*

*Chia tay người tôi biết sẽ mưa mau
mưa che khuất những ngày xưa đầy nắng
khi tất cả đắm chìm trong im lặng
quanh quẩn một mình cùng nỗi nhớ khôn nguôi*

*Chia tay người tôi đừng gọi tên tôi
giữa khoảng trống có tiếng buồn vọng lại
giữa đất trời bỗng thấy mình thừa thãi
một nửa đời còn mắc nợ với cô đơn*

*Chia tay người tất cả sẽ khỏi sưng
sẽ tan biến trên giong sông kỷ niệm
dấu vào đâu những yêu thương thể hện
khi nỗi buồn là vết tích buổi chia tay...*

Phạm Ngọc



NGUYỄN ĐỨC NHƠN

Bướm Trắng

em về gió lộng tóc bay
mùa hoa vàng mộng nở đầy lối xưa
dáng gầy tà áo đông đưa
giọt sương chiều muộn cũng vừa vỡ tan

dòng êm, con nước mơ màng
gió lay bờ mộng, hai hàng liễu buông
sắc trời nhuộm đỏ chiều hôm
trắng hoa bờ giậu cánh chuồn chuồn bay

em về có ở lại đây?
tôi gieo mộng giữa ban ngày mà vui
ra ngồi giữa đám vôi vôi
trắng hoa, trắng cả lòng tôi giữa trời

em về rồi lại đi thôi!

bỏ sau lưng một vành môi hững hờ
tôi ngồi dệt nốt bài thơ
hóa con bướm trắng nằm mơ ban ngày!

Hoàng Hôn
Trên Bến Nước

Rồi một chiều lá vàng rơi lác đác
Em ra đi bỏ lại chút tình xưa
Tôi vẫn đứng giữa dòng sông bát ngát
Chiều lại chiều trôi mãi giữa hư vô

Vàng nhạt nguyệt có mong ngày gặp lại
Từ trăm năm chờ biết đến bao giờ
Con nước lớn đã xuôi về biển cả
Dòng sông ơi có thấm lạnh đôi bờ

Chiều xuống thấp mây trời trôi lững lờ
Trôi về đâu em có biết không em
Tôi lặn đục một đời không bến đỗ
Ngày cuối ngày lặn lẽ bước qua đêm

Nhìn khói sóng hoàng hôn bay lảo đảo
Tôi đã say và em đã ra đi
Tôi và em hai phương trời cách biệt
Em cạn tình tôi cũng cạn ly

Mượn men rượu cho vơi niềm tâm sự
Dốc Hồ Trường cho cạn chén ly tao
Giai nhân hê! Rượu hê! Say túy lúy
Khi say rồi ngày tháng cũng quên mau.

Nỗi Buồn Thiên Thu

Em ngồi, tôi đứng nhìn nhau
Buồn vui lẫn lộn lần tao ngộ này
Em ngồi, tôi đứng nhìn mây
Tóc em xõa, tóc tôi bay ngược trời

Gió mùa khói lộng mù khơi
Nhấp nhô bờ mộng chiều rơi giọt buồn
Bên bờ liễu phủ mờ sương
Bóng em khuất, bóng tà dương nhạt màu

Ngồi nhìn con nước trôi mau
Trái tim rỉ máu còn đau trong mình
Mấy mùa sương khói qua nhanh
Cuộc từ ly ắt sẽ thành thiên thu!

Tóc mây đen, trắng hai màu
Tôi ôm mộng thuở ban đầu mà vui
Chiều nay tháng Chín mùa voi
Se se ngọn bắc à ơi giọng hò...

Dòng sông, bên nước, con đò
Tiếng ai còn vọng bên bờ liễu buồn
Ráng trời nhuộm nhuộm chiều hôm
Trắng hoa bờ giậu cánh chuồn chuồn bay

Mật mừng bóng nhận chân mây
Ngành thu ắt nổi buồn này khôn nguôi!

Nguyễn Đức Nhơn

MẠC PHƯƠNG ĐÌNH
Trên Đỉnh Mùa Xuân

người đi qua, mùa xuân đã nở
đóa thơ ngây khoác áo bình yên
xanh như ngọc trái sầu rụng xuống
để bàn tay vội vã trăm miền

nghe điệu nhớ vàng theo ánh nắng
con chim chuyền cất giọng trên cao
hương mai đậm chút tình gió bụi

câu hát ru pha dẫu nghẹn ngào

trên dốc đời mùa xuân đếm nhịp
còn cưu mang xa lạ một dòng
mây lơ lửng quay ngang ngõ cũ
nhắc nhớ gì một bước long đong

xin gói trọn niềm đau một thuở
mang đi theo vào đỉnh mùa xuân
gởi cho gió mịt mù nhân ảnh
người có nghe hoa cỏ thật gần .

Mạc Phương Đình



PHẠM VĂN HÒA
Thăng Năm Cà Dom

Hôm rày trời mưa rả rích. Năm khoanh trong khoan ghe Năm Cà Dom thấy nhớ miệt Năm Căn quê mình quá xá. Cà Mau, mỗi lần mưa thì như không bao giờ dứt. Năm nằm trong ghe này ba ngày liên tiếp cứ dỡ hết hủ mắm cá cơm ăn với com nguội vắt theo. Bọc ớt sừng trâu với mớ dưa leo cách nay mấy hôm ăn đậm với com mắm cũng bắt quá chừng. Năm chèo mấy ngày đường từ Năm Căn lên Rạch rập theo lời Cậu Sáu nhắn. Mấy năm nay từ khi má mất, đến mùa lúa thì Năm theo đám bạn đi gặt lấy công, tát đìa bắt cá làm mắm, hay làm khô để mang về ăn Tết. Mỗi lần đi cả tháng trời mới về. Nhiều khi làm chỗ này xong, bà con ở làng bên kêu qua phụ, bởi vậy có lúc kéo dài vài ba tháng không chừng. Năm làm chăm chỉ, tánh tình thiệt thà nên người ở mấy xóm xa cũng đồn và kêu anh luôn, khi phụ cất nhà, khi phụ đào hào lên liếp, khi đào mương đắp nền. Lu bu vậy rồi hết năm lúc nào không hay.

Từ ngày má Năm mất, chôn cất xong anh càng đi dữ hơn. Bà con của Năm không có mấy người, hồi tản cư chết hết chỉ còn cậu Sáu ở Cà Mau, và Cậu Tư thì ở Sóc Trăng. Nghe nói chớ từ hồi nào tới giờ Năm có đi đâu xa. Lân quần miệt Cà Mau này thôi. Chỗ Năm ở miệt Năm Căn, Cái Nước, mùa khô thì đất phèn quá, không trông trọt nước biển tràn vào làm mặn nước, phèn đất.

Ngày tháng thoi đưa, Năm giờ cũng đã 18 tuổi. Má mất đã ba năm rồi. Còn ba thì đi mất biệt từ ngày má sanh Năm, nên anh không biết mặt mũi, mà má Năm cũng chưa hề nói rõ tông tích của ba dù Năm có nhiều lần han hỏi. Căn nhà má để lại trống trước trống sau, chủ thương tình cho cất trên đất mà lúc sống má làm công tá điền. Mới nghe ai cũng tưởng Năm có nhiều anh em nên anh mới có cái tên Năm Cà Dom, nhưng thật ra tại anh ở Năm Căn, mà sống làm thuê trên ghe, nên bà con đặt chết danh Năm Cà Dom là vậy đó. Anh cũng chẳng biết giấy khai sanh anh tên gì, mà cũng không biết có hay không. Anh cũng có đi học dù rất trẻ lúc lên tám tuổi thì phải. Nhưng chẳng được bao lâu, đánh vần chưa xong thì anh nghĩ học theo má đi làm mướn chỗ khác. Rồi Năm cũng không trở lại trường. Tới bây giờ mặt chữ cũng không biết còn nhớ hay không. Nhiều khi lượm tờ nhật trình, Năm chỉ coi hình còn nhờ mấy đứa bạn đọc kể cho nghe. Cuộc đời của Năm nhiều khi anh nghĩ còn thua con chó Cò của ông Cả điền chủ mà năm nào anh cũng lên làm thuê. Mẹ mất, không biết ba là ai! Nỗi buồn thoáng qua đầu như cơn gió. Rồi anh an phận, chạch lười như con cắc kè. Nhờ vậy Năm lúc nào cũng tươi cười với mọi người nên được bà con thương mến. Má Năm lúc còn sống vẫn thường chỉ ngôi sao trên trời nói là mỗi người một số phận. Khi nào sao đổi ngôi, thì chừng đó mình theo ông theo bà. Má còn nói nhiều lắm mỗi đêm khi nhìn sao trên trời, mà nay Năm chỉ nhớ mang máng. Mỗi lần như vậy, dù trong bóng tối, Năm vẫn thấy má lấy cái căn rần vắt vai chặm nước mắt. Má tèm thêm miếng trầu bỏ vô miệng nhai bồm bẻm, rút cục thuốc rê sĩa một cục gò cao bên má, mắt nhìn sâu trong bóng đêm. Năm biết má buồn lắm, nhưng không biết buồn cái giống gì. Bởi có hỏi má Năm cũng không nói. Nay má không còn, chắc má cũng đỡ khổ phần nào. Chắc về với Phật. Má vẫn thường nói vậy mà.

Năm thở dài. Lòng buồn vô hạn. Nỗi buồn vô cớ sao cứ đến đi không để Nam yên thân!

Mưa vẫn còn nặng hạt. Bong bóng nước nổi lênh bênh trên mặt sông. Năm dòm muốn chóng mặt. Ghe Năm cặp khuất sau rặng dừa nước để tránh gió. Lá dừa kêu xào xạt. Năm đoán giờ này chắc cũng chiều xế rồi, chút nữa đây trời sắp tối, mặc sức nghe tiếng ếch, nhái, ễnh ương rầu thúi ruột. Chiếc ghe này giang hồ với Năm Cà Dom khắp vùng sông rạch chi chít Cà Mau. Mới năm rồi kiếm được mớ tiền anh mua dầu chai, dầu rái để trét chiếc ghe cho khỏi bị nước ăn, sau khi cạy hà thiệt sạch. Năm tốn cả tuần trét thiệt kỹ và đợi cho thiệt khô. Năm còn lấy lá dừa nước lợp lại mái, nhờ vậy mà mưa mấy ngày nay không dột như năm rồi.

Năm mơ màng vắt tay lên trán, bên ngoài mưa lộp độp trên mái, trên đám dừa nước. Tiếng cá đớp mồi trên sông nghe thiệt rõ. Trời vừa sắp tối là muỗi kêu ầm ầm đánh thức Năm dậy. Anh ra khoang ngoài nhúm lửa un khói đuổi muỗi. Năm ngồi chồm hồm, phùng miệng thổi cho lửa mau bắt. Ánh lửa lập lòe, khói len qua vách vược lên không càng làm anh nhớ nhà và cảm thấy cô quạnh. Mắt Năm cay sè, nước mắt ràn rụa, không biết vì khói hay vì cảm cảnh thân đời cô độc. Thằng Phước, thằng Sang cùng nhóm làm công trước đây, nay đũa nào cũng có gia đình, yên bề gia thất, không còn lang bạt kỳ hồ như Năm. Thằng Sang sắp có con đầu lòng. Năm cũng có để ý con Út ở cùng xóm với cậu Sáu, nhưng coi mồi cũng chẳng đi đến đâu. Nghĩ đến đây, Năm hướng mắt về xóm Rạch Rập gần mái đình cong cong. Mái nhà của con Út ẩn hiện dưới màn khói, tuy gần mà sao quá xa. Ba ngày trước khi vừa đến đây, Năm ghé chào cậu Sáu vì cậu nhấn Năm ra đây để tiếp cậu lên liếp cho miếng đất cậu vừa mướn để trồng dưa trồng bắp, bầu bí. Hôm đó con Út cũng qua nhà cậu Sáu có chút việc. Gặp con Út mà tim Năm muốn rút khỏi lồng ngực. Con nhỏ trông lớn đại. Mới chưa giáp năm mà nhỏ giò, mình mẩy nở nang thon gọn.

- Anh Năm mới lên? Con Út đon đả hỏi, giọng dòn tan làm Năm chết điếng.

- Ừa! Tui mới tới xế trưa. Năm trả lời mà không dám nhìn mặt con Út.

- Cậu Sáu biểu tui lên tiếp công chiện.

Năm kể tiếp để mong cảm chân con Út, nhưng con nhỏ bỏ đi ra sau bếp nói chuyện với mợ Sáu làm Năm cụt hứng. Ngoài này Năm nghe lòng thấp thỏm. Năm đoán chừng sau khi tiếp cậu mình lên liếp khoảng một tháng thì xong, cầu mong cậu Sáu giữ Năm lại để sơn dặm đình Rạch Rập mà cậu là ông Từ, để có dịp gặp con Út nhiều hơn. Tự nhiên chiều nay Năm nhớ con Út quá chừng. Bên ngoài trời tối hẳn. Tiếng côn trùng kêu "uềnh oàng" vang rền. Cậu Sáu biểu Năm chiều lên nhậu cá lóc nướng trui, nhưng mưa gió như vậy, đường trơn trượt như thoa mỡ, tối còn trở về ghe, thấy lẩn cấn quá nên thôi. Vậy nên Năm đã dần bụng cơm chiều, với vắt cơm nguội cuối cùng.

Gần khuya, cơn mưa cũng dứt hạt.

Năm không ngủ được vì đã ngủ cả ngày.

Bầu trời tối thiu của đêm ba mươi.

Muối kêu vo ve như ong vỡ tổ.

Năm khêu thêm lửa, bỏ ít võ dũa chưa khô cho có khói đuổi muối. Trên trời ngàn vạn vì sao lấp lánh. Sau cơn mưa trời đầy sao! Chắc sao của má Năm không còn nữa, đã xẹt mất như má đã ra đi biến dạng. Còn ngôi sao nào của Năm? Năm chắc là cái sáng nhất vì má nhiều lần chỉ "Sao đó là của con". Cuộc đời sao rắc rối quá. Năm rót ly rượu đế, nhâm nhi, thấy tâm hồn bay bổng. Học lóm được mấy câu vọng cổ anh cất giọng vang vang trong đêm hòa lẫn tiếng ếch nhái, côn trùng và tiếng muối vo ve như tiếng đàn của dàn nhạc cù cưa:

"Ôi! Nhìn trời hiu quạnh, rừng đông sương gió lạnh
Hương quê nhà lòng TUI thêm chạnh tủi niềm riêng
Em ÚT ơi muôn dặm xa xôi, xin em giữ vẹn hương nguyên
Để cho người cô lữ phải nặng mang điều tủi hận
Bao canh tàn ngơ ngẩn, nhìn bóng trăng khuya lặng lẽ giữa đêm . . . ở ở ợ . . . trường
..."

Giọng ca trầm buồn của Út Trà Ôn trong bản Sầu Vương Biên Ải đã đi vào Năm như những cơn rạch chần chịt miệt Cà Mau. Mỗi lần buồn cho thân phận mình, Năm ca giọng trầm ấm ngân nga, và đêm nay sao nghe quá nẫu ruột. Năm mong Con Út nghe được tâm sự mình qua giọng hát ngọt ngào này mà đừng vô tình với Năm như vậy nữa. Nghe nói con gái mê kép cải lương lắm, và Năm chỉ mong được vậy để theo gót thằng Sang, thằng Phước lập gia đình dọn về ở luôn ngoài Rạch Rập này. Bản vọng cổ vừa dứt thì mắt Năm cũng nặng nặng... cảm giác nhẹ nhàng lâng lâng, bay bổng . . .

"Con chó chạy lăng xăng từ đầu ghe đến lái không tài nào cứu được chó mẹ vừa trượt chân rớt xuống sông bị nước cuốn phăng đi. Chó con tru từng hồi, buồn bã lên bờ lang thang, đi hoài không biết đi đâu, đến khi đói lả thì trời đã sập tối. Cuối cùng chó lê lét đến đám cỏ êm như thảm nhung. Dù rã rời nhưng cơ hồ có sức mạnh. Chó đi như bay trên thảm cỏ mượt êm mềm mại dưới chân như lướt trên sóng nước, quên đi mệt mỏi. Trên không sao đầy trời, có ánh sao xẹt để lại vệt sáng long lanh. Bên đường thấp thoáng từng đóm lửa nhấp nháy chuyển từ các bụi cây như nô đùa trong ngày hội. Chợt có tiếng trong trẻo:

- Chó đi đâu lang thang đến đây?

Chó lằm lủi bước, bên đường các đóm sáng lập lòe.

- Chó cho Hy Vọng đi cùng được không?

Chó tiếp tục bước không trả lời. Đóm sáng của Hy Vọng trong hơn, nhấp nháy hơn, nổi bật trong các đóm sáng chung quanh.

- Cả đời Hy Vọng lẩn quẩn quanh đây thôi. Những đêm tối trời là những đêm vui nhất, các đóm sáng nô đùa cho đến bình minh. Chó đưa Hy vọng đến những nơi ngoài kia kia, chỗ mà Hy Vọng chưa từng đặt chân đến.

Hy vọng vừa nói vừa trở về góc trời xa thâm tối.

Cả đời chó sống trên sóng nước, chiếc ghe cà dom cùng đám lục bình bập bênh là bạn, là nhà. Giờ trên đất liền chó cảm thấy cuộc đời sao quá nhiều điều lạ. Nay lại nghe giọng ngọt ngào của Hy Vọng rót vào tai, làm mệt mỏi đôi khát cơ hồ tan biến. Chó không trả lời, nhưng gật đầu. Hy Vọng mừng quỳnh bay lượn từ cây này đến cây khác, khi xuống là đà, khi bùng cất lên cao, khi hiện khi ẩn sau lùm cây ven đường. Chó nhìn ngây ngất. Bốn chân nhịp nhàng rảo bước, Hy Vọng đáp trên lưng chó đi mãi miết đến khi mặt trời đỏ hừng phương Đông. Chó đã rời nằm nghỉ bên ngôi đình cạnh bờ sông. Hy Vọng không còn lập lòe sáng như đêm qua. Rúc vào mớ lông của chó tìm hơi ấm ngồi nghỉ. Chó bị đánh thức bởi tiếng muỗi vo ve. Uống ngụm nước làm chó tươi tỉnh. Chó nhắm nháp đám cỏ ven sông như thói quen mỗi khi mệt mỏi đuổi sức. Rồi tiếp tục cất bước có Hy Vọng thủ thủ bên tai, trầm trồ những nơi xa lạ. Cảnh sắc, âm thanh những nơi chó đi qua cơ hồ nơi tiên bồng mà Hy Vọng chưa hề nghe, thấy, biết. Thì ra cuộc đời ngoài kia giang sơn mà từ lâu Hy Vọng được lớn lên còn lắm điều thú vị, mà Hy Vọng chưa hề được biết. Chó giải thích cho Hy Vọng như người từng trải. Có Hy Vọng đồng hành, con đường như không còn dài lê thê mà chó đã từng đi qua. Ngày qua ngày Chó và Hy Vọng trở thành đôi bạn chí thiết. Chó đưa Hy Vọng qua những nơi nơi hùng vĩ, mênh mông, có sông hồ mây nước

Rồi một hôm đến nơi ngập tràn ánh sáng chập chờn. Hy Vọng như bị mê hoặc say sưa nhìn ngắm, bay lượn, cao mãi, xa mãi theo đuổi nô đùa cùng ánh sáng mới! Chó ngóng đợi mòn mỏi ngày qua ngày. Hy Vọng không trở lại nữa! Chó buồn bã nhìn xuống đôi chân rướm máu tự lúc nào không hay, liếm vết thương, khắp khiêng, lạng lẽ từng bước nặng nề tìm về chiếc ghe Cà Dom bên rặng dừa ..."

- Năm Cà Dom! Năm Cà Dom ơi! Sáng bet mắt rồi kia cà! Bớ Năm!

Tiếng kêu vọng từ trên xóm làm Năm choàng tỉnh giấc.

Tiếng Cậu Sáu giục Năm lên ăn rồi còn ra ngoài rẫy.

Thì ra Năm đã nằm mơ. Giấc mơ thiệt lạ. Năm bươn bã ra mũi ghe vực đầu xuống sông rửa mặt, ra chiều tiếc rẻ vì giấc mơ chưa trọn.

- Dạ! Tui lên liền đó cậu Sáu!

Phạm Văn Hòa



KIM OANH

Chinh Nhân Hối

Thế là trước một lần đi
Anh chưa nói hết những gì anh thương
Tình xưa gầy gảnh giữa đường
Lời thương chưa tỏ em vương vấn sầu

Từ giã anh bước lên tàu
Sân ga ngày ấy khắc sâu khối tình
Anh đi tắt nắng bình minh
Rêu phong chôn kín một linh hồn gầy

Anh đi biệt biệt như mây
Em làm cơn gió theo mây lướt ngàn
Dù đời ngàn dặm quan san..
Giật mình tỉnh giấc ngỡ ngàng...là mơ

Thu tàn đông lạnh ơ hờ..
Gom tàn hương nhạt làm thơ ướp lòng
Góp lá khô sưởi tình nồng
Chinh nhân người hối! Cô phòng chờ ai.

Kim Oanh



Mh.HOÀI LINH PHƯƠNG
Về Soi Bóng Mình

Tiếng hát người buồn, làm tôi muốn khóc
Trí tưởng chợt về... những tháng năm xưa

Tôi cúi mặt dấu giọt buồn trong tóc
Môi ngậm ngùi qua hàng lá bay mưa

Người đánh thức niềm đau nào trở dậy
Tuổi thơ xa như quá khứ mịt mù
Nghe thấp thoáng bước chân mình trở lại
Những con đường kỷ niệm đã hoang vu

Chỉ còn dấu chim trên bờ cát ướt
Thành phố hoa vàng hiu quạnh mùa đông
Cô bé ngày xưa... mắt tròn bờ ngõ
Cách biệt như đời của một giòng sông

Tiếng hát người buồn, nên hồn tôi... bỗng khóc
Khi được một lần nhìn lại tuổi tên
Khi được một lần soi mình rạng rỡ
Về một khoảng trời biên biệt chìm quên.

Mh. Hoài Linh Phương



NGÔ TỊNH YÊN
Thiếu Thừa

Thiếu gì nắng - thiếu gì mưa
thiếu nhau lại thấy rất thừa thời gian

Thiếu chi gió - thiếu chi trăng
thiếu đôi mình thấy trần gian không hồn

Thiếu gì vui - thiếu gì buồn
chỉ thừa hơi ấm chiếu giường dừng dưng

Thiếu chi biển - thiếu chi rừng

chỉ thừa phở xá lạ lòng không quen

Thiếu gì bạc - thiếu chi tiền
thiếu một người cũng thừa thiên hạ nhiều

Thiếu gì... người ghét, người yêu
tấm lòng chân thật bao nhiêu mới thừa?

Ngô Tịnh Yên



HOÀNG ÁNH NGUYỆT
Tình Xuân

Mới đó mà nay xuân đã sang
Nhớ xuân quê cũ nhớ mai vàng
Xuân về vụn cánh hoa đua nở
Tiễn tiết đông tàn dạ ngổn ngang

Xuân nữa lại về trong mắt em
Lung linh màu nắng toả bên thềm
Tình xuân đất khách càng tha thiết
Trao gởi lời thương những nỗi niềm!

Rộn rã xuân về nhớ cố hương
Lòng nghe canh cánh nỗi đau thương
Biên Hòa quê cũ còn mơ mãi
Khát vọng sum vầy khách viễn phương

Hoàng Ánh Nguyệt



PHẠM THỊ CÚC VÀNG
Giọt Mơ Vàng

Tìm nhau mòn gót chiêm bao
Cuồng chân chưa thấy bước nào so lnh đôi
Lời thơ rớt giữa xa xôi
Vớt lên trong đục bong tôi - một đời
Vô tình gió cuốn nửa lời
Chỉ còn lại nửa lơ ngơ chốn trần

Con tim héo hắt tần ngần
Cười – không góp lại một lần cho nhau?
Một nhịp đau hai nhịp đau
Đôi môi lạnh thờ bao lâu sẽ hồng?
Chiêm bao mơ với gió đông
Bình minh vài giọt bên song rơi vàng.

Phạm Thị Cúc Vàng



TRẦN YÊN HÒA

Người Chết Hai Lần

Một người làm ruộng cho gia đình tôi là chú sáu Quấn. Chú ở dưới miệt Kỳ Anh, tức là dưới vùng biển Tam Áp, tên thường gọi là xóm Đồng Rạ hay là Đầm.

Mẹ tôi không biết duyên do nào đã biết chú và nhờ chú, đến mùa cấy hay mùa gặt là chú lên nhà tôi ở lại suốt mấy tháng để làm việc.

Chú sáu Quấn là một thanh niên to con, cao ráo, lực lưỡng, đẹp trai. Mỗi lần chú gánh lúa từ ruộng về, chú thường ở trần trùng trục. Tôi nhìn từ xa, đôi chân chú săn chắc, vòng ngực nở nang, mái tóc hớt ngắn để lộ cái đầu to, dù trời có nắng đến mức độ nào chú vẫn để đầu trần, không hề đội mũ hay nón gì cả.

Chú ăn cơm rất nhiều và nhanh. Ở nhà quê bữa ăn đâu có thức ngon vật lạ gì cho cam. Mẹ tôi nấu một nồi cơm đầy, có khi dọn thêm khoai lang tươi, khoai lang khô, hay bắp, ăn với một đĩa mắm cơm hay mắm nục được muối mặn chút, một rổ rau sống đủ loại rau trộn chung vào, như rau cải cay xắt nhỏ, bắp chuối, tần ô, tía tô, và một loại rau đặc biệt nữa gọi là rau sân. Cây rau sân không trồng nhưng mọc hoang trên bờ rào, cành cây lớn có gai mọc chen chúc nhau. Rau sân chỉ ăn được những mầm xanh tía, rau có mùi thơm rất dễ chịu, hơi gây gây nhưng nồng nàn lắm. Trong một rổ rau lớn mà có trộn thêm một chút ớt rau sân thì có ngồi từ xa cũng ngửi được mùi thơm thoang thoang. Thêm một tô canh rau muống xắt nhỏ nấu loãng để chan húp cho dễ trôi cơm. Bữa cơm chỉ có thế mà ai ăn cũng ăn ngon lành, chan, húp, nhai, nuốt, sột soạt suốt cả bữa ăn.

Riêng chú sáu Quấn thì ăn rất im lặng, một chén cơm chú và vào miệng rồi nhai, nuốt, đầu hai, ba lần là hết, xong, chú gấp một con mắm to bỏ vào miệng, chú lại nhai gọn như không nhai, chú nuốt ẹ rồi bới chén cơm khác. Chú chan canh cũng im lặng như ăn, không húp sì sụp như mọi người mà như chú nuốt trộng, rất nhẹ nhàng và gọn. Một bữa ăn chú bới khoảng sáu, bảy chén cơm đầy, thế mà lúc nào chú cũng bỏ đĩa trước.

Những lúc nhà nông nhàn rồi, nhà tôi không có việc làm thì chú về lại quê Kỳ Anh. Chú đi cát lưới bắt cá hay đi giăng câu. Kỳ Anh là một xã sát biển, ở đây ai cũng biết bơi rất giỏi, giăng câu rất nghề. Chú sáu Quấn cũng vậy, những ngày kiếm được cá nhiều, chú mang cả thúng cá lên chợ Quán Rừng bán, riêng nhà tôi, chú lựa những con cá to, ngon, đem biếu. Những lúc như vậy, mẹ tôi thường cho lại chú mấy lon đậu đen hay đậu xanh.

Tôi coi chú như người nhà, có lúc tôi leo lên vai chú để chú vác công kênh đi chơi, vác đi long rong đi trên đường làng từ xóm này qua xóm kia, hay đi qua các bờ ruộng. Ngồi trên vai chú tôi thấy tôi như người khổng lồ, sung sướng lắm.

Chú chưa có vợ con gì, dù đã hăm mấy tuổi. Mẹ tôi có làm mai cho chú mấy đám mà không thành. Mấy cô gái quê tôi thì chê quê chú nhà quê hơn quê tôi, chê chú là “nậu đầm”, ai mà muốn gã con xuống “đầm”. Có lẽ quê chú ở gần biển, nên lúc thủy triều lên, nước biển tràn vào nhà, khi nước rút đi để lại đất bùn dơ dáy, như một cái đầm lầy, nên người ta gọi là “đầm” chăng? Chú cũng không thấy thế mà buồn, gương mặt chú lúc nào cũng tươi cười, vô tư, thản nhiên lắm.

Mà đúng quê chú là “đầm” thiệt và chú cũng là dân “nậu đầm” thiệt. Tôi nói vậy vì có một lần, do công việc cần gấp, mẹ tôi sai tôi xuống kêu chú sáu Quấn lên làm việc. Tôi một mình đi bộ từ nhà tôi đến ngã ba Chiên Đàn, rồi hỏi thăm người ta xuống “đầm”. Người ta chỉ đến đâu, tôi đi theo đó. Qua một trảng cát rộng, đi rất cả chân, vì tôi lội bộ bằng chân không chứ đâu có guốc giép gì. Tôi bước trên trảng cát như đi qua sa mạc, không một bóng cây, chỉ có những hàng dương liễu lơ thơ. Cát nóng trong buổi trưa nắng cháy, thế mà tôi làm lủi đi, đen cả mấy tiếng đồng hồ mới tới nhà chú sáu Quấn, nên bàn chân dộp lên, đau rất lắm.

Nhà chú đúng là một cái chòi. Bà mẹ chú đôi mắt bị “nheo”, có lẽ vì gió cát và nước mặn thổi suốt ngày nên ở đây ai cũng bị “nheo” mắt - đôi mắt cứ nhú nhú, đầy nước mắt và ghèn.

Nhà chú đúng là cái chòi, mấy miếng tranh gát trên mái và được che chắn chung quanh bằng những tấm mảnh mảnh. Mẹ chú đi bắt ốc mò cua, được chút gì thì đem lên chợ Chiên Đàn bán mua gạo và thức ăn. Hai mẹ con sống heo hút trong cái chòi nhỏ bé đó.

Thấy tôi xuống kêu chú lên nhà tôi đi làm, chú mừng lắm.

Giọng chú xằng xái:

- Ê cu em. Mi đi một mình xuống đây hả? Ai chỉ đường cho mi.

Tôi liếng thoảng:

- Thì tui hỏi người ta.

- Trời ơi, cái chun mi đồ kia, sao không nói mẹ mi mua cho đôi giép.

- Tui đi chân không quen rồi, đi giép không được.

- Thôi ngồi đó đi, tau nướng cho củ khoai ăn rồi tau công về.

Chú vào bếp nướng cho tôi củ khoai lang, rồi chú công tôi lên lưng, vì chân tôi bị cát nóng sưng dộp lên từng mảng đỏ. Chú công tôi trên lưng đi băng băng qua cái nong cát dài, băng băng qua mấy con suối, rồi lên đi đường bộ đến nhà tôi một mạch mà chú không mệt tí nào.

Chú có một cái tài là trèo cây và bắn chim. Khu vườn nhà tôi trồng rất nhiều cây to, cành cây là xum xuê mát cả một khu vườn. Mùa hè thì mát lắm, nhưng đến mùa đông thì quê tôi thường hay bị bão, lụt, nên cha mẹ tôi nhờ chú sáu Quấn leo lên chặt những cành cây to hoặc đốn hẳn cây nào quá già. Lúc này chỉ có cửa tay chứ chưa có cửa máy, nên công việc đốn cành, cắt lá rất khó khăn. Những cây to, muốn cửa cành thì chú phải leo tuốt lên trên cao, rồi ngồi bám vào một chỗ nào chú thấy chắc chắn và chú bắt đầu cửa. Tôi đứng phía dưới nhìn thấy chú treo trên cao như vậy,

chỉ nhìn cũng đủ thấy ngợp thở rồi, hướng hồ gì chú từ trên cao ngó xuống, thế mà chú tỉnh bơ như không. Còn chú bắn chim thì thật là thiện xạ.

Trong những khu vườn mùa hè, chim chóc bay kêu ríu rít trong những chùm cây rậm, những con chim cu đậu tuốt trên ngọn những cây gòn, thế mà chú đứng dưới dùng ná cao su nhắm bắn, không sai chạy một li.

Chú còn có một ngón nghề nữa là chặt tre. Nhà tôi có một hàng tre dài cao vút, rậm, mọc khít nhau. Nhiều bụi tre đứng từ ngoài nhìn vào không biết cây tre xuất phát từ đâu. Nhìn từ bên ngoài, cha tôi muốn chặt mười cây này, cây này...vì cha cần tre vót nan để đan gàu giai, gàu sòng hay đan thúng, mủng, rổ, rá hay làm lạt cột. Cha tôi chỉ mười cây thì chú sáu đón ngay mười cây đó ngay chốc, không sai cây nào.

Nói con gái quê tôi không ưng chú thì cũng đúng. Họ không yêu chú vì nhà chú quá nghèo. Con gái về làm dâu xứ “đầm” quanh năm suốt tháng sống với bùn lầy nước đọng thì ai cũng ón, nhưng nhìn chú sáu với thân thể cường tráng của một lực điền như vậy, thì cô thôn nữ nào không mê.

Trong đó có mối tình với chị Mỹ Ly.

Mỹ Ly là tên của cô sáu Cần, con ông Học gần nhà tôi.

Nhà cô Cần cách nhà tôi chỉ có cái bờ rào tre và một đường mương thôi. Cô Cần mười tám tuổi, không đẹp nhưng có duyên. Cô có khuôn mặt bầu bầu, hàm răng trắng đều xinh xắn.

Một lần cô Cần gặp chú sáu đang chặt tre bên hàng rào nhà tôi, giáp với vườn ông Học, thấy chú sáu là người lạ, nhưng trông cường tráng, khỏe mạnh, đẹp trai, nên cô Cần lân la lại gần hỏi chuyện:

- Anh chặt tre cho cậu Khiêm hả?

Chú sáu trả lời:

- Ừ thì chặt tre.

- Chặt làm gì?

- Thì đan bồ.

- Đan bồ làm gì?

- Nghe ông nói đan bồ đựng lúa, chứ để lúa ở ngoài, chuột ăn hết.

- Anh tên gì?

- Sáu Quấn.

- Tên gì lạ kỳ, tóc anh đâu có quăn.

- Thì cha mẹ đặt vậy.

Thế là hai người quen nhau.

Cô Cần là một thôn nữ, nhưng cũng có chút máu học đòi thành thị. Cô có chiếc xe đạp dàn đầm, một ngày chạy đi đi về về từ Quán Rường xuống Tam Kỳ học may. Cô Cần biết thoa son đánh phấn, biết làm duyên với chú. Sau này cô còn phi dê mái tóc cho quăn tuyết lên và bịt một hàm răng vàng sáng chói, thật đúng là “cười lên đi cho răng vàng sáng chói”. Về sau cô bỏ tên Cần quê mùa để lấy tên là Mỹ Ly.

Trong một buổi văn nghệ ở đình An Mỹ, cả hai cùng đi coi. Buổi văn nghệ có anh Lương diễn kịch, chú Trà diễn tuồng, chị Khiêm ca tân nhạc Gạo Trắng Trăng Thanh cũng hay lắm.

Duyên đâu mà khán giả đi xem cũng hai, ba trăm người, mà chú sáu lại đứng gần chỗ cô Cần.

Khi cô hai Khiêm lên hát bản Gạo Trắng Trăng Thanh, đến đoạn... Đêm chơi vui gạo cười tươi, như chuyện hơi ấm ấm lòng người...hồ hô hò... thì tay chú sáu và cô Cần đã nắm chặt lấy nhau.

Mối tình của chú sáu Quấn và cô Cần chỉ đến đó.

Một hôm, cô Cần hỏi:

- Quê anh Quấn ở đâu vậy?

- Ở Đồng Rạ chứ đâu.

- Đồng Rạ là dưới “đầm” hả?

- Chứ đâu nữa.

- Dưới đó bùn lầy không à, làm sao sống, làm sao mang giếp, mang guốc.

- Thì sinh ở đó thì sống ở đó thôi.

Cô Cần từ từ rút tay chú sáu ra khỏi tay mình và lẳng lặng bỏ đi.

*

Đó là chú sáu Quấn làm ruộng cho nhà tôi là vậy, hiền từ, dễ thương là vậy, mà khi “giải phóng” đến quê chú, chú cũng phải theo, cũng vác súng AK, cũng đi bắn sỏ, đi đập mô, đủ hết.

Và cuối cùng, chú phải lãnh một viên đạn M16 của lính biệt lập ông Liệu, phục kích đón lõng mấy ông du kích tôi tôi mò về.

Mẫu đạn M16 ghim vào lồng ngực chú, nhìn phía trước như một vết mực nhỏ, nhưng nhìn phía sau lưng, một vòm da thịt rộng bị phá nát, máu đông thành vũng. Lính phe quốc gia còn đặt dưới lưng chú một quả lựu đạn đã rút chốt, để đồng bọn chú có tới lấy xác chú, thì sẽ bị nổ, sẽ bị chết thêm. Cũng may, cái trò này du kích gặp hoài nên rút kinh nghiệm, bỏ mặc chú sáu Quấn nằm đó, không ai giám mò tới.

Xác chú được để mấy ngày, ruồi nhặng bay đậu đầy, rồi nắng gắt làm mùi hôi bốc lên thúi kinh khủng. Dân chúng nghe mùi hôi thúi không chịu nổi nên than vãn, khiến trung đội trưởng nghĩa quân phải ra lệnh cho một anh nghĩa quân viên lấy dây buộc vào chân chú, rồi chạy ra, đứng từ xa mà kéo xác. Khi xác chú nhích lên thì một tiếng nổ ầm long trời lở đất bùng lên. Xác chú bay tả tơi, quần áo banh hết, rơi lả tả, da thịt, tay chân rơi ào ào, tứ tán.

Đúng như lời một bản nhạc “người chết hai lần, thịt da nát tan.”

Chị Cần nghe tin chú Sáu chết, có khóc thầm mấy tuần rồi cũng quên.

Không ai biết về mối tình đó, chỉ có tôi, chị sáu Cần kể tôi nghe, khi tôi đã lớn...

Trần Yên Hòa



LÃM THÚY

Mưa Chiều Nhớ Mẹ

Mẹ ơi! Chiều nay sóng vô
Con sông có trắng mưa dài...?
Biết ai chở giùm nổi nhớ
Mang về cho Mẹ, chiều nay...
Mấy ngày mưa như bão rớt
Trời buồn, tựa buổi đưa tang
Mưa ướt trong hồn ủ dột
Nhớ nhà. Sầu cũng mênh mang
Ở đây, lạc loài viễn xứ
Mưa chiều, sâu mây ngả chia
Con đứng bên trời, ủ rữ
Nghe thêm khói ẩm chiều quê
Nhớ bữa cơm nghèo đạm bạc
Thuở còn đông đủ — quây quần
Nhớ hiên nhà xưa, gió tạt
Đói no, ẩm lạnh, chung cùng.
Bây giờ: người xa, người khuất
Đau lòng Mẹ. Nghĩ mà thương
Con biết: Chiều quê tịch mịch
Mẹ ơi! Mưa, nắng cũng buồn

<i>Tha</i>	<i>hương.</i>	<i>Chiều</i>	<i>mưa,</i>	<i>nhớ</i>	<i>Mẹ</i>
<i>Nhớ</i>	<i>mưa</i>	<i>trắng</i>	<i>xóa</i>	<i>sông</i>	<i>dài</i>
<i>Mẹ</i>	<i>oi!</i>	<i>Mưa</i>	<i>nguồn,</i>	<i>chớp</i>	<i>bể</i>

Lòng riêng một hương, trông hoài

Lãm Thúy



THIỆU KHANH

Phân Vân

Thì cũng mang theo tiếng khóc đầu
 Ra đời xương máu cũng như nhau
 Trăm nghìn năm trước người đi trước
 Cũng giống nghìn sau kẻ đến sau

Nhưng bỗng hoang mang đến sững sờ
 Một lần nào đó ngỡ băng quơ
 Trong đêm thăm thẳm nghe chồn dậy
 Nỗi nhớ vô cùng nhớ ngân ngơ

Như một loài chim một loại rong
 Mang trên thân phận dấu phiêu bồng
 Từ sơ sinh đã đi tìm kiếm
 Nhớ một phương trời một núi sông

Chưa thỏa bao giờ những cuộc vui
 Lẫn trong từng rãnh máu trong người
 Vẫn nhen nhúm một quê hương cũ
 Một điệu tình ca rất ngậm ngùi

Ôi rất lạ lòng ta biết đâu
Miền quê hương đó ở nơi nào
Dấu chân bần bật thiên thu trước
Giờ đã nhạt nhòa trong bể dâu

Ta vẫn miệt mài cơn sóng xô
Niềm phân vân chợt đến không ngờ
Nghĩ thương bằng hữu đi ngơ ngác
Có mặt trong đời như cỏ khô.

Thiếu Khanh



HẢI PHƯƠNG

Chân Dung

Mùa Xuân Và Biển

tóc xao vừa độ nắng hanh
gió hiu hiu đủ phiêu bông mái hiên
liềm trăng lục bát nghe thềm
trầm hương cỏ mượt môi em dậy thì
nét mày vẽ một đường thi
tuyệt chiêu em nước cờ đi qua thành
mềm môi cắn một lần ranh
nụ hôn vỡ vụn tan nhanh miếng sầu
thấp lòng tĩnh lặng trước sau
đường cong biển dội trộn màu chân dung
bồng dung lại bồng không dung
bồng dung bồng nữa lưng chừng nhớ em
mở trang vô tự ra xem
thấy trong lá biếc biển đêm dịu dàng.

Hải Phương



MÂY NGÀN

Đò Đưa

Đò đưa bao chuyến trên sông
Ô lạch nước biếc hàng lau ngóng chờ
Quê hương cảnh đẹp nên thơ
Dân làng hải ngoại ước mơ ngày về
Thấy người nhớ cảnh buồn ghê
Bao năm lỗi hẹn lòng tê tái lòng
Xa quê đêm nhớ ngày trông
Ai tri âm đó nặng lòng với ai

Đò đưa đò lại trở về
Người yêu năm ấy nặng thề nước non
Nước sông lơ lửng chảy dài
Con đò bên nước chưa phai bóng hình.

Mây Ngàn



PHẠM TƯỜNG NHƯ

Võng Đưa

Tóc Xõa Ru Người

Em ngồi xõa tóc nghiêng vai
Dáng trong khung cửa, hình ngoài chân mây
Vòng đưa tình ý vơi đầy
Câu thơ dòng nhạc ngà say cung đàn

Lướt hờ chải tóc gió đàn
Dung nhan khuê các, dịu dàng bước chân
Bướm bay hoa lá ngại ngần
Nước gương soi bóng, tình tràn sông mơ

Hỡi nàng hong tóc liễu tơ
Vừa thay áo mới dạo bờ hồ xanh
Tóc nhung tơ liễu buông mảnh
Thả hai vạt áo thiên thanh màu trời

Lụa là tóc mượt mây trôi
Bay theo hướng gió xa tôi thuở nào
Tà huy lơ lửng mây treo
Khói lam thôn xóm cảnh đeo nỗi sầu

Chiều nào tóc ướt mưa ngâu
Dù che dạo ấy mái đầu kẻ đôi
Nợ nhau giây phút bồi hồi
Một lần chạm nhẹ bờ môi hồng đào

Tóc dài mỗi sợi mỗi thơ
Vòng quen vắn điệu treo hồ tình anh
Hồn em đáy mắt long lanh
Anh hôn mái tóc chột thành giấc mơ

Bên Kia Bờ Tro Than

Trái tim chùng chưa đốt đã thành tro
Dù nỗi nhớ, niềm đau không muốn giữ
Lời hẹn thề đầu môi ai ướp thử
Mà như trăng tròn khuyết giữa hiên đời

Tình nhúm lửa un khói cay một thời
Đâu ai biết lệ hoài rơi nhức nhối

Là mãi vá vết thương tơ chỉ rối
Người xa người ai nổi được thời gian?

Bóng dáng người âm ỉ ẩm tro than
Bài thơ gửi thay nhạc đàn rung cảm
Tiếng hát xưa vọng gió ngàn buồn thảm
Lạnh điệu mưa rót chạm chỗ không bờ

Em Anh Và Thiên Nhiên

tặng T. & Việt Cường

Rồi ta cũng hóa thiên nhiên
Kiếp hoa phải nở từ tiền kiếp xưa
Buồn vui như thể nắng mưa
Dịu dàng trăng mượt, sao thưa, mây ngàn
Là sương đêm phủ trần gian
Biển sông đưa nước, bọt tan sóng nhồi
Là hồn thơ lúc đơn côi
Môi cay rượu chuốc những hồi nhớ nhau

Vết hồn chưa khỏi tim đau
Yêu em tình ngỡ lạc vào tròng mơ
Ngoi lên từ những câu thơ
Đong đưa như cọng cỏ ngơ ngoài đồng
Dòng tình chảy một đời sông
Khi lắng đọng, lúc cuồng ngông xô bờ
Người đi, kẻ ở bơ vơ
Mà thời gian có chịu chờ ai đâu

Ánh trăng trải mặt rừng sâu
Mây thay áo mỏng cô dâu một thời
Thơ là ong bướm rong chơi
Tình là hoa nở cho người nhớ mong
Em cười trắng vớ trên sông
Mắt nhìn đắm cả cõi lòng anh say
Vành môi mộng, đóa trang đài
Nở trong nỗi nhớ thơm hoài sắc hương
Hơi thở bông, ướp chiều giường

Tay ôm là nhánh yêu thương cuốn vòng
Là trăng quần sóng trên sông
Cánh hoa rụng nhụy gió bông thổi bay

Tình yêu cất bằng men cay
Cắn chua trái đắng, nhai hoài nỗi đau
Hoa thương đài trở muôn màu
Nhánh thơ tình đậu trái sầu ưu phiền
Và anh và em thiên nhiên
Đôi tim giông bão triền miên cuốn đời !!!

Phạm Tương Như



TÚY HÀ
Chiều Nghiêng

Chiều nghiêng hạt nắng vàng rơi
Ta gần đến mộ phần đời chưa yên
Trăm năm còn ngậm ưu phiền
Đời chim lẻ bạn bay đêm một mình
Mơ hồ từ cõi lặng thinh
Xanh xao nhánh cỏ bất bình thiện tai
Vàng thu xác lá khô phai
Trắng đông chạm cửa trần ai đã đành
Đời tan hoang mộng không thành
Bụi tro thể phách tình anh rã rời
Giọt nắng rơi như sương rơi
Lung linh nhân ảnh hệt hơi thở tàn
Tham sân si vẫn nồng nàn
Khói hương tro bụi trai đàn tự thiêu

Chiều nghiêng giọt nắng hắt hiu

Ta như nước chảy liu riu qua cầu
Tử sinh hai chữ trước sau
Giữa đời thế tục nông sâu khó lường
Tiếc là tình lụy còn vương
Người đi kẻ ở đoạn trường như nhau
Lẽ vô thường là nhiệm màu
Khó khai chữ ngộ giữa màu khói sương.

Chiều nghiêng giọt nắng còn vương
Phù vân cõi tạm mộng thường man man.

Nhớ Quỳnh Lan

một ngày mưa chiều như hoang vắng
một ngày mây có mấy phút vui
gió theo mây ghẹo ngày mưa nắng
anh theo em xin chút ngọt bùi

nhưng đừng nhé nắng vàng mưa trắng
vì mắt anh sáng tối nhạt nhòa
vì tai anh sợ nghe gió lộng
và môi anh thường thiếu nụ cười

đêm ngạt thở và ngày vô vọng
còn gì vui giữa những thăng trầm
âm thanh lặng ngang trời đất trống
gió hoang vu đi đến âm thầm

tâm hồn trống thì gì cũng trống
chỉ có trái tim còn chút khát thèm
rung điệu nhớ riêng mình vô vọng
anh nhớ em hoa nở môi mềm

đêm quỳnh lan điểm sương trắng mộng
ngát hương đưa ngày gục bên thềm
chuyện tử sinh mặc trời cao rộng
vẫn thường tình di dịch diệu êm

một ngày mưa là một ngày chết cứng

anh nhớ em như thú nhớ rừng
biết có kịp ghi lời di chúc
và không em ai nhỏ lệ dùm

uất ngày đêm cách chia xa lắc
thương nhớ hai đầu giữa trống không.

Túy Hà

TT. HIẾU THẢO

Đom Đóm Bay

Đom	đóm	bay	ô	kìa	trong	đêm	tối
Anh	bắt	dùm	để	tặng	cho	em?	
Sáng	lập	loè	và	cứ	mãi	nhá	nhem
Em	yêu	quá-	như	lân	trình	toả	sáng...?

Anh	lại	bảo	em	ơi	nó	-	như	bạn!
Và	làm	bầu	trời	thế	giới	đẹp	nên	thơ
Em	yêu	ơi	hãy	cứ	tập	giả	vờ	
Anh	bắt	nó	rồi	thả	ra	đó	chứ?	

Được	không	em	hay	có	gì	khó	xử	
Một	động	vật	nhỏ	vẫn	sinh	linh?		
Em	hãy	yêu	nó	như	yêu	một	cuộc	tình
Em	cứ	tưởng	khi	yêu	ai	toan	chia	cắt?

Đau	không	em	khi	là	một	bước	ngoặt
Hạnh	phúc	không	tròn	trả	lại	nhớ	thương?
Em	của	anh	hãy	biết	khiêm	nhường	
Hãy	yêu	thương	dù	là	con	buróm	nhỏ...

Ngắm	thôi	em	để	chúng	mình	chúng	tỏ
Phước	đong	đầy	cho	ta	đẹp	tình	yêu?/
V	à	tưởng	tượng	nhé	em	trong	chiều
Đóm- buróm về là tình ta tròn mộn.							

HOÀNG NGUYỄN LINH

Đám Cưới Bên Giường Bệnh

** Viết theo tâm sự của một cựu quân nhân Mỹ*

Tôi tên Don, một cựu quân nhân Mỹ. Khi vừa học xong đại học thì chiến trường Việt Nam bắt đầu. Sau một thời gian huấn luyện, tôi được gửi sang Việt Nam.

Ở đại học tôi theo ngành chính trị và báo chí nên chỉ biết về Việt Nam qua hình ảnh và sách vở. Năm năm khác, hết người Pháp và giờ đến Mỹ liên lụy vào. Những trận đánh như Điện Biên Phủ, Đ...

Sang Việt Nam người ta không cho tôi đi đánh nhau như tôi nghĩ mà cử tôi lo về tâm lý chiến. Tôi chuyển về làm cố vấn cho chi khu Hàm Tân của tỉnh Bình Tuy, một ông cố vấn còn quá trẻ, không có kinh nghiệm cố vấn Mỹ về đến chi khu tức cấp quận, có lẽ vì thế nên thiếu nhân sự. Tôi ăn ở ngay trong quận.

Công việc hàng ngày của tôi là cung cấp tin tức chiến sự lên cấp trên, đề đạt ý kiến mà nhu cầu của quận.

Hàm Tân là một quận hạt nhỏ, sát với Phan Thiết, phía Đông là biển. Dân đa số sống bằng nghề đánh cá hoặc đi chơi xa. Cô bạn gái của tôi ở Mỹ chắc giờ đã có người khác vì 2 lá thư tôi gửi cô ấy đều không có hồi âm. Một Đại úy, khá lớn tuổi, đời sống rất mầu mịch, tôi nghe báo cáo từ ngày ông về làm quận trưởng. Ông có một tài năng: Dưới quyền ông có 4 trung đội địa phương quân, hai trung đội túc trực trong quận, hai trung đội ở các tuyến quan trọng dẫn vào quận, nếu Việt cộng vào là bị chặn đánh ngay nên Việt cộng không dám vào. Ông không có gì giải trí, thỉnh thoảng được về Sài Gòn nhưng rồi cũng phải trở lại nhiệm sở. ..

Cho tới một hôm tôi nhận được giấy mời của ông hiệu trưởng trường tiểu học Hàm Tân mời tôi và ông quận trưởng và phó quận trưởng ngồi hàng ghế quan khách cùng với các vị xã trưởng như ông xã trưởng. Hiệu trưởng, một cô giáo lên nói bằng tiếng Anh, đại ý cảm ơn chúng tôi đến dự và cảm ơn chỉ huy.

Cô nói tiếng Anh rất lưu loát. Nhan sắc thật đẹp. Lần đầu tiên tôi thấy một người con gái Việt Nam nói tiếng Anh trôi chảy, áo dài màu nhạt, tha thướt như một nữ sinh chứ không giống một cô giáo. Tôi ngây ngất nhìn cô, không biết làm cách nào. Đợt chương trình chấm dứt, tôi đi thăm phòng học rồi lân la đến gần cô. Tôi nói:

- Tôi tên Don. Rất hân hạnh được gặp cô.
- Cảm ơn anh. Tôi tên Hạnh.
- Cô nói tiếng Anh hay lắm. Cô dạy ở đây lâu chưa ?
- Mới gần một tháng. Tôi tốt nghiệp trường sư phạm Sài Gòn và về đây.

Tôi nói với cô:

- Tôi về quận này được gần một năm rồi.

Tôi định nói: “Lần đầu tiên tôi thấy một người con gái đẹp như cô” nhưng không hiểu sao tôi lại

- Cô nói tiếng Anh không khác gì người Mỹ.

- Cảm ơn anh đã quá khen.

Hạnh thay mặt ông Hiệu Trưởng mời chúng tôi ăn bánh và uống nước rồi mới ra về. Tôi bắt tay trả lời, nhưng nhìn khoé mắt tôi hiểu là Hạnh cũng có cảm tình với tôi.

Tôi biết chỗ ở của Hạnh. Nàng thuê một phòng trên lầu của một căn nhà đẹp nhất quận, người Mỹ, đi đâu cũng bị dân địa phương dòm ngó nên thỉnh thoảng mới đến thăm nàng. Hạnh không cho tôi đi chơi nhưng rất khó vì an ninh trong quận nên không dám đi xa và có lẽ Hạnh cũng không

Tôi mỗi ngày một yêu Hạnh hơn nhưng không biết làm sao. Lấy chồng tôi biết nàng chưa sẵn sàng, hơn nữa nàng lại là một cô giáo nên cần phải giữ gìn ý tứ...

Chiến trường ngày một sôi động và biến chuyển quá mau lẹ. Chính phủ Mỹ dự trù rút khỏi Việt Nam. Tôi rất buồn vì phải xa Hạnh. Khi hành lý đã sẵn sàng tôi đến tìm Hạnh, rất may Hạnh mới đi công tác, máy bay trực thăng đến đón và tôi phải đi ngay. Hạnh im lặng không nói gì. Lúc này sao tôi thấy đầu từ chối. Tôi đến bên Hạnh rồi không hiểu sao tôi ôm chầm lấy nàng và hôn lên má, lên môi, đôi môi mềm và ngọt ngào như vậy. Tôi có cảm giác tôi là người đầu tiên hôn nàng. Hạnh không nói gì. Mỗi lúc sau tôi mới buông Hạnh ra và nói lời xin lỗi: “Anh xin lỗi đã làm em bất ngờ nhưng anh

Có tiếng máy bay trực thăng, tôi nói trong vội vàng: “Mong có một ngày anh trở lại đón em” và Chiến tranh Việt Nam chấm dứt.

Người bạn gái của tôi ở Mỹ khi xưa đã đi lấy chồng. Tôi sống bơ vơ. Thời gian trở lại Việt Nam, quân nhân giải ngũ sau chiến tranh Việt Nam. Tôi làm đủ thứ nghề nhưng không có nghề nào ổn định, chẳng lo về quốc phòng. Tuy gọi là Engineer nhưng không có liên hệ nhiều với kỹ thuật nên rất nhàn tẻ. Một chiến hạm. Đầu tiên một nhóm engineer design phần hardware, họ họp và bàn luận, khi đã xong cuộc họp rồi người ta viết cách thử bộ phận này như thế nào, sửa chữa cho đến khi hoàn tất rồi lại họp, gọi là document để về xem lại và đề nghị sửa chữa nếu cần rồi in ra bản mới. Tôi, đại diện hải quân, đem ra test thử. Mỗi lần làm như thế tôi lại được gọi đến như là nhân chứng. Hằng định ngày họp và theo dõi xem họ làm có đúng như document không, nếu đúng thì chúng tôi ký vào biên bản, nếu không, khác. Công việc hàng ngày của tôi chỉ có thế, không mấy hứng thú nhưng tôi cần có tiền để tiếp

Một hôm tới giờ ăn trưa, tôi đang đi trong hành lang để đến phòng ăn. Xa xa có một người

- Xin lỗi có phải cô Hạnh không ?

Người con gái mỉm cười thật tươi:

- Dạ. Ô kìa anh Don. Anh cũng làm ở đây hử?

- Anh làm ở đây được một năm rồi. Còn Hạnh ?

- Em ở Building bên kia, hôm nay mới thuyền chuyển sang đây.

Tôi mừng quá rồi ôm chầm lấy nàng và chúng tôi vào ngồi ăn với nhau. Hạnh cho tôi biết nàng Liên theo đoàn người ra bến Bạch Đằng, lên được tàu rồi sang Phi Luật Tân, một năm sau vào làm Electronic Technician.

Tan sở ra về tôi không biết là mộng hay thực nữa. Tôi không ngờ có ngày gặp lại nàng. Hạnh mừng lắm nhưng chỉ một lúc sau Hạnh lộ vẻ buồn.

Tôi đến thăm Hạnh và được biết Hạnh và em gái sống với nhau. Mẹ Hạnh ở lại Việt Nam đợi tôi ngoài Bắc... Thỉnh thoảng chúng tôi đi chơi với nhau rồi tôi đề nghị làm đám cưới, Hạnh lắc đầu không có ai khác nữa nhưng đám cưới thì nàng không bằng lòng. Hạnh rủ tôi thỉnh thoảng đến. Chúng tôi gặp lại nhau được gần một năm thì Hạnh phải vào nhà thương vì một căn bệnh hiểm nghèo. Tôi vào thăm thì lúc đó Hạnh đã hôn mê và không nói được nữa.

Liên, em gái của Hạnh biết chúng tôi thật tình yêu nhau nên nói với tôi: “Chị Hạnh yêu anh nên không dám nhận lời lấy anh, sợ anh phải khổ...”, nói rồi Liên đưa cuốn nhật ký của Hạnh tôi viết bằng 2 thứ tiếng: Việt và Mỹ;

Hàm Tân ngày...Người đàn ông đầu tiên hôn tôi lại là người Mỹ. Từ trước tới giờ tôi vẫn tâm trí oái oăm, anh hôn tôi rồi anh bỏ tôi để về Mỹ... Nhìn đôi mắt anh tôi thấy anh thành thật, anh cười và run rẩy trong tay anh. Tiếc quá sao hôm đó tôi không ôm chặt lấy anh rồi đi theo anh để bây giờ làm sao, cũng lặn lội thôi nhưng sao tôi thấy hơi là lạ, tôi bậm môi rồi nuốt vào trong bụng như nuốt đắng.

Cali ngày... Bao nhiêu mong ước được gặp lại anh và rồi cuối cùng được gặp anh trên đất Mỹ. Anh nói lời anh được. Em không muốn làm khổ anh. Bác sĩ nói em chỉ sống được hơn 1 năm nữa. Em cố gắng sống.

Hôm sau tan sở tôi đến thẳng bệnh viện thăm Hạnh. Ngồi một lúc thì Liên tới, tôi bàn với Liên về bệnh. Rồi tôi nói với Liên: “Anh sẽ làm đám cưới với Hạnh”. Liên ngạc nhiên không hiểu sao tôi lại thấy tôi nhất định nên Liên nghe theo. Tôi liên lạc với vị Mục Sư trong nhà thờ để định ngày, Liên mời 3 người bạn trong sở, có một người là xếp của Hạnh. Đám cưới hôm đó có 9 người. Liên được chấp thuận. Thế là đám cưới bên giường bệnh được diễn ra. Vị Mục sư hỏi tôi đại khái: “Chị Hạnh bằng lòng sẵn sàng Hạnh suốt đời không ? Thưa Bằng lòng”. Mục sư quay ra hỏi Hạnh: “Hạnh, em có đợi không biết sao, Liên nhanh nhẹn ghé sát vào tai chị: “Nếu chị bằng lòng lấy anh Don thì chị nói với tôi vỗ tay mừng rỡ. Vị Mục sư cũng vui mừng và nói: “Lần đầu tiên trong đời tôi cử hành một đám cưới.”

Sau hôm đám cưới, Hạnh vui hơn và tỉnh lại dần. Rồi như một phép lạ, ba tuần sau nàng được xuất viện và thể tự túc được. Hàng ngày tôi và Liên thay nhau săn sóc Hạnh. Tám tháng sau Hạnh đi lại được rồi.

Tôi sống với Hạnh như thế được gần 6 năm. Rồi một hôm Hạnh mệt và không muốn ăn, Liên sau Hạnh có hẹn với bác sĩ, tôi dự tính sẽ hỏi xem tình trạng như thế nào. Rồi không hiểu sao Hạnh sinh cho em nhiều quá. Em yêu anh và mãi mãi yêu anh. Em biết bệnh tình của em. Em không sợ.

nằm im, hơi thở không đều. Tôi vội vàng gọi xe cứu thương. Xe cứu thương tới đưa Hạnh vào Hạnh được giữ lại trong nhà thương. Vì phải đợi kết quả thí nghiệm nên chưa biết bệnh tình ra viện đến tuần lễ thứ hai thì Hạnh hầu như không còn biết gì nữa, tim đập bất thường. Rồi bác sĩ lời chia buồn với tôi. Lúc này Hạnh đã ngừng thở. Ông ra lệnh cho y tá tháo giầy nối nước bi lên trán nàng và nước mắt tôi tự nhiên chảy ra...

Hoàng Nguyên Linh

THÔNG TIN MONG ĐƯỢC LƯU Ý :

*Nhằm đáp ứng yêu cầu của một số bạn đọc ở xa và thân hữu Cũng là cơ hội để tìm nguồn trang trải ấn phí, Trầm Hương quyết định Kính mời gọi toàn thể Quý thân hữu và Quý bạn đọc ủng hộ và giới thiệu thân hữu đặt mua Tạp chí Trầm Hương dài hạn theo thể lệ sau:

A - Ấn phí kèm cước phí bưu điện

- một năm 4 số = 40 mỹ kim
- Hai năm 8 số = 70 mỹ kim

B - Ủng hộ ngoài luồng : tùy nghi

C- Quảng cáo cho mỗi số : Trang bìa full color

- Bìa sau = 200 mỹ kim
- Bìa trong = 150 mỹ kim
- Trang đen trắng = 80 mỹ kim
- ½ trang đen trắng = 40 mỹ kim
- Khỏ danh thiếp = 20 mỹ kim

***Chi phiếu ghi tên Tong Pham và xin gửi về :**

Mr Tong Pham

PO. Box 681822 Houston, TX 77268

Email : muoinhu@yahoo.com

-----PHIẾU ĐẶT
MUA BẢO DÀI HẠN

(Xin ghi chú vào O trống)

O- Một năm

O- Hai năm

Xin gửi báo về địa chỉ :-----

Và địa chỉ-----

Kèm chi phiếu----- mỹ kim

Tạp Chí Trầm Hương chân thành cảm ơn và mong mỗi nhận được sự ủng hộ của toàn thể Quý Độc Giả, Thân hữu và Ân nhân.

DANH SÁCH ÂN NHÂN ỦNG HỘ TRẦM HƯƠNG

MỖI KỲ BÁO

KMT PRECISION MACHINES và VH Đào Lê

PHƯƠNG MY AUDIO & VIDEO và nhà thơ Songthy

NAM PHƯƠNG RESTAURANT (Atlanta, GA.và Hương, Tiếng)

VISION OUTLET Houston, TX

ALLSTATE INSURANCE (LeonVu)

AB FURNITURE

Nhà Thơ Vĩnh Tuấn (in bìa = \$200.00)

Chủ Nhiệm Nguyễn Đức Nhơn (\$200.00)

Chủ Bút Túy Hà (\$100.00)

Nhà thơ Như Phong (\$ 200.00)

Phạm Tương Như (\$200.00 + quảng cáo)

VH Minh Xuân (WA)

VH Song An Châu (GA)

Nhà Thơ Trần Văn Lệ (CA)

VH Cái Trọng Ty (Houston, TX)

VH Nguyễn Khoa Lộc (Houston TX)

VH Hoàng thị Thanh Nga (GA)

VH Vương Hồng Ngọc (WA)

VH Xuân Bích (OK)

MUA BÁO DÀI HẠN:

Dr. Nguyễn Quyền Quới (Jacksonville, FL.)

Đặng thị Phụng (Tomball, TX.)

Đỗ Minh Giang (Marrero, LA)

Ms. Jannifer Nguyễn (Denver,CO)

Trần Kim Huê (Houston Tx)
Tina Pham (Dallas Tx)
Đinh văn Đại (Phoenix AZ)
VH Thái Tầu (Houston TX)
Nguyễn văn Giang (San Jose)
Quỳnh Hương (CO)
Hoàng Huy Giao (Houston TX)

*Một số thành viên khác ủng hộ tài chánh không định kỳ

TRÂM HƯƠNG HÂN HẠNH GIỚI THIỆU
Văn hữu HOÀNG THỊ THANH NGÀ và Truyện dài
MÂY NGANG TRỜI mới phát hành.
Muốn có sách xin liên lạc :thanhnga4530@yahoo.com